

Đỉnh
Hàng

QUẢ, Trẻ để CHẾT

Hành trình nước Mỹ



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN



Sinh tháng 9/1987

Khi đi làm thì là phóng viên hay chuyên viên truyền thông.

Khi du lịch bụi thì là Ta ba lô, travel blogger, người chụp ảnh, kẻ lang thang, thích chuyện trò với người lạ và tò mò ngắm nhìn thế giới.

Tự do như gió, đam mê những con đường như tình nhân và khao khát xê dịch như lẽ sống cuộc đời.

dinhhang.com

facebook.com/dinhhang

"Những hành trình lớn cần những trái tim
dũng cảm"

TRƯƠNG ANH NGỌC

tác giả *Nước Ý, câu chuyện tình cảm của tôi* nói về
Quá trẻ để chết: Hành trình nước Mỹ

*Xin dành tặng Mẹ
và những người bạn
đã không bao giờ bỏ tôi
trong những ngày tháng đó.*

Tên các nhân vật trong sách được thay đổi một cách ngẫu nhiên để bảo vệ sự riêng tư của họ, ngoại trừ những người cho phép tôi sử dụng tên thật khi nói về họ trong cuốn sách này. Đó là Robert, Hayden, Đức, chị Chi và vợ chồng VanHalen. Có những nhân vật không có tên, vì tôi muốn họ sống cuộc sống của mình trong yên bình, và cũng vì tôi không muốn gọi những người mình đã yêu bằng tên của người khác.

Phần 1

BỜ ĐÔNG, NHỮNG NGÀY XUÂN ĐẦU TIÊN

Chương 1

Những ngày đầu xuân tháng 4/2013, Washington, D.C.

Tôi thả cái ba lô nặng trĩu xuống nền ga tàu điện ngầm Prince George's Plaza lúc trời không còn vết sáng. Ba tiếng lòng vòng từ sân bay Washington Dulles (Washington, D.C.) về đến Hyattsville (bang Maryland) đã vắt kiệt sức tôi sau chuyến bay dài hai sáu tiếng từ bên kia trái đất. Tôi bất giác nhận ra bên cạnh là hai thanh niên da màu đang gươngm gươngm nhìn mình, cơ hồ sẽ giật lấy cái ba lô bất cứ lúc nào. Cảnh sát lúc này đã ở quá xa. Phố vắng tanh. Xa xa có tiếng vài đứa trẻ đang vừa đi vừa trượt ván. Tôi ngược lên nhìn trời, tự hỏi mình đang làm cái quái gì ở đây?

Mới chưa đầy ba mươi tiếng mà Sài Gòn ồn ã đã được thay bằng khoảng không gian quanh quẽ này.

Vậy đây là nước Mỹ.

Về sau, trên suốt quãng đường lang thang dọc ngang đất nước khổng lồ này, tôi vẫn tự hỏi: Tại sao nơi đầu tiên tôi đặt chân lên không phải là New York hoa lệ, Las Vegas hào nhoáng hay Los Angeles mộng ảo? Đáng ra vào thời khắc ấy, người tôi mong chờ phải là người khác với một cái ôm siết chặt đến nát cả tim và một nụ hôn quên cả đất trời, cuộc đời tôi phải trôi theo hướng khác, nơi tôi đứng cũng phải là một nơi khác.

Tôi đâu biết rằng, bắt đầu từ đêm ấy, từ cái trạm tàu điện ngầm tẻ

ngắt một đêm đầu xuân ấy, cuộc đời tôi rồi sẽ đổi thay mãi mãi.

Khi ấy, Robert xuất hiện.

Chương 2

Chúng tôi bắt đầu một buổi chiều đẹp trời bằng hai viên Gelato⁽¹⁾ vị Crema và Pistachio trong quán Pitango trên đường số 7, quán kem ưa thích của Robert ở Washington, D.C. Tháng Tư, mùa xuân ở thành phố bờ Đông nước Mỹ cuối cùng đã đến với những cánh hoa anh đào mỏng manh nở bung trong nắng sớm. Người ta có thể tới thăm D.C. để thấy Nhà Trắng, biểu tượng chính trị quyền lực nhất nước Mỹ, ngắm bức tranh triệu đô của Leonardo Da Vinci trong Bảo tàng Nghệ thuật Quốc gia, hay trầm trồ chiêm ngưỡng mái vòm Capitol trên đỉnh đồi cùng tên... Nhưng vào những ngày đầu xuân này, dân Mỹ kéo đến thành phố thủ đô là để ngả mình trên cỏ, dưới bức màn anh đào dệt bằng màu hồng phấn xen lẫn trắng tuyết. Hơn trăm năm trước, ba ngàn cây anh đào đã đi một hành trình dài dằng dặc vượt đại dương từ Yokohama, Nhật Bản đến D.C. như món quà thể hiện tình hữu nghị giữa hai nước ở hai nửa khác nhau của thế giới. Một thế kỷ đã trôi qua kể từ khi đệ nhất phu nhân nước Mỹ và phu nhân đại sứ Nhật cùng nhau trồng những cây anh đào đầu tiên, giờ đây hàng ngàn cây anh đào với gần hai mươi giống khác nhau vẫn điểm xuyết những vệt màu rực rỡ trên bản đồ thành phố mỗi dịp xuân về. Những cây anh đào trăm tuổi của Nhật cắm rễ, hấp thu khí trời và giờ đây đang tung cánh giữa những ngày xuân đẹp nhất của D.C.

Người nào trót yêu vẻ hờ hững khi anh đào từ từ bung cánh, sức căng tràn khi cây vào độ mãn khai, hay như tôi, say mê nét mỏng manh buồn man mác của cánh hoa sau cơn mưa lớn... đều có lý do để đón những chuyến bay, lên những chuyến xe đường dài hay dành thời gian sau ngày làm việc đi dạo ở hồ Tidal, đài tưởng niệm Washington hay quanh Điện Capitol. Trên những lối đi vương đầy cánh anh đào, có thể dễ dàng bắt gặp cả một gia đình đang dật nhau đi ngắm hoa. Dưới gốc một tán cây khác là chiếc xe đạp nằm hững hờ bên cạnh người chủ đang chậm rãi đọc sách. Vào cuối chiều, cơn gió nhẹ lướt qua mặt hồ Tidal mang theo chút se lạnh chỉ đủ làm cho cô gái xinh đẹp khẽ nép mình vào vai người yêu trên bức nền

của hàng trăm cành anh đào Somei Yoshino ngả rạp về phía mặt nước.



Mùa anh đào rực rỡ bên hồ Tidal, thủ đô Washington, D.C.

“Hồi còn nhỏ cô muốn lớn lên sẽ trở thành gì?” Robert hỏi khi chúng tôi đi dưới những tán anh đào.

“Đó là câu hỏi mà chính tôi vẫn tranh cãi với mình nhiều năm qua. Còn ông?”

“À, tôi cũng không biết nữa.”

Đó là câu trả lời của một người đàn ông Mỹ đã sống qua sáu thập kỷ. Robert nhún vai. Sau này khi quen biết Robert nhiều hơn, tôi biết là ông không đùa. Thực ra tôi không bao giờ ngạc nhiên với những gì Robert nói, khi tôi biết rất nhiều chương trong cuốn sách cuộc đời ông đến giờ phút này đều do ông tự viết nên. Với Robert, số phận hay những gì tương tự như vậy không có trong từ điển cuộc đời mình. Khi còn đôi mươi, chỉ với một chiếc ba lô và sự rong chơi tuổi trẻ, Robert đã đi quá giang xe khắp các bang tại Mỹ rồi xuống tận Mexico và từng đối mặt với nguy cơ bị bắn chết ở đây. Ở tuổi gần ba mươi, Robert chấm dứt việc làm con nghiện tiệc tùng, ma túy, rượu bia và chuyên tâm học hành sau khi làm một bài Kiểm tra IQ (chỉ số thông minh) và nhận ra “Tôi vốn thông minh hơn mình tưởng”. Rồi đến năm năm mươi sáu tuổi, Robert trở lại giảng đường đại học để học một chuyên ngành hoàn toàn lạ lẫm với bản thân. Khi đến lục tuần, ông chuyển từ bang Iowa đến D.C. làm việc và sống trong một căn phòng tầng hầm ở bang Maryland bên cạnh chú chó tên Socs. Giờ đây ông làm lập trình viên cho Cục Thống kê Lao động thuộc Bộ Lao động Mỹ. Vào các ngày cuối tuần, ông vẫn dành khoảng 12- 15 tiếng để tự học một ngôn ngữ lập trình mới.

Trong khi đó, người anh sinh đôi của ông bị mắc kẹt ở xứ đồng quê Iowa đã trở thành kẻ nghiện rượu và cố tìm cách tự tử nhiều lần. Cuộc đời Bill - anh trai của Robert - xuống dốc dần sau khi trở về từ chiến trường Việt Nam. Nhìn họ, tôi nghĩ cuộc sống này luôn chất đầy những lựa chọn. Số phận của Robert do chính ông tạo nên bằng những lựa chọn. Thiếu chúng, Robert đã không bao giờ là Robert mà tôi gặp trong một lần tình cờ chọn ai đó để xin ở nhờ một ngày mùa xuân tháng Tư năm 2013, một Robert mà dù biết nhau đủ nhiều vẫn có thể khiến tôi ngạc nhiên hết lần này đến lần khác. Sáu mươi tư tuổi, Robert không hề mang trong mình một căn bệnh tuổi già nào và vẫn thường xuyên đi bộ mười cây số từ sở làm về nhà. Sáu mươi tư tuổi, Robert có thể nói rõ cho tôi ngày, tháng, năm mà ông hút điếu thuốc cuối cùng. Sáu mươi tư tuổi, Robert vẫn thường xuyên đi du lịch một mình như một Tây ba lô. Ông đang làm việc chăm chỉ và chuẩn bị cho những chuyến đi dài hơi hơn khi đã nghỉ hưu.

“Lựa chọn là của cô, Hằng ạ. Không ai sống thay cuộc đời mình được đâu. Chúng ta luôn phải làm những điều phải làm để tiến về phía trước, cuộc sống là thế,” Robert nói.

Tôi ngẫm nghĩ về cuộc trò chuyện với Robert trong lúc chậm chậm đi dưới những hàng anh đào trổ bông giữa sắc trời xanh ngắt và màu nắng óng vàng. Trong hai tuần ngắn ngủi, những cánh hoa đạt đến độ tuyệt mỹ, rồi lìa cành, rơi vào trong gió. Bụng tôi hết mình, rồi trở về với đất. Tôi quyết định mua chiếc vé máy bay giờ chót đến D.C. đúng đỉnh điểm trổ bông của anh đào, để lại mọi thứ sau lưng. Ở giữa mùa hoa, trong mùa đẹp nhất của đời người, tôi là một lữ khách cô độc không quá khứ, chẳng tương lai, chỉ có một “căn nhà” mang trên lưng suốt hành trình dài trước mặt: hai ba lô nặng ba mươi tư ký đựng lều, túi ngủ, quần áo, sách hướng dẫn du lịch, và vô vàn thứ linh tinh khác. Tôi đã mất ít nhất hai tiếng đồng hồ để nhét toàn bộ các vật dụng cần thiết cho chuyến đi vào ba lô. Bình thường tôi không mất nhiều thời gian đến vậy, chỉ cần tôi đa nửa tiếng. Nhưng hôm ấy tôi làm mọi thứ với sự trì trệ cố ý. Tôi đi từ phòng khách đến phòng ngủ, nhét một thứ vào ba lô rồi lại trì hoãn thêm một chút trước khi kiểm tra vật dụng kế tiếp. Tôi kéo dài thời gian hoàn thành công việc mà bất cứ dân đi du lịch bụi nào cũng có thể làm thành thạo, chỉ để không biến mình thành một kẻ hoảng loạn với ý nghĩ “Tôi sẽ ra đi vào ngày mai.” Tôi rời khỏi mảnh đất nơi mình đã sinh ra và lớn lên trong một phản tư thế kỷ, ném mình vào một hành trình ở phía bên kia địa cầu, không biết sẽ xa đến đâu và lâu đến chừng nào. Tôi và chiếc ba lô sẽ làm bạn và sống sót với nhau trên những cung đường xa lạ, ở những vùng đất chưa bao giờ quen, gặp những người chưa bao giờ biết. Cảm giác chuẩn bị đi ra khỏi “vùng an toàn” của mình khiến tôi vừa phấn khích vừa do dự. Dù biết có thể nào đi nữa thì vé máy bay cũng đã nằm trong túi, hộ chiếu đã đặt sẵn trong ba lô, tôi chỉ cần bước ra đến sân bay và rồi mọi chuyện sẽ cứ thế lao đi vun vút.

Tuần trước đó, mẹ hoàn toàn im lặng khi tôi thông báo đã mua vé máy bay đi Mỹ, chỉ buông một câu ngắn gọn: “Nếu không lấy nhau nữa thì sang đây làm gì?” Tôi nói với mẹ rằng chuyến đi này đã được lên kế hoạch một năm nay rồi, và dù anh đã bỏ tôi ngay trước chuyến đi, tôi sẽ vẫn lên đường. “Đây là chuyến đi của con, dù gì đi nữa,” tôi nói trước khi mẹ lại chìm vào im lặng. Chúng tôi đã

cãi nhau đủ nhiều để không cần thêm lời qua tiếng lại nào nữa. Tôi biết mẹ sốc khi hay chuyện, vì bấy lâu nay mẹ đã coi anh như con rể. Tôi, dĩ nhiên là sốc hơn vì không thể tin rằng người mình yêu sau chừng đó năm trời có thể bỏ mình vào phút cuối cùng. Tôi đã khóc trắng đêm chúng tôi nói lời chia tay, tưởng như cơ thể đã kiệt quệ và cạn khô vì hết nước mắt. Tôi đeo kiếng lặn, ngâm ống thở, vác bình ôxy lặn xuống đáy biển; tôi bay vút lên trời cùng chiếc dù căng gió, nhưng nỗi đau vẫn gặm nhấm tôi ngấu nghiến không buông tha. Ngày qua ngày, tôi thấy cơ thể và tâm hồn mình cứ bị bào mòn mãi trong một cuộc tổng tấn công của những ký ức, thất vọng, tiếc nuối, buồn đau, oán giận, mà tôi gần như là kẻ đứng im chịu trận.

Một ngày đầu tháng Tư, tôi về nhà, nhét tất cả mọi thứ vào ba lô. Việc đã nghỉ, nhà trọ đã trả, đồ đạc bảy năm tích góp ở Sài Gòn phần mang về nhà mẹ, phần đem gửi, phần đem bán. Tôi nghĩ, thế là đủ rồi. Không thêm được nữa. Tôi không thể để cho mình bạc nhược nhìn tất cả những cảm xúc tiêu cực ấy hả hê giẫm đạp lên cuộc đời mình. Tôi càng không thể đợi đến một ngày tự mình tìm lấy một cây cầu rồi nhảy xuống dòng nước. Không trì hoãn nữa, tôi ra đi để thực hiện hành trình một năm trước tôi và người mình yêu đã hứa với nhau. Dù giờ đây, người bạn đồng hành duy nhất của tôi là hai chiếc ba lô nặng tổng cộng ba mươi tư ký trên lưng. Tất cả những gì tôi có đang nằm một góc trong phòng khách nhà Robert, bên cạnh ghế xô pha sẽ là giường ngủ của tôi nhiều ngày tới.

Chắc chắn sẽ nhiều người lắc đầu ái ngại với ý nghĩ cho những người chưa bao giờ quen đến ở nhà mình. Bởi điều khó học nhất khi bạn đang trên những cung đường không quen là tin một người xa lạ. Việc ấy nghe chừng giản đơn nhưng khó khăn đến không ngờ. Vậy mà trên thế giới có hàng triệu người như tôi đã làm được một việc là giao toàn bộ căn nhà của mình cho người lạ đến từ những vùng trời xa xôi. Và chúng tôi cùng thuộc một tổ chức, cộng đồng homestay quốc tế phi lợi nhuận dành cho những người yêu thích du lịch bụi có tên Couch Surfing (hiểu vô cùng đơn giản là “Lướt xô pha”). Với ý nghĩa ấy, thành viên của cộng đồng rộng lớn đang sinh sống trên toàn thế giới (kể cả Afghanistan và Nam Cực) sẽ sẵn lòng giúp đỡ các Couch Surfer (cách gọi các thành viên của cộng đồng) khác bằng việc cho ở trong nhà mình hoàn toàn tự nguyện và miễn phí. Tinh

thân “chia sẻ ngôi nhà với những người bạn chưa gặp” giúp cộng đồng ấy tồn tại hơn một thập kỷ vừa qua, để gắn kết hàng triệu người đam mê du lịch bụi trên toàn thế giới.

Robert nhận lời cho tôi ở nhờ chỉ một tiếng sau khi tôi gửi yêu cầu. Ông thậm chí quyết định sẽ đưa cho tôi chìa khóa nhà ngay cả khi chưa gặp mặt. Ông nói: “Đó không phải là việc tôi làm với bất cứ ai.” Tôi thì không hề ngạc nhiên với việc ai đó quyết định trao niềm tin của họ vào tay mình. Hóa chẳng ngược lại mới khiến tôi băn khoăn.

Nếu bạn đang thắc mắc tôi là kiểu dân du lịch nào, thì tôi không đi du lịch theo kiểu nghỉ dưỡng hay đi theo tour. Tôi không ngại nói cho người khác biết tôi là “backpacker”, hay như cách người Việt Nam thường gọi là “Ta ba lô”. Tôi chọn cách đi du lịch bụi, độc lập, chi phí thấp, với chiếc ba lô trên lưng. Tôi di chuyển bằng phương tiện giao thông công cộng, đi bộ hay xin quá giang xe; ngủ trong các nhà trọ rẻ tiền, chọn phòng dorm⁽²⁾ hay Couch Surfing; ăn thức ăn đường phố hay các quán ăn dân địa phương ưa chuộng. Luôn tự lên cho mình một lịch trình riêng biệt không mấy khi trùng khớp với những nơi các tour du lịch vẫn hay đưa khách đến, tôi có đủ thời gian để nán lại nơi mình thích và rời đi thật nhanh khỏi những nơi làm tôi chán ngán. Tôi thường phản đối nếu có ai đó có ý kiến về việc tôi phải đi du lịch như người này nổi tiếng hoặc đến những nơi kia nổi tiếng. Nếu ai đó đưa cho tôi bất cứ một danh sách nào thuộc dạng “1000 nơi phải đến trước khi bạn chết” hay “100 điều cần phải làm khi đến Mỹ”, thì tôi sẽ bảo: “Thế nếu tôi không thích những chỗ này thì sao?” Với tôi, du lịch bụi là đam mê và mỗi người sẽ có những cách khác nhau để đi, những nơi khác nhau để đến. Chuyến đi là của tôi và niềm vui cũng là của tôi. Du lịch bụi cho tôi cơ hội để đắm mình vào một vùng đất xa lạ theo cách của riêng tôi, với khoảng thời gian của riêng tôi, và nhờ thế, có những trải nghiệm của riêng tôi.

Kể từ khi gia nhập Couch Surfing, danh sách bạn bè của tôi trải dài trên bốn châu lục. Vòng tròn Couch Surfing kéo chúng tôi lại gần nhau bất chấp mọi rào cản về địa lý, tôn giáo, màu da, trình độ... Ở đó chỉ có những con người không ngần ngại mở rộng trái tim, vòng tay và cánh cửa nhà mình. Trong xã hội công nghiệp ngày nay,

những câu chuyện thoát tưởng chỉ còn trong chuyện cổ tích như thế đang diễn ra rất thật ở thế giới Couch Surfing. Từ một ý tưởng nghe chừng thật kỳ quái, cộng đồng này đã thay đổi hoàn toàn cách nhìn nhận và đánh giá con người. Các Couch Surfer gắn kết với nhau hoàn toàn dựa trên sự tin tưởng, và không gì khác hơn là phải tin tưởng, để trở thành một thành viên của cộng đồng.

Couch Surfing thay đổi thế giới từ những điều rất giản dị như thế. Và Couch Surfing cũng thay đổi cuộc đời tôi.

Tôi tiết kiệm được rất nhiều tiền bằng việc ở nhờ. Tôi đi xa hơn, nhìn thế giới khác hơn và nhận ra cuộc sống cũng đang đổi đời với mình theo một cách tốt hơn, nhờ Couch Surfing. Với bất cứ người đam mê du lịch bụi nào, giấc mơ lớn nhất là được sống như một người bản địa, nhìn cuộc sống qua lăng kính của dân địa phương. Bằng Couch Surfing, tôi không phải là một người mới đến đang nhìn thành phố với con mắt lạ lẫm nữa, tôi ăn ở những nơi dân bản địa ưa chuộng, đến nơi vốn dĩ không có trong sách hướng dẫn du lịch và biết những điều vốn không được đề cập trên sách báo. Bằng Couch Surfing, tôi trở thành một phần của vùng đất nơi mình đang viếng thăm, hít thở bầu không khí xa lạ một cách thân quen, và dĩ nhiên thôi, tôi có thể sẽ yêu nơi chốn mà mình chưa từng sinh ra ở đó.

Nhờ Couch Surfing, tôi cũng yêu thêm những ngõ ngách của thành phố nơi mình đang sống. Tôi tự hào kể cho những người bạn đến từ bốn phương trời lịch sử của những tòa nhà, mua cho họ những thức ăn đường phố “ngon đến kinh ngạc” và cho họ thấy lòng mến khách nhiệt thành của người Việt Nam. Tôi trở thành một Couch Surfer, mở cánh cửa nhà mình rộng ra cả thế giới, đón chào những người bạn chưa bao giờ gặp mặt. Tôi cũng sẵn lòng gửi đi thông điệp cho tất cả các chủ nhà tôi xin ở nhờ: “Tôi có thể ngủ trên giường, trên ghế xô pha, trên nệm, trên thảm, hay trên bất cứ chỗ trống nào còn lại trong nhà bạn. Vì tôi trông đợi được gặp và làm bạn với một người thú vị, hơn là tìm kiếm một chỗ ở miễn phí.”

Chương 3

Tôi và Robert tình cờ phát hiện ra quán “Pho Thom” trong một lần đi bộ sang khu College Park. Đó là một nhà hàng Việt Nam giá cả rất phải chăng, chỉ bằng nửa giá ở khu China Town giữa D.C. Chúng tôi luôn “Go Dutch” (tiền ai nấy trả) đúng kiểu Mỹ mỗi khi đi ra ngoài ăn, dù việc ấy cũng không diễn ra thường xuyên. Tuy Robert thừa nhận rằng Bộ Lao động trả đủ nhiều để ông có thể chịu đựng cường độ công việc đang làm, nhưng phần lớn thời gian Robert nấu ăn ở nhà.

“Tôi không có đủ thời gian đăng đi ra ngoài ăn. Hơn nữa ra ngoài ăn tốn kém và mình thường phải tip⁽¹⁾. Tôi biết nấu ăn và tôi chẳng thấy việc ấy phiền gì mình cả,” ông nói.

À phải, Robert làm lập trình viên, lại còn ở một cơ quan chính phủ, công việc cực kỳ căng thẳng, đặc biệt là khi ngày báo cáo số liệu hàng tháng tới gần. Những con số về tỷ lệ thất nghiệp, lượng người tìm được việc làm mới... có sức nặng ghê gớm và yêu cầu độ chính xác cao. Ai cũng biết rằng nền kinh tế Mỹ đứng đầu thế giới, chỉ cần một cái hắt hơi thôi, nền kinh tế này cũng có thể khiến các quốc gia ở bên kia địa cầu dính phải cảm cúm. Có những ngày, Robert về nhà mệt nhoài sau khi làm việc hơn mười một tiếng. Nếu ai đó nghĩ làm việc cho nhà nước ở Mỹ cũng nhẹ nhàng và ổn định như ở Việt Nam thì họ lầm. Mỗi khi ra khỏi văn phòng, Robert tắt điện thoại và hoàn toàn không động đến nó cho đến sáng hôm sau. Lý do đơn giản thôi. Ông đã nhận đủ áp lực ở văn phòng, không muốn bị làm phiền sau giờ làm. Sáu mươi tư tuổi, Robert vẫn phải đối mặt với nguy cơ bị mất việc khi Bộ Lao động ra quyết định cắt giảm biên chế. Ông tự gọi mình là một con robot, thức dậy vào đúng giờ đó, ra khỏi nhà vào đúng giờ đó, trở về vào đúng giờ đó, làm đúng những việc đó, ngày này qua ngày khác. Cuộc sống của Robert, nếu thiếu chú chó Socs và những chuyến đi du lịch, sẽ chỉ là cuộc sống của một con robot không hơn.

Robert trái ngược hoàn toàn với John, người đàn ông sống ở góc

nhà đối diện. John không bao giờ nấu ăn, là khách hàng trung thành của tiệm McDonald's cách nhà năm phút lái xe. Không bạn bè, không người thân, không có bất cứ mối quan hệ nào, John sống độc thân sau khi mẹ ông qua đời ở tuổi năm mươi.

“Đó là một mối quan hệ không lành mạnh tí nào,” Robert nhấn mạnh việc một người đàn ông sống với mẹ mình đến tuổi ngũ tuần.

Tôi thỉnh thoảng vẫn chào John khi tình cờ gặp ông lúc đi tắt qua lối về nhà sau vườn. Đôi khi tôi và Robert ghé qua biếu John một ổ bánh vừa làm sáng cuối tuần hoặc ngồi ngoài hiên trò chuyện đôi phút với ông. Ông không bao giờ mời chúng tôi vào nhà.

“Tôi không nghi ngờ trong đó là một mớ hỗn độn, chỉ có một lần duy nhất tôi có cơ hội nhìn thấy bên trong nhà John là lần giúp hắn sửa ống nước. John chẳng bao giờ mời ai vào nhà mình cả,” Robert giải thích. “Cô thấy đó, John là kiểu người không thấy việc chăm sóc bản thân là điều cần phải làm. Anh ta không đến phòng gym, không đi bộ, người phát phì ra từng ngày. Tôi mới đến sống ở đây hai năm nhưng theo tôi biết tôi là bạn duy nhất của John. Nói vậy là cô đủ hiểu việc giao tiếp xã hội của John thế nào. John không bao giờ hiểu được vì sao lại có những người như tôi, có thể làm việc cật lực rồi kiếm được bao nhiêu tiền là dùng hết vào chuyện đi du lịch chỗ này chỗ kia. Hoặc như cô, bỏ việc, trả nhà rồi đi nửa vòng trái đất, chỉ vì thích đi thôi. Với John, tôi và cô hẳn là kiểu người mất trí.”

Ngay sát vách nhà John, bên kia lối đi bộ rải sỏi là nhà một phụ nữ trung niên cũng sống một mình. Bà Pam là một góa phụ, có khu vườn được chăm chút và tía tốt đẹp mắt phía sau nhà. Mỗi khi tôi về trễ phải đi qua lối đi bộ không có đèn đường giữa hai căn nhà, ánh đèn mờ ảo cùng tiếng nước chảy róc rách từ khu vườn giúp tôi định vị, không giẫm nhầm lên một vũng nước đọng bùn sau mưa. Từ lối vào căn phòng tầng hầm của Robert có thể nhìn thấy khung cửa kính lớn được thấp đèn vàng ấm áp trên tầng hai căn nhà gỗ của Pam, thường ít khi 27 được kéo rèm. Khác John, Pam thân thiện hơn với hàng xóm láng giềng, thường xuyên mời họ đến nhà dùng bữa tiệc trà nho nhỏ vào chiều thứ Bảy. Cuộc sống của Pam sung túc hơn John. Thỉnh thoảng, vào những dịp rảnh rỗi, bà lái xe đi nghỉ cuối tuần tại căn nhà bên bờ biển ở vịnh Chesapeake.



Tôi và Robert trước Bảo tàng Nghệ thuật Quốc gia

Suốt tuần đầu tôi ở nhờ nhà Robert, Chela và Daniel, chủ nhân ngôi nhà nơi Robert đang thuê căn phòng tầng hầm, gần như không biết gì về sự hiện diện của tôi. Đơn giản vì họ đi bằng lối trước nhà, còn Robert và tôi dùng lối đi đằng sau vườn. Mà ở cái khu dành cho dân có tiền này, gần như chẳng ai quan tâm đến ai. Chỉ có Robert, với cái máu của dân miền Trung Tây chảy trong mình, thì mới hay chào và hỏi thăm bất cứ ai gặp trên đường mà thôi.

“Sao cô biết đây là khu nhà giàu?” Robert hỏi.

“Vì tôi căng mắt ra cũng chỉ thấy xung quanh đây toàn dân da trắng,” tôi nói nửa đùa nửa thật. “Và nhà nào nhà nấy rõ là to. Cái nhà này to đến độ Chela và Daniel đâu có biết tôi đã ở đây cả tuần rồi.”

Daniel là một công chức của Cục Điều tra Liên bang Mỹ (FBI) đã về hưu. Những tháng ngày đuổi bắt tội phạm của Daniel ở FBI kết thúc sau một cơn tai biến mạch máu não khiến ông mất hoàn toàn khả năng nói và cử động cánh tay bên phải. Nếu gặp phải bất cứ tình huống khẩn cấp nào, Daniel thậm chí có thể làm cho tất cả mọi người căng thẳng hơn bằng việc hét lên “Forty! Forty!”⁽²⁾, từ tiếng Anh duy nhất có trong từ điển mà ông còn có thể phát âm. Chela, một phụ nữ Venezuela, cho hàng xóm thấy rõ mình là người vợ nhẫn nại và tận tâm với chồng, dù cuộc hôn nhân ấy đang đi vào ngõ cụt.

“Sao cô biết cuộc hôn nhân ấy đang đi xuống dốc?” Robert hỏi.

“Vì tôi thấy rõ ràng Chela chỉ đang cố chịu đựng một người đàn ông ích kỷ. Chẳng người phụ nữ nào sinh ra để làm cô trông trẻ cho bạn đời của mình cả.”

Robert lắc đầu. “Tôi thấy tiếc cho bà ấy. Chela đã nhiều lần nói với tôi về việc bỏ Daniel. Cô nhìn thôi cũng biết họ không phải cuộc hôn nhân đầu tiên của nhau. Tôi đồ rằng Chela lấy Daniel phần nhiều vì cái quốc tịch Mỹ. Và tôi đồng ý với cô, chẳng ai muốn lấy một người chồng về để làm cô trông trẻ cả. Chela quả là một phụ nữ đa năng, bà ấy vừa phải làm vợ lại vừa phải làm người giúp việc và làm cả công việc chăm sóc một đứa trẻ đã qua tuổi lục tuần.”

“Tôi thấy khu này kỳ cục hết sức. Tất cả những người tôi gặp đều đã đến ngưỡng trung niên. Có lẽ vì đây là khu nhà giàu chẳng?”

“Hỏi hay đấy. Hai năm ở đây, tôi cũng gặp vài cặp trẻ tuổi tầm trên ba mươi, nhưng rất hiếm. Cô cũng biết đó, không rung rinh tiền làm sao mua được những căn nhà sang trọng và rộng rãi thế kia.”

Khu Robert ở quả là một khu nhà giàu. Những con đường với

nhà khối hộp dài ngoằng và hẹp như ở Sài Gòn không có chỗ ở đây. Tất cả các căn nhà, cả trên lẫn dưới sườn dốc đều trang trí đẹp, sân trước và vườn sau rộng rãi. Những căn nhà gỗ với cửa đỏ, nâu, trắng, nằm cuối con đường rải sỏi từ vỉa hè dẫn vào, trồng đầy những khóm thủy tiên, uất kim hương hay mẫu đơn. Bên dưới những tán cây cao phủ bóng lên cả các nóc nhà là một khu phố chẳng mấy khi nghe thấy một tiếng ồn, ngoại trừ thỉnh thoảng một chiếc xe hơi nổ máy phóng đi. Không nhà nào có hàng rào. Vậy có nghĩa, đây là một khu an ninh cao. Tôi chẳng nghi ngờ gì chuyện những ai sống trong những căn nhà này phải có một núi tiền.

Chương 4

Khi những cơn mưa dai dẳng rót xuống từ bầu trời u ám cuối cùng cũng kết thúc, những cánh hoa trà rụng đầy bãi cỏ ngoài công viên. Robert bảo thời khắc ông mong chờ cả mùa xuân đã đến. Đó là lúc những bụi đỗ quyên trước sân nhà khê nở. Năm nay mùa xuân đến muộn, những khóm đỗ quyên phớt hồng, tím thẫm hay đỏ rực cũng phải chờ đến cuối tháng Tư mới nhú ra những búp nụ đầu tiên. Không kiêu hãnh như anh đào, chẳng ngọt ngào như hoa trà thắm đỏ, đỗ quyên âm thầm bung cánh một sớm mai khi những cơn mưa vừa dứt. Có chờ đỗ quyên từ lúc nụ còn cuộn mình khép chặt, đến khi búp hoa hé mở khê khàng đủ để khoe những chiếc nhụy thanh mảnh, rồi khi những cánh đỗ quyên bung nở vừa độ, lan khắp mảnh vườn trong sắc chín mùi, người ta mới giật mình mùa xuân đã đến độ viên mãn tự lúc nào. Trời D.C. ấm lên từng ngày. Socs thích lắm. Trời nắng ấm nghĩa là nó sẽ được thả ra chơi ngoài sân trước, tha hồ chạy loanh quanh hít hà mùi cỏ và sữa nặng xị với đám chó sát vách nhà. Đều đặn các sáng Chủ nhật, Robert dành nửa tiếng chơi trò ném đĩa với Socs ngay công viên gần nhà. Vì Robert sống một mình nên Socs là người bạn thân nhất. Còn với tôi, Socs là chú chó khôn nhất tôi từng biết. Cũng chẳng lạ gì vì nó thuộc giống Border Collie, giống chó được xếp vào hàng có chỉ số thông minh cao nhất trong các loài chó.



Tôi và Socs một sáng mùa xuân trong công viên gần nhà

Tôi không rõ giữa Robert và Socs tôi thân với ai hơn. Robert thì nói quá nhiều, quá nhanh. Còn Socs thì, dĩ nhiên, chẳng nói gì cả. Nó thích quấn quanh bên tôi mỗi tối, trước khi tôi chìm vào giấc ngủ trên chiếc ghế xô pha. Tôi bắt đầu lờ mờ đoán ra tình trạng trầm cảm tồi tệ của mình vào những đêm thức trắng trong căn hộ tầng hầm của Robert. Ông thường lên giường ngủ vào lúc chín giờ để thức dậy vào lúc năm giờ sáng và pha hai ly latte có rắc bột quế trước khi

đẩy cánh cửa màu trắng đi đến sờ làm. Để giữ yên tĩnh và riêng tư cho cả hai, giữa phòng có một cánh cửa kéo bằng gỗ. Socs, sau khi nằm cạnh chủ đến khi ông ngủ say, vẫn thường tự đẩy cửa đi đến chỗ tôi. Socs nằm cuộn tròn trên sàn trải thảm, lặng lẽ nhìn tôi khóc âm thầm trong ánh đèn tuýp trắng. Tôi bắt đầu những cơn khóc không thành tiếng, không cần lý do và không muốn dừng từ nhiều tuần qua. Mỗi khi cái tên của anh lướt qua trong đầu, những kỷ niệm lại kích hoạt một cơ chế tự động và đẩy nước mắt tôi lên đầy mặt hồ con người, rồi rất khẽ hai dòng nước mặn mòi lặng lẽ chảy xuống má. Nhiều đêm, để không phiền đến người chủ nhà tốt bụng, tôi tắt đèn ngủ, chui vào trong chăn nằm râm rút khóc. Đêm Hyattsville khi ấy thỉnh thoảng xoắn lấy thứ ánh sáng duy nhất còn sót lại trong căn hộ tầng hầm là chiếc đèn vàng rơi xuống bồn rửa chén. Tôi nằm bất động trên xô pha, nhìn trần trần lên trần nhà dát nhờ nhờ ánh vàng leo lét, chờ cho đến khi những dòng nước mắt khiến mình mệt mỏi và chìm vào giấc ngủ. Những ngày tháng ấy, tưởng chừng như nước mắt tôi là một mặt hồ bất tận không bao giờ cạn. Tôi đã khóc nhiều hơn cả hai mươi mấy năm đầu cuộc đời cộng lại. Nước mắt chảy trôi xuống khóe mi, kỷ niệm chảy ngược vào trong lòng, và nổi cô đơn cứ âm thầm đục khoét thành những khoảng trống hoác bên trong.

Tôi bỗng dưng thấy mình là một kẻ vô dụng không hơn, đến cả một tiếng nấc cũng không thể kìm lại được. Khi những người yêu lần lượt đi khỏi cuộc đời mình, tôi đã tự hỏi liệu tôi có thực sự xứng đáng nhận bất cứ điều gì tốt đẹp nữa hay không? Nếu tôi đủ tốt, vì sao tôi không được sinh ra trong một gia đình hạnh phúc? Vì sao tôi không giữ được những người tôi yêu? Hai mươi lăm tuổi, tôi đang làm gì ở căn phòng tầng hầm chật hẹp này với một chú chó Border Collie, cách xa nhà mình mười hai múi giờ? Tại sao tôi không như bao người, yên phận làm một cô gái hiền lành dễ bảo, yêu lấy một anh chàng rồi sinh một đứa con? Tại sao tôi lại mua chiếc vé bay nửa vòng trái đất, rồi ở đây khóc như một con ngơ ngẩn cô độc và bỗng thêm khát được gục đầu vào vai một đứa bạn thân nào đấy? Tại sao tôi không gọi cho anh để hỏi rốt cuộc thì tôi đã làm gì sai trong cuộc tình này? Tại sao tôi không gọi cho anh, chỉ để khóc và nói với anh rằng tôi đang đau đến như thế nào khi anh không còn trong cuộc đời mình nữa? Tại sao tôi không đơn giản là mua chiếc vé máy bay một chiều đến Houston và tìm cách cứu vãn mối quan hệ này? Tại sao tôi cứ đẩy mình xuống những cái hố tối tăm chỉ để chờ xem

chúng sâu đến chừng nào? Tại sao tôi cứ luôn cố gắng chống đến cùng mọi điều số phận đã sắp đặt để chuốc lấy những đòn đau? Tại sao và tại sao?

Tôi và D.C. khi đó như hai bức tranh với những mảng màu đối lập đến kỳ quặc, một cô gái đang tuổi đẹp nhất đời người mang theo trái tim tan vỡ, và một thành phố với màu mây u ám đang bùng lên sắc đào thanh xuân. Khi vạn vật xung quanh đang hồi sinh từ mùa đông lạnh giá, ý nghĩ phải kết thúc cuộc sống bắt đầu lặp đi lặp lại trong tôi thường xuyên hơn. Tôi cố gắng lờ nó đi bằng cách giữ yên mình trong nhà Robert với chú chó Socs. Những ngày trời lạnh và mưa rả rích, tôi ở nhà trộn salad với nước sốt Caesar hiệu Ken's Steakhouse yêu thích của Robert cho bữa trưa rồi chui vào chăn cắm đầu làm việc. Tôi sửa ảnh, viết báo cho đến tận chiều, khi tiếng lách cách mở khóa bên kia cửa báo Robert vừa kết thúc một ngày làm việc mệt mỏi ở Bộ Lao động và về nhà với tin tốt lành về việc hoa đỗ quyên đang ra nụ ở sân trước nhà. Vào những ngày trời đẹp, tôi sống cuộc đời thường nhật của một lữ khách: buổi sáng đón tàu vào D.C., thăm thú bảo tàng, ngồi ăn Gelato dưới những tán cây mộc lan nở bung trên đồi Capitol, đi bộ hàng giờ liền ở khu Alexandria, trả bốn đô la cho một ly latte “trên trung bình” ở một nhà hàng có cái tên rất Pháp chỉ để nhìn nhánh cây bên ngoài cửa sổ đang nhú mầm xanh khe khẽ. Nhưng tôi biết tất cả mọi thứ đang chờ tôi từ phía sau chỉ nửa vời mong manh như căn nhà trống chờ một con bão tới.

Một buổi chiều tháng Tư, tôi thấy mình đứng trân trân trong góc ga L'Enfant Plaza, nép mình vào thành chiếc thang cuốn dẫn lối sang bên kia đường tàu. Từ trên mặt đất, những chiếc thang cuốn dài lừ lừ chạy như đưa người ta xuống một cõi tối tăm bên dưới. Những ga tàu D.C. ám ảnh tôi thường xuyên bằng thứ ánh sáng phờ phạc phủ lên những vách tường cao vợi trên đầu. Bên trên những dải đường tàu dài dằng dặc, người ta dễ chết ngộp trong thứ không khí ẩm đậm lưu cữu ấy.

Dải đèn chìm trên cái vạch chết chóc trước mặt nhấp nháy đỏ rực như thách thức. Tàu chuẩn bị vào ga. Trong vài giây ngắn ngủi, tôi mơ hồ thấy mình đi về phía cái vạch. Đây không phải lần đầu tôi dừng ở ga L'Enfant Plaza, càng không phải lần đầu tiên ý nghĩ nhảy xuống đường ray xuất hiện trong đầu. Khi mới đến Mỹ, tôi không hề

biết mình đang vào giai đoạn đầu của một cơn trầm cảm sẽ kéo dài nhiều tháng liền sau đó. Trong ga tàu chen chúc người này, thế giới hoàn toàn trở nên xa lạ. Tôi không biết họ, họ cũng chẳng mấy may cần biết đến sự tồn tại của tôi. Tôi đưa mắt nhìn sang phía bên kia đường ray, một vài gương mặt khả ái, một vài khuôn mặt bận rộn, một vài đôi mắt thờ ơ. Tất cả họ đều xa lạ.

Tôi đang cố tưởng tượng xem giờ này ở nhà mẹ đang làm gì. Hai giờ sáng, chắc chắn mẹ tôi vẫn đang say ngủ một mình trong căn nhà trống trải. Em trai tôi đã lên Sài Gòn trọ học. Ở nhà chỉ còn mẹ và con chó Mực vẫn thỉnh thoảng tỉnh giấc giữa đêm mà cà cà chân lên sàn cái chuồng bằng sắt.

Tôi tự hỏi bố đang làm gì. Chắc chắn ông không một mình trong căn nhà mặt tiền rộng rãi mà ông đã đuổi cả ba mẹ con tôi ra bốn năm trước. Lớn lên trong một gia đình không hạnh phúc, biết rằng bố mẹ mình không còn yêu thương nhau nữa, hẳn là một nỗi buồn dai dẳng suốt từ những năm tôi chỉ còn là một con bé con. Ông đã giết chết tuổi thơ tôi bằng sự lạnh lùng và vô cảm suốt nhiều năm trời. Tôi chưa bao giờ có thể tha thứ được cho ông.

Tôi tự hỏi anh đang làm gì. Một giờ chiều giờ Houston, có lẽ anh vừa trở vào văn phòng sau bữa trưa. Có lẽ anh vẫn đang đọc xem tôi viết gì trên Facebook hôm nay. Tôi nhếch mép cười chua chát, cuộc tình của chúng tôi bắt đầu trên Internet, và kết thúc cũng ngay trên ấy. Một cơn đau nhói ập đến tim khiến tôi khốn đốn chống đỡ. Tôi bỗng tự hỏi, có loại thuốc giảm đau nào cho nỗi đau tinh thần không? Tôi cần bất cứ thứ gì có thể ngưng cơn đau ngay lập tức, dù là phải nhảy xuống đường ray trước mặt. Tôi nhớ lần đầu tiên khi cơn đau bao tử hành hạ suốt ba bốn ngày liền, tôi đã nằm lặng im trên giường bệnh với khao khát duy nhất là được chích một mũi thuốc giảm đau ngay tức thì. Dù tôi biết cái thứ mà họ sẽ tiêm vào mớ ven bên cánh tay trái sẽ chẳng giúp ích gì cho công cuộc chữa bệnh, nhưng lúc ấy tôi chỉ biết mình cần ngay một mũi thuốc giảm đau khi sức chịu đựng của tôi sắp bị đẩy đến giới hạn cuối cùng.

Tôi chỉ muốn nhảy xuống. Và kết thúc mọi thứ ở đây. Ga L'Enfant Plaza, ở giữa D.C., một chiều mùa xuân, anh đào bung sắc. Cũng không đến nỗi tệ.

Giống như bốn năm trước, khi tôi chết trên ban công tầng bốn căn nhà trọ ở Sài Gòn với những tiếng nói danh thép trong đầu bảo tôi phải nhảy xuống. Hôm ấy, bố mẹ tôi đưa nhau ra tòa lần cuối sau một năm trời giằng qua giằng lại mớ tài sản. Tôi nhớ rất rõ mình đã bình tĩnh thế nào khi mẹ gọi điện thoại lên đêm ấy và bảo mẹ phải ly dị bố thôi. “Làm nhanh đi mẹ!” tôi đã nói rành mạch từng tiếng một qua điện thoại. Và tôi đã giữ thái độ bình tĩnh đến lạ kỳ đó suốt một năm trời, mỗi khi nghe về chuyện bố lại vung tay đánh mẹ và em trai tôi nhảy vào giữa hứng đòn. Tôi căng lên như dây đàn cắm đầu vào hoàn thành luận văn tốt nghiệp cuối đời sinh viên để quên đi thực tại chán nản của cuộc đời mình. Nhưng đêm ấy, tất cả những ký ức màu xám tro của tuổi thơ ập xuống lòng tôi. Tất cả những mảnh vỡ của gia đình không hạnh phúc lao vun vút và cắm vào tim tôi rỉ máu. Bên ánh đèn vàng tỏa ra từ bàn học, tôi nhìn ra bóng tối lạnh lùng bao trùm quanh phòng, và quyết định mình phải chết. Tôi đã đứng trên ban công lộng gió với ánh trăng vàng vạc suốt mấy tiếng đồng hồ, cho đến khi anh gọi về cho tôi từ bên kia trái đất và nói em hãy vào nhà mà ngủ đi, em còn có anh cơ mà. Sau đêm ấy, tôi đã nghĩ mình không thể bị trầm cảm lần nữa. Cho đến lần này.

Tôi nửa mơ nửa tỉnh đứng trước đường ray, gần như rơi vào trạng thái mê man như những ngày nằm trên giường bệnh. Tôi nhìn xuống chiếc điện thoại nhét trong túi, khát khao ai đó nhắn cho mình một cái tin, hay gọi một cú điện thoại, chắc chắn tôi sẽ quay đầu lại và đi khỏi làn sơn ngăn với đường ray một cách dễ dàng. Nhưng giữa những tháng ngày cô đơn ấy, ai cũng bận cả. Điện thoại thì vẫn nằm trong túi, không đổ chuông, không rung lấy một lần. Khi đó tôi nhận ra, lần này thì cơn đau từ tinh thần sẽ không có một thứ thuốc giảm đau nào cả. Hoặc tôi sẽ để nó giết tôi bằng cách tiến lên làn ranh trước mặt, nhắm mắt lại và nhảy xuống. Hoặc tôi sẽ hít một hơi thật sâu, và chiến đấu với thứ con người bên trong mình.

“Em họ tao cuối cùng đã tự sát sau khi chiến đấu với bệnh trầm cảm suốt một năm qua, để lại một khoảng thời gian thực sự khó khăn cho gia đình nó,” email của Hayden gửi từ Yemen đến ngay khi ấy. “Mày hãy cẩn thận. Trầm cảm là bệnh, không phải tình trạng sẽ chấm dứt sau một đêm. Tao khuyên mày hãy đi gặp bác sĩ. Tao đã đi qua tất cả những cảm xúc tiêu cực đó khi bố tao qua đời trong một

tai nạn xe hơi năm tao mười bốn tuổi. Sau đó, tao quyết định sống cuộc đời mình ích kỷ hơn một chút. Việc ấy cuối cùng đã chấm dứt được nỗi đau trong tao, nhưng lại khiến những người thân của tao phải chịu nhiều nỗi thống khổ khác. Nhưng mày hãy nhớ, có rất nhiều người thậm chí còn không có cơ hội để sống một cuộc sống tốt đẹp như chúng ta đang có. Hãy mỉm cười rằng mọi chuyện đã xảy ra rồi và biết rằng mày chẳng thể làm gì được nữa và bước tiếp. Chỉ là một chút bài học trong cuộc sống thôi.”

Thời gian gần đây Hayden viết thư cho tôi nhiều hơn khi biết tôi bắt đầu bị ám ảnh bởi ý nghĩ tự tử, hệ lụy nguy hiểm nhất của việc bị trầm cảm⁽¹⁾. Hayden là một anh chàng New Zealand ba mươi hai tuổi đã đi cùng tôi trên chuyến xe buýt dài chín tiếng đồng hồ từ thị trấn Nyaung Shwe về cố đô Yangon (Myanmar). Khi gặp tôi, anh đã đi vòng quanh thế giới khoảng chín tháng, và giờ vẫn đang tiếp tục đi. Anh đã sống xa nhà mười năm, và đây là chuyến đi cuối cùng của Hayden để đặt chân lên mọi vùng đất, trước khi trở về quê hương và sống “ổn định” (anh ta nói vậy). Tính ra, chúng tôi chia sẻ với nhau nhiều thứ dù chỉ quen biết nhau trong một ngày và ăn cùng nhau một bữa tối, đi cùng nhau một cuộc taxi. Đôi khi trái lòng với một “người lạ” xem ra lại dễ dàng hơn rất nhiều. Chúng tôi tự do như gió, mở lòng mình đủ rộng để chia sẻ với nhau một ít phần đời, giúp đỡ nhau không vụ lợi để mang về một chút niềm vui. Vì, suy cho cùng, chúng tôi đều là những hành tinh cô đơn, đôi khi khát thèm một ngôi sao suối ấm trong vũ trụ người này.

Tôi đọc email của Hayden tổng cộng ba lần, từng chữ từng chữ một. Lúc ngẩng đầu lên, tàu đã vào ga. Cửa khoang tàu mở rộng để dòng người túa ra vội vã. Tôi vô thức theo sau hàng người đang chờ lên tàu. Tôi biết Socs đang chờ tôi ở nhà.

Chương 5

Trong một cuộc trò chuyện không rõ khởi nguồn từ đâu, tôn giáo và nhà thờ xuất hiện giữa tôi và Robert. Là người theo đạo Tin Lành nhưng Robert đã ngừng đi lễ nhà thờ từ rất lâu trước đây. Điều đó lý giải vì sao dù nhà thờ chỉ cách ba phút đi bộ, Robert vẫn dành những ngày cuối tuần để nằm đọc sách dưới tán cây chứ không cầu nguyện trong các buổi lễ.

“Tôi không đồng tình với nhà thờ vì nhiều lẽ, hôn nhân đồng tính là một ví dụ,” Robert nói.

“Thánh đường Quốc gia Washington có lẽ nên là ngoại lệ nhỉ? Tôi nghe nói họ bắt đầu cử hành lễ hôn phối cho những người đồng tính từ đầu năm 2013 thì phải? Chỉ mới nhìn ảnh chụp thôi tôi cũng đã tin chắc đây là một kiệt tác kiến trúc.”

Robert ồ lên: “Chỉ có một từ để nói về nó: tráng lệ. Cô có biết thánh đường ấy là nơi mà bất cứ ai cũng có thể bước vào, bất kể màu da, địa vị và cả tôn giáo không?”

Tôi nghiêng đầu thắc mắc: “Kể cả tôn giáo? Tôi cứ tưởng nhà thờ thì hiển nhiên phải để dành cho những người Kitô giáo chứ?”

“Không, dù cô là vô thần, người theo đạo Phật hay bất cứ tôn giáo nào thì cũng được chào đón cả.”

Robert thích thú khi tôi nói muốn ngắm D.C. từ điểm cao nhất thành phố, chính là đỉnh tháp Thánh đường Quốc gia Washington nằm trên đồi St. Alban⁽¹⁾. Ông dành đúng mười lăm phút trước khi biến mất sau cánh cửa màu trắng đến sở làm để đưa cho tôi ba cuốn sách dày cộp về công trình đồ sộ này. Chúng bao gồm một cuốn sách về lịch sử xây dựng thánh đường, cuốn thứ hai in dày đặc hình ảnh những “gargoyle”⁽²⁾ trang trí công phu, cuốn cuối cùng là những câu chuyện bất tận về hàng trăm khung cửa sổ kính màu bên trong nhà thờ. Nhờ chúng, tôi đã lang thang giữa công trình Gothic tuyệt đẹp

này suốt một ngày trời không biết chán. Cái ý tưởng về một kiến trúc phong cách Gothic Trung cổ giữa D.C., xếp cạnh Điện Capitol xây dựng theo phong cách Tân cổ điển ảnh hưởng từ Hy Lạp và La Mã, hay Nhà Trắng với phong cách Liên bang tân cổ điển, khiến tôi háo hức như đứa trẻ suốt quãng đường đến đó.

Thánh đường Quốc gia Washington là nhà thờ lớn thứ sáu thế giới. Không bị đắm mình trong cái không khí “trăm năm” như các công trình tôn giáo cổ khác, thánh đường vừa giữ được vẻ tôn nghiêm, vừa thoát được cái vẻ u tịch vốn có nhờ những mái vòm nhọn Gothic, và đặc biệt là các ô cửa sổ lớn đầy màu sắc, vốn là đặc trưng của phong cách này. Hàng trăm cửa kính nhiều màu lấp dọc theo hành lang nhà thờ vẫn ngày ngày kể chuyện *Kinh Thánh*, chiến tranh và cả một câu chuyện vô cùng đặc biệt khác đã diễn ra ngoài vũ trụ. “Cửa sổ không gian” chính là ô cửa đặc biệt nhất trong nhà thờ này, vì ngay trên đó được gắn một mảnh đá mặt trăng do phi hành gia Neil Armstrong và đội ngũ phi thuyền Apollo 11 đem về Trái đất. Bên cạnh cửa sổ không gian, một khung cửa nằm ở chính diện phía Tây nhà thờ cũng nổi tiếng không kém. Cái tên đầy lãng mạn “Cửa sổ Hoa Hồng” được đặt cho tác phẩm nghệ thuật này không chỉ bởi hình dáng mà nó được tạo tác, mà còn vì những vệt màu đầy ma mị. Cả vụn mảnh kính màu đã được dùng để tạo nên khung cửa sổ Hoa Hồng phía Tây. Điều kỳ diệu của ô cửa sổ này là ở chỗ nó có khả năng biến đổi màu liên tục theo cường độ ánh sáng phía bên ngoài nhà thờ. Khi tím thẫm, lúc ửng hồng, khi nhuộm màu cam rực rỡ.

Lúc bước dọc lối đi ở trung tâm nhà thờ, dưới cửa sổ Hoa Hồng hướng về phía Đông nơi đặt bàn thờ chính với hàng trăm bức điêu khắc cầu kỳ, thoát tiên tôi nghĩ mình đang bị mất phương hướng hoặc nhà thờ đã xây lệch trục. Bởi rõ ràng đường thẳng ở lối đi trung tâm thánh đường không hề dẫn đến điểm chính giữa bàn thờ. Điều này thể hiện ngay ở bức tượng Thiên Chúa đang nằm lệch sang trái trục chính công trình. Có lẽ gì một tòa nhà hoàn hảo, đã thành hình trong gần một thế kỷ lại có những lỗi xây dựng như vậy? Tôi đem câu chuyện hỏi một vị lớn tuổi làm việc trong thánh đường, thì ông giải thích rằng bí mật kiến trúc này là để nhắc nhở các tín đồ rằng chỉ có Thiên Chúa là hoàn hảo mà thôi.



Thánh đường Quốc gia Washington và những đường nét Gothic

Tôi không thốt nên lời khi ngồi nép bên dãy ghế trống trước bàn thờ Chúa. Một kẻ vô thần như tôi hẳn nhiên chẳng biết gì về thiên đường. Nhưng tôi nghĩ thiên đường cũng chỉ có thể đẹp như những bức tranh trên cửa sổ kính màu kia mà thôi. Có lẽ từ khi bước chân vào thánh đường, tôi đã để hết mọi muộn phiền nhỏ nhoi của cuộc đời lại bên ngoài cánh cửa sắt nặng nề. Tôi hướng về Chúa trên bàn thờ lớn, để cho những thanh âm mơ hồ của thế giới nơi tôi chưa

từng biết chảy trôi qua từng góc ngách trong tâm trí mình, chấp tay lại làm rằm khấn nguyện.

“Con xin lỗi vì cho đến lúc này con vẫn hồ nghi về việc Chúa có thực sự hiện hữu hay không. Nhưng dù Người ở đâu đó trong cuộc đời con, con chỉ muốn nói cho Người biết rằng con sẽ thoát ra khỏi đường hầm tối tăm này. Con sẽ phải thoát ra khỏi cái hố sâu nơi con đang rơi xuống bằng chính sức lực của mình. Con chỉ cầu xin Chúa, nếu Người ở đó, hãy cho con thêm sức mạnh.”

Và lời cầu nguyện đầu tiên của một kẻ vô thần như tôi đã diễn ra như thế, trong Thánh đường Quốc gia Washington. Tôi không biết Chúa có thực sự nghe thấy lời tôi hay không, chỉ biết rằng sau đây trời hừng nắng rạng rỡ khi tôi đẩy cánh cửa sắt, ra khỏi nhà thờ, nhặt lấy những sầu muộn đã bỏ lại lúc sáng, đón xe buýt, về nhà.

Robert về nhà buổi chiều ấy, đặt chiếc ba lô có giắt chiếc dù màu xanh xuống đất, bắt đầu nói với giọng trầm buồn pha lẫn ái ngại về vụ đánh bom khủng bố ở cuộc thi chạy marathon Boston (bang Massachusetts) vừa xảy ra hồi sáng. Kể từ sự kiện 11/9, nước Mỹ mới lại rung động về một vụ tấn công đẫm máu như thế một lần nữa. Hai quả bom phát nổ tại quảng trường Copley, gần vạch đích cuộc thi đã giết chết ba người và làm bị thương hàng trăm người khác. Tôi nói mình đã đọc về sự kiện khủng khiếp ấy trên máy tính trước khi ông về nhà. Robert cảm thấy nhẹ nhõm vì đã bảo tôi ở lại D.C. đến khi tìm được ai đó cho tôi ở nhờ trên Boston, nhờ thế mà hôm nay tôi đã không có mặt giữa nơi xảy ra thảm kịch ấy.

Tôi nói với Robert, có lẽ số tôi may mắn thật. Mới chỉ cách đây hai năm, tôi đã sống sót khi chạy thoát thân lúc cổ họng như tắc nghẹn, mắt đỏ quạch cay sè vì bị ngạt hơi cay ngay giữa quảng trường Tahrir, thủ đô Cairo, Ai Cập. Buổi sáng ấy, anh chàng người Ai Cập tên Ahmed đã lôi tôi xềnh xệch vào một góc an toàn, tránh cho tôi khỏi bị giẫm đạp bởi đám đông hỗn loạn đang tháo chạy khỏi những đợt bắn hơi cay của cảnh sát. Tôi nhớ rất rõ, Tahrir rộng lớn ngày ấy đã trở thành đại chiến trường, một bên là cảnh sát và quân đội, một bên là đám đông người biểu tình. Trong lúc hàng ngàn người khác giơ cao cờ và hô khẩu hiệu trong hòa bình, cuộc chiến thực sự lại diễn ra trong những con đường và ngõ hẻm cạnh quảng

trường. Mỗi khi tiếng chân chạy dồn dập hơn là lúc hơi cay bay ra phủ kín mặt đường. Tôi cũng trở thành nạn nhân của hơi cay trong một đợt chạy loạn cùng đám người biểu tình. Bên cạnh tôi, cả trăm người mặt hốc hác dính đầy hơi cay, mắt đỏ hoe. Trong lúc mắt nhắm nghiền, họ cố gắng nhổ nước miếng đắng nghét ra ngoài. Nhiều người ngã sụp xuống đường, kiệt sức vì chạy. Những người khác được dìu đi, đầu bê bết máu.

Suốt một tuần đầu tiên từ khi trở về Việt Nam sau đó, tôi không ngủ được. Những gì đã chứng kiến ở Tahrir có sức ám ảnh mãnh liệt đến độ, tôi gần như thấy được những gì đang diễn ra ở nơi cách mình tám ngàn cây số, nghe thấy những âm thanh hỗn loạn ấy trong từng giấc ngủ. Tôi biết họ sẽ không dừng lại chừng nào chưa đạt được những gì mà họ đang đấu tranh. Thật khó có thể thấy ở đâu những người biểu tình lại “lì” đến vậy. Họ ăn, ngủ, cầu nguyện ngay trên nền đất bẩn và lạnh, mệt thì lăn ra đất, tỉnh dậy lại tiếp tục đi biểu tình. Con số người chết tăng lên hàng ngày không làm họ chùn bước. Đám đông đổ về quảng trường có cái tên Tahrir (Tự do) cứ mỗi giờ một nhiều hơn, mỗi ngày một đông. Cao trào trong những ngày biểu tình thường diễn ra vào ban đêm, khi số người đến khu vực quảng trường tăng gấp mấy lần ban ngày. Khói bụi bao trùm lấy quảng trường trong ánh sáng vàng vọt của những chiếc đèn đường hay một vài đám lửa vừa được đốt lên. Tiếng nổ, tiếng hét, tiếng hô khẩu hiệu, tiếng xe cấp cứu là những âm thanh chát chúa nhất sùng sục lao vào nhau trong hỗn loạn tột cùng. Nhân viên của các tổ chức nhân đạo làm việc gần như kiệt sức mỗi ngày, bởi cứ vài phút lại có người được khiêng vào khu vực sơ cứu vốn chỉ là những tấm thảm nhỏ trải ngay trên nền đất, sát khu vực đựng độ và được chằng dây để đám đông hỗn loạn không giẫm đạp vào trong lúc chạy thoát thân khỏi đám hơi cay ngập ngụa cả một khúc đường.

“Vì sao người ta lại phải giết nhau hả Robert?” tôi hỏi băng quơ lúc Robert đồ thức ăn vào khay cho Socs.

“Vì tự do, vì chính trị, vì tiền, vì xung đột sắc tộc, vì xung đột tôn giáo, vì rất nhiều lý do khác. Ngày còn trẻ, tôi cảm thấy rất may mắn là mình không bị gửi đến Việt Nam và phải giết ai đó. Tôi chỉ thấy rằng chiến tranh và giết nhau là thứ vô nghĩa nhất mà loài người có thể nghĩ ra. Mỹ đã sai lầm tệ hại với những điều đã làm ở Việt Nam

trong quá khứ. Chiến tranh Đông Dương và chiến tranh Việt Nam là không cần thiết, không có cơ sở và chính phủ của chúng tôi lao vào Việt Nam khi đó hoàn toàn như một kẻ xâm lược. Chính phủ Mỹ cài CIA để lật đổ và biến chính quyền miền Nam Việt Nam khi đó thành bù nhìn. Thuyết Domino cho rằng nếu Mỹ thất bại trong việc chống Cộng ở Nam Việt Nam thì quân bài domino này sẽ tạo ra hiệu ứng dây chuyền ở phần còn lại của bán đảo Đông Dương, châu Á và đe dọa đến “thế giới tự do,” đã không xảy ra, và dĩ nhiên điều đó là sai. Tôi tin những người Việt Nam thế hệ trước cô đã chiến đấu cho tự do và quyền được sống, sống trong hòa bình.”

Tôi nghĩ về sự sống và cái chết. “Tháng trước, đứa con đầu lòng của một người bạn tôi vừa qua đời vì bệnh hiểm nghèo. Đứa bé mới hơn một tuổi. Ngày bé mất, tôi khóc, dù chẳng ruột thịt gì với mình. Có những người có quá nhiều thời gian để lãng phí vào việc giết chóc, trong khi những người khác lại cần hơn ai hết thời gian đó để sống.”

“Ừ, cuộc đời đôi khi không công bằng lắm,” Robert nói.

Chương 6

Vào những ngày cuối tháng Tư, khóm mẫu đơn trắng trong vườn nhà Chela bắt đầu trở bông. Bà cho phép tôi cắt bông đầu tiên để cắm trong nhà (dù tôi biết vợ chồng Daniel-Chela thực ra chẳng quan tâm gì đến cây trồng trong vườn nhà họ, nhưng tôi vẫn hỏi cho phải phép). Khi đặt cành mẫu đơn vào chiếc chén thủy tinh trong suốt, tôi nhận ra Robert đang đổ khuôn bánh sô cô la vừa lấy ra khỏi lò nướng xuống chiếc đĩa sứ màu trắng, tay ông run lên vì giận. Những nếp nhăn hai bên khóe miệng đan lại. Dưới hàng lông mày mỏng xám, đôi mắt không rời chiếc bánh vừa tách khỏi khuôn. Suốt thời gian ở cùng nhà với Robert, tôi chưa thấy ông cáu giận như thế bao giờ. Không ai nói gì. Socs rướn lên chiếc bàn bằng hai chân trước, tuyệt nhiên không dám mè nheo rên rỉ. Tôi ngồi trên ghế, vuốt ve Socs, nghĩ là nên phá vỡ sự im lặng này, cái im lặng mà tiếng lách cách dao nĩa chỉ càng khiến nặng nề thêm.

“Robert, nếu không phiền, cho tôi hỏi chuyện gì đã xảy ra giữa ông và Chela? Sáng nay tôi nghe hai người to tiếng cạnh phòng giặt đồ.”

“Chela là một con khôn⁽¹⁾,” Robert như chỉ chờ tôi hỏi câu ấy để trút ra hàng tràng giận dữ. Câu nói của Robert khiến tôi nhúm mày, cảm giác như có một cơn dông ngang qua đây. Nhận thấy điều đó, Robert hạ giọng xuống. “Tôi rất tiếc nếu cô thấy khó chịu khi nghe vậy.”

“Ông có nặng lời quá không? Chính xác thì chuyện gì xảy ra sáng nay?” tôi gắng hỏi, những mong Robert trút được cơn tức giận trong lòng.

“Cái máy giặt hỏng cả tuần nay rồi, và hôm nay Chela đề nghị tôi sửa. Bà ta có hợp đồng với bên bảo hành, nhưng công ty ấy tìm được lý do gì đó để không sửa nó. Tôi không thể nào tin nổi bà ta có thể kiếm cớ để bảo tôi sửa máy giặt. Tôi là người thuê nhà, chứ đâu phải là người để lợi dụng.”

“Nhưng ông sửa được phải không?”

“Cô không hiểu sao Hằng? Vấn đề không phải sửa được hay không, mà ở chỗ như thế là không công bằng.” Robert cao giọng hơn, nghiêm mặt lại khiến tôi khẽ co rúm, không dám ho he thêm một từ. Ông tiếp tục nói không ngừng: “Trước đây tôi đã nhiều lần sửa máy tính cho Daniel và Chela suốt mười tám tiếng đồng hồ. Tôi cài đặt wifi trong nhà cho họ. Khi họ đi nghỉ, tôi giúp trông nhà. Tôi thậm chí còn giúp lắp đặt máy phát điện vào những lúc bị cúp điện. Tôi giúp vợ chồng bà ta đủ thứ linh tinh trong nhà. Trong hai tuần nữa, tôi sẽ vắng nhà, tôi nhờ bà ấy giúp đưa Socs đi dạo mỗi sáng, thì bà ta bảo bà ta không thích. Tôi gọi cho bên dịch vụ chăm sóc vật nuôi, và có thể sẽ phải trả sáu mươi đô mỗi ngày suốt hai tuần vắng mặt. Tôi nghĩ tôi đã làm ngàn ấy thứ cho vợ chồng bà ta mà bà ta cư xử vậy thì thật ích kỷ. Giờ đây bà ta lại nhờ tôi sửa cái máy giặt. Thật không thể tin nổi!” Robert vừa nói vừa trợn mắt, giờ hai tay lên trời.

“OK, tôi xin lỗi nếu điều tôi nói khiến ông bức. Nhưng có thể bà ấy bận?” Tôi cố tìm một lý do nào đó để xoa dịu Robert.

“Chela vừa mới về nhà sau ba tuần nằm tắm nắng ở Miami, và giờ bà ta phải quay về với thực tế là có một đứa trẻ lớn xác cần được chăm sóc ở nhà là chồng bà ta. Tôi cũng rất tiếc cho Chela, nhưng bà ta kết hôn với một gã nghiện rượu và đó là lựa chọn của bà ta.”

Tôi cố gắng bào chữa cho Chela lúc giúp Robert phết kem lên mặt bánh sô cô la, “Tôi thì thấy tội nghiệp bà ấy. Dù sao thì một người phụ nữ phải sống chung với người chồng như vậy thật quả bất hạnh.”

Robert lạnh lùng đáp lời, “Chuyện nó vậy, tôi làm gì được! Lựa chọn, lựa chọn, lựa chọn... Bà ta chọn cưới Daniel, một gã chồng tệ hại. Chính điều đó khiến đời bà ta xuống dốc, nhưng bà ta phải chấp nhận và sống chung với nó thôi.”

“OK.”

Tôi chỉ nói đến thế rồi thôi. Tôi biết mình đang ở trên đất Mỹ, và người Mỹ có quan điểm của họ về lựa chọn và công bằng, sòng phẳng

trong cuộc sống. Trong những đôi thoại hằng ngày, Robert rất hay dùng từ “fair enough”⁽²⁾. Với Robert, tôi là đứa ở homestay “lịch sự, sòng phẳng, biết nên làm gì và không nên làm gì.” Đó là lý do vì sao tôi có thể ở đây đến ba mươi tám ngày. Ba mươi tám ngày, đó là khoảng thời gian lâu nhất tôi tá túc ở nhà một người trên Couch Surfing, cũng là lần đầu tiên Robert cho người lạ ở trong nhà mình dài ngày đến vậy. Couch Surfing thường chỉ diễn ra trong vài ba ngày ngắn ngủi, những trường hợp như tôi và Robert không thuộc dạng phổ biến. Khi ấy, tôi vẫn chưa biết Robert sau này lại trở thành một trong những người bạn tốt nhất mình có được qua Couch Surfing.

Chiếc bánh sô cô la và chỗ kem vani Robert làm cho tôi sáng Chủ nhật hôm nay là bữa ăn tạm biệt. Thật chẳng dễ dàng gì khi phải nói lời chia tay. Với tôi, Robert như là người cha tôi hằng mơ ước có được, là người anh trai vốn dĩ tôi chưa bao giờ có trong đời. Nhưng hơn hết, ông là một người bạn luôn luôn lắng nghe, không bao giờ phán xét và (thỉnh thoảng) cho tôi lời khuyên tốt. Tôi nói “thỉnh thoảng” là bởi Robert không bao giờ cố khuyên răn tôi nếu ông thực sự không biết nên nói gì. Chưa bao giờ Robert lôi tuổi tác ra để kể cả hay cố dạy đời tôi, dù khoảng cách tuổi tác đôi lúc gây nên những tranh cãi nho nhỏ, đủ để tôi nhẹ nhàng nhắc nhở: “Đừng có nói chuyện với tôi như thể bác là bố tôi, Robert.” Chúng tôi uống cà phê với nhau mỗi sáng, ăn kem sau bữa tối, bình đẳng tranh luận với nhau về mọi việc, chia sẻ tiền bạc cho mỗi bữa ăn và thắng thắn với nhau khi gặp những khác biệt về văn hóa. Robert đã cho tôi một hầm trú ẩn an toàn khỏi cơn bão cuộc đời trong những ngày xuân đầu tiên ở D.C. Tôi không biết liệu chuyến đi của mình có thể khởi đầu tốt đẹp như thế này không nếu tôi ở nhà một người khác chứ không phải là Robert.

Tôi tâm sự với Robert rằng mình cần phải tiếp tục cuộc hành trình. Tôi thích được ở trong căn phòng tầng hầm, giữa khu nhà yên tĩnh và đẹp đẽ này, nhưng tôi không thể ở đây mãi được.

Robert hỏi lúc tôi đang nhét từng món đồ vào ba lô. “Cô sẽ tới Houston chứ?”

“Tôi không chắc. Tôi sẽ đến Houston, nhưng việc gặp lại bạn trai

cũ sẽ chỉ xảy ra nếu tôi biết mình đã ổn. Tôi không muốn việc nhìn thấy anh ấy lại khiến tôi quay trở lại xuất phát điểm ban đầu. Dù tình trạng khốn khổ này không biết sẽ theo tôi trong bao lâu nữa.”

“Đừng nghĩ vậy, Hằng,” Robert nói giọng trầm tĩnh. “Cô đang giải quyết những vấn đề của cuộc đời mình rất tốt. Tôi nghĩ không phải cô gái nào cũng đủ can đảm từ bỏ tất cả mọi thứ để đi như cô, đặc biệt là khi bị người bạn đồng hành của mình bỏ rơi ngay trước chuyến đi. Hãy tin tôi, rồi cô sẽ thấy khá hơn sau sáu tuần nữa. Kể từ ngày cô rời khỏi D.C., hãy đếm đến tuần thứ sáu. Khi đó cô sẽ gọi cho tôi mà bảo: ‘Robert à, tôi ổn rồi.’ ”

Lời Robert nói sau này cũng trở thành sự thực, nhưng không phải sau sáu tuần mà là gấp đôi quãng thời gian ấy.

Chương 7

Vừa chân ướt chân ráo từ Washington D.C. lên New York một ngày mưa dầm rả rích, tôi đã chết ngộp với những tòa tháp chọc trời phủ bóng lên cả con đường. Quên luôn Điện Capitol lấp ló sau những cành hoa mộc lan phát hồng, không nhớ nổi hồ nước dẫn tới đài tưởng niệm Lincoln soi bóng xanh muốt những dãy dài cây cổ thụ, loại hắt những ánh đỏ cuối ngày bàng lảng trên mặt hồ Tidal... Washington D.C. giờ đây đã là một thế giới hoàn toàn khác với New York. Ở đô thị đông dân nhất nước Mỹ này, nếu có ý định tìm những khoảng trời xanh trong lành rộng lớn từ một góc đường, chắc chắn bạn sẽ thất bại. Một cách khập khiễng, tôi liên tưởng thành phố này như một Sài Gòn được nhân lên đến mức khổng lồ, nơi những khối hộp bê tông cao vút mà người ta vẫn hay gọi là cao ốc vẫn đang mọc lên một cách hối hả, xoắn lấy tất cả những khoảng trống còn lại giữa trung tâm thành phố vốn đã chật hẹp.



New York và những khối hộp bê tông ken lên nhau như nuốt lấy trời

Chicago là nơi khai sinh ra cao ốc chọc trời, song chính những tòa tháp cao ngất ngưỡng ở New York khiến nước Mỹ nổi tiếng hơn trên thế giới. Tôi gọi New York là “khu rừng bê tông”, và những đỉnh tháp như Chrysler, Empire State hay gần nhất là Trung tâm Thương mại Thế giới (World Trade Center, đã sụp đổ trong sự kiện 11/9) là những “cây cổ thụ” trong khu rừng ấy. Rất nhiều trong số gần sáu

ngàn tòa nhà chọc trời ở New York từng là những cái tên ngạo nghễ trên danh sách các tòa nhà cao nhất thế giới, khiến người ta mỗi cổ ngược nhìn. Tôi đã chờ hơn một phần tư thế kỷ để một ngày đến New York hoa lệ, chiêm ngưỡng bằng chính mắt mình những tòa nhà được mệnh danh là đỉnh cao kiến trúc nước Mỹ. Có lẽ đó là lý do duy nhất đô thị này nằm trong hành trình rong ruổi của tôi bên phía bờ Đông. Từ phong cách Liên bang đến Art Deco, Beaux Arts..., kiến trúc New York ngày nay là sự hòa trộn của nhiều phong cách khác nhau, trong đó ảnh hưởng khá rõ nét từ châu Âu trong hai trăm năm đầu khi thành phố ra đời. Một cái nhìn từ khu Brooklyn hay từ bất cứ tòa nhà chọc trời nào giữa Manhattan có thể bao quát nhanh chóng nhất những đỉnh tháp đang vút và ngoi lên giữa “khu rừng” bê tông.

Nhưng nếu New York chỉ có những tòa nhà cao vút, ken lên nhau như nuốt lấy trời thì chẳng có gì đáng nói. Nó sẽ giống như vô vàn những đô thị hiện đại đất chật người đông khác, nơi người ta phải vát và vẽ vế, đo đo, giành nhau cơ sở hạ tầng để có đủ chỗ cho hàng triệu người. Điều khiến New York “khác người” mới thật đặc biệt. Chỉ cần lên sân thượng bất kỳ tòa cao ốc nào giữa Manhattan, đập vào mắt ta sẽ là cả một mảng xanh khổng lồ nằm ngay giữa trung tâm Hạ Manhattan. Công viên trung tâm Central Park được gọi là “sân sau” của New York bởi vị trí vàng của nó chiếm giữ một phần diện tích rộng lớn của thành phố. Khó có thể tưởng tượng một công viên lớn đến thế vẫn được gìn giữ giữa hàng ngàn những cao ốc đang xô đẩy nhau đến từng tấc đất. Vậy mà ở Sài Gòn của tôi, người ta đang ngày qua ngày “thôn tính” từng mét vuông cây xanh trong một cuộc chạy đua “bê tông hóa” thành phố. Jeff, người bạn Canada đã kết hôn và sinh sống ở New York bảy năm nói với tôi rằng, chẳng có gì tuyệt vời hơn khi, một ngày xầu trời, ta tìm một góc trong công viên nào đó, và có thể quên hết cuộc sống ngoài kia vì nơi đó như một thế giới khác. Trong một chiều xuân lạnh còng, tôi miết mãi đi hết dọc dài mấy cây số, loanh quanh giữa hàng trăm héc ta diện tích của Central Park và hiểu chính xác điều bạn mình nói. Central Park là một góc hoàn toàn khác biệt với những con đường vun vút xe chạy, những góc đường mà ánh mặt trời không bao giờ chạm đến và cả dòng người vội vã chen nhau dưới ga tàu điện ngầm. Đó là một thế giới hoàn toàn khác. Và thế giới ấy nằm giữa thế giới những khối bê tông bên ngoài kia. New York hay thật, tôi nghĩ, một thành phố

chứa đựng cả hai loại rừng: rừng cây và rừng bê tông, thế nào thì cũng là rừng cả.

Ở giữa khu rừng bê tông New York, có hai “gốc cây” cổ thụ đã ngã xuống và không bao giờ được thay thế. Cuộc tấn công khủng bố 11/9/2001 mãi mãi để lại giữa đô thị đông nhất nước Mỹ hai hố đen sâu thẳm và khắc vào tâm trí người Mỹ nỗi buồn không bao giờ quên. Không có bất cứ cao ốc nào mọc lên sau đó trên nền móng của Trung tâm Thương mại Thế giới, thay vào đó là hai thác nước nhân tạo lớn nhất Bắc Mỹ chảy liên tục xuống những hố đen nhiều tầng, nơi tòa tháp đôi cao nhất New York đã sụp đổ năm 2001. Những ngày đầu tháng Năm, mây xám vẫn lờn vờn trên đầu New York, phủ lên những đỉnh cao ốc bao quanh khu tưởng niệm sự kiện một màu buồn chết chóc. Dưới bầu trời nhiều mây, màu đen trên thành kim loại nơi thác nước đổ xuống lạnh lùng khắc cửa vào phòng nền bê tông của những dãy nhà cao tầng phía sau. Một vài bông thủy tiên vàng nằm lặng lẽ trên khoảng trống là những cái tên nạn nhân đã qua đời trong thảm kịch. Ba ngàn cái tên được khắc trên thành kim loại của hai bể nước không lồ là lời nhắc nhở sâu sắc về những mất mát đau từng diễn ra tại Trung tâm Thương mại Thế giới (New York), Lầu Năm Góc (quận Arlington, bang Virginia) cũng như khu vực xung quanh.

Trái với tiếng thác đổ ầm ào ở New York vẫn còn vọng lại trong tôi khi đã xa trăm dặm đường, thành phố Boston (bang Massachusetts) những ngày tôi đến lại trĩu nặng buồn đau. Quảng trường Copley của Boston chìm trong không khí tang thương, trái ngược với những dòng xe cộ chen rộn ngay bên đường. Tiếng kèn harmonica buồn rầu thổi khúc tiễn đưa khi cô gái người Mỹ thấp thêm một ngọn nến. Ai đó cố nén dòng nước mắt xót xa cho bốn nạn nhân đã ra đi trong thảm kịch tại cuộc đua marathon ngày 15/4/2013, khi tôi đang mắc kẹt ở D.C. và may mắn thoát khỏi việc trở thành một nạn nhân trong vụ đánh bom. Hơn nửa tháng đã trôi qua kể từ vụ đánh bom khủng bố ấy nhưng những chậu uất kim hương, mẫu đơn vẫn ngày ngày được gửi đến góc đường Boylston và Dartmouth. Màu sắc rực rỡ của những cánh hoa khiến nỗi buồn cứ cháy âm ỉ mãi trong lòng hàng ngàn người đến viếng mỗi ngày. Trên những rào chắn được dùng trong chính cuộc chạy thi ấy, hàng trăm đôi giày chạy đã được treo lên vĩnh viễn để tưởng niệm những người

đã chết. Không có tượng đài nào ngoài bốn thập tự giá gắn tên người tử nạn trong thảm kịch. Nến và hoa, thư và tin nhắn, cờ và cả những đôi giày treo kín rào chắn...cùng hợp ca trong một khúc nhạc buồn giữa ngày xuân đầy nắng.



Những chiếc giày nằm lại vĩnh viễn để tưởng niệm các nạn nhân vụ đánh bom

Tôi đi rất chậm giữa góc quảng trường chật hẹp, để cho nắng đổ thẳng xuống đầu, đọc từng dòng thiệp, từng cánh thư được gửi đến từ

khắp nước Mỹ và thế giới. Tammy Straccia, một phụ nữ Boston để lại nơi này một lời nhắn: “Chúng tôi vẫn chưa thể tin điều gì đã thực sự xảy ra. Họ (những người đã thiệt mạng) sẽ không bao giờ bị quên lãng và nỗi buồn sẽ luôn luôn ở mãi trong trái tim chúng tôi.” Xung quanh tôi lúc ấy là đủ mọi màu da, lứa tuổi đến từ bờ Đông, bờ Tây nước Mỹ, đầu đó cả châu Âu và châu Á. Có người đến đây vội vàng đặt một cành hoa, cũng có người ở đây hàng giờ để lau nước mắt. Giữa cái nắng rực rỡ một sáng tháng Năm, tôi bỗng dưng thấy mình nhỏ nhoi như thể hạt cát có thể bị gió cuốn đi bất cứ lúc nào. Sự sống mong manh quá. Những người đã chết trong thảm kịch đánh bom có lẽ không bao giờ biết buổi sáng ấy là những giây phút cuối cùng của cuộc đời họ. Hàng trăm người khác chịu tật nguyên vĩnh viễn từ sự kiện ấy chắc cũng không thể biết buổi sáng ấy sẽ thay đổi cuộc đời họ mãi mãi. Họ đến đây để chạy, thể thôi. Rất có thể họ chưa kịp nói với những người quan trọng nhất đời là họ yêu những người ấy đến nhường nào. Cũng có thể họ còn chưa có cơ hội giảng hòa với một ai đó vừa gây lộn. Và biết đâu đấy, họ cũng chưa kịp ôm người họ yêu thương, dù chỉ là một cái ôm tạm biệt.

Nước Mỹ siêu cường, nước Mỹ lớn rộng, nước Mỹ phồn hoa và nước Mỹ không thể bảo vệ được chính mình từ bên trong. Hai quả bom phát nổ và nước mắt cùng máu ngày thảm kịch xảy ra chắc chắn sẽ cảnh báo nước Mỹ về sự an toàn mà chính họ đang tin tưởng. Trong lúc quân đội Mỹ đổ bộ xuống những vùng đất Trung Đông, trong lúc cảnh sát Mỹ nhắm nhắm vào các lực lượng khủng bố bên ngoài lãnh thổ, thì cú sốc đẫm máu ngày 15/4 ở Boston lại được gây ra bởi chính những người đang sống trong lòng nước Mỹ. Chỉ trong một buổi sáng, người ta sẽ phải nhìn ra ngoài cửa sổ nhà mình mà tự hỏi họ an toàn đến đâu giữa nước Mỹ khổng lồ này. Tôi nhớ, vào ngày đầu tiên sau khi xảy ra vụ khủng bố ở Boston, thủ đô Washington D.C. nghẹt thở trong không khí ngột vực và sợ hãi. Những ga tàu điện ngầm vốn đã nhờ nhờ tối lúc này trở nên căng thẳng găm ghè khi những viên cảnh sát xuất hiện trong các toa tàu. Cảnh sát ở khắp mọi nơi, an ninh được siết chặt ở Nhà Trắng, Quốc hội, Lầu Năm Góc vì D.C. là trái tim chính trị của nước Mỹ. Trên ti vi, người ta ra rả về việc tình trạng an ninh tại các thành phố lớn của nước Mỹ đã được đặt trong trạng thái báo động và cảnh giác cao độ.

“Boston strong” (Boston mạnh mẽ) là thông điệp xuất hiện

nhieu nhất trong quãng thời gian này. Trên bảng điện tử hiển thị của xe buýt, dưới ga tàu điện ngầm, thậm chí những chiếc áo thun “Boston strong” cũng được bán khắp nơi. Dòng chữ đập thẳng vào mắt tôi, gọi lên thứ gì đó đôn đau, âm ục, xót xa. Ai đó nói với tôi rằng, bạn chẳng bao giờ biết mình mạnh mẽ đến đâu, cho đến khi mạnh mẽ là lựa chọn duy nhất của bạn để có thể tiếp tục sống. Mẹ thì vẫn bảo, nếu có một đứa con gái chỉ ngồi im nhận những đòn đau của số phận mà không chống chọi tới cùng, thì đó hẳn không phải là con gái bà. Trong những ngày tháng này, tôi vẫn thường đặt tay lên ngực mình để ngăn một vài cơn đau đến bất chợt, và nhớ lời mẹ luôn nói: “Ngẩng cao đầu mà sống con ạ.”

Chương 8

Tôi xúc chiếc ba lô nặng trĩu lên vai rời nhà Couch Surfer ở Boston sau khi chứng kiến đám bạn của họ “phê” thuốc quá đà. Đó là một đêm lạnh cóng. Những trò lố của một trong các anh chàng tham dự bữa tiệc tôi bắt đầu vượt quá kiểm soát sau khi đám người xoay vòng chiếc tàu hút cỏ⁽¹⁾ hết ba lần. Bang Massachusetts là nơi tương đối “dễ chịu”, cho phép sử dụng cần sa trong chữa bệnh. Hơn phân nửa các bang còn lại trên đất Mỹ nói không với cần sa, dù với bất cứ lý do nào⁽²⁾. Tôi bắt đầu thấy mình trở nên ngớ ngẩn khi ngồi chứng kiến những người bên cạnh la đà “phê”. Sáng hôm đó khi cô gái chủ nhà úp mở về một bữa tiệc tiền tôi đi, tôi không hề mong chờ điều này. “Sẽ rất vui đấy, đám bạn tao sẽ đến!” cô ta nói vậy trước khi đi làm. Chiều ấy tôi về nhà sau khi ghé qua một quán ăn nhỏ của người Việt, mua rất nhiều gói cuốn để góp vào bữa tiệc. Kiểu “tiệc” này rất đơn giản, một người đứng ra làm chủ nhà, rồi những người tham dự tự mang đến thức uống, món ăn tự làm hay tự mua. Bằng cách ấy, không ai phải băn khoăn về việc chia tiền sau đó. Tôi chỉ không biết rằng những cuộc vui thế này còn có kèm theo cần sa. Tôi bắt đầu thấy khó chịu khi anh chàng phê thuốc bắt đầu lại gần tôi, tán tỉnh những câu hết sức vớ vẩn. Dưới ánh sáng vàng tỏa ra từ đèn bếp, nụ cười của anh ta trở nên man dại hơn với cặp lông mày rậm và xéch lên ở mé phải. Ánh mắt anh ta trôi theo những bóng phản chiếu của giàn đèn, như thể linh hồn của anh ta đã vượt bay mất về góc trời nào đó, để lại cái thân xác uể oải nhão nhoẹt ở đây, nồng mùi cỏ. Tôi thấy ái ngại cho chính mình khi tiếp tục ngồi đây với tư cách “người ngoài cuộc” vì khi chủ nhà hỏi đến hai lần “Mày có hút cần sa không?”, tôi đều nói: “Không, cảm ơn.”

Thực ra tôi cũng đã hỏi mình: “Có muốn thử không?” Theo lời chủ nhà của tôi, cỏ chỉ là loại ma túy hạng nhẹ, tác động hưng phấn không đến mức như “đá”⁽³⁾. Hai mươi lăm năm đầu cuộc đời, tôi đã chỉ sống như một cô gái nghiêm túc, đứng đắn, ngoan ngoãn suốt còn gì. Mười hai năm đi học mẹ không cho phép tôi nghỉ một ngày nào, dù hôm ấy tôi sốt nóng cả đầu. Tôi luôn đứng trong nhóm học

sinh xuất sắc nhất lớp, mang về hàng đồng giải thưởng trong các cuộc thi hồi trung học. Sáng đến trường, chiều về làm việc nhà, tuyệt nhiên không biết đàn đúm ăn chơi là gì. Láng giềng nhìn tôi như tấm gương cho các cô con gái. Nhưng có lẽ chỉ mình tôi biết đến một con người nông cuồng, hoang dại và liều lĩnh khác hiện diện rất rõ bên trong mình. Một con người khác yêu tự do, yêu những con đường và yêu những chuyến phiêu lưu không bao giờ biết đến đoạn kết.

Tôi từng chỉ thẳng vào mặt những kẻ cười nhạo sự độc thân của tôi mà tuyên bố rằng tôi độc lập, tự tin, tự do và yêu quý tất cả những thứ ấy. Tôi không việc gì phải kết hôn khi có hàng tá việc khác phải làm với cuộc đời mình và chúng khiến tôi vui hơn nhiều: du lịch, học hành, thăng tiến trong sự nghiệp, theo đuổi niềm đam mê, có con, những mối quan hệ mới... Tôi từ chối việc làm đại một đám cưới với người bạn trai lâu năm khi đám bạn cùng tuổi đã lục đục con cái tay bẻ tay bông. Tôi không lấy chồng nếu lấy chồng chỉ là việc đến tuổi thì phải làm hay vì bạn bè bằng tuổi ai cũng lấy chồng hết rồi, hay vì bị hỏi quá nhiều khi nào thì lấy chồng? Tôi cũng không lấy chồng chỉ để rồi chỉ tay vào những cô gái độc thân khác, cười mĩa họ là gái ế, gái không trai nào thèm rỏ tới. Quan trọng hơn hết, tôi sẽ không kết hôn khi chưa sẵn sàng cho bất cứ một cam kết nào mang tính ràng buộc nghiêm túc lâu dài như hôn nhân, nghĩa vụ gia đình, sự chung thủy.

Tôi sẽ chỉ lấy chồng khi tôi thích lấy chồng, khi tôi đã tìm thấy người đàn ông của đời mình, khi tôi muốn gắn bó một thời gian dài (hay ngắn) của cuộc đời mình với ai đó, khi tôi muốn rằng mỗi sáng thức dậy trên giường tôi sẽ mỉm cười khi nhìn vào khuôn mặt chồng mình. Mỗi người có hạnh phúc và cuộc sống riêng. Tôi cho rằng ai cũng có quyền sống như mình muốn và một khi bạn hạnh phúc với nó, bạn tuyệt đối không làm gì sai cả. Hôn nhân hay độc thân chỉ là hai trạng thái quan hệ khác nhau và bản thân tôi là người rõ nhất điều gì là tốt nhất cho mình. Dù cả thế giới này kết hôn đi nữa, cũng chẳng có quy định nào nói rằng tôi phải giống họ.

Chắc có lẽ vì những tuyên bố thẳng thắn như vậy, mà sau đây không thấy ai đề cập đến tuổi tác tôi và việc phải tìm lấy một anh chồng để dựa vào nữa. Chồng? Con? Hai tiếng ấy bỗng dưng hắt tôi

ra khỏi cái ghế dựa êm ái là cuộc độc hành này. Đáng ra, giờ đây tôi rất có thể đã là vợ của anh ở cái xứ Texas khô cằn kia. Thế nhưng, anh lạnh lùng bỏ tôi lại ngay trước khi chúng tôi cùng lật sang một chương mới của cuộc đời. Và tôi đang ở đây, một mình với hai chiếc ba lô nặng ba mươi tư ký, giữa một đám bạn Mỹ trắng đang lữ đừ phê thuốc và chẳng ai nói thứ tiếng mà ngay từ khi sinh ra tôi đã được nghe.

Cô. Tôi tò mò tự hỏi cái ảo giác mà thứ ma túy ấy đem lại sẽ như thế nào? Liệu nó có giúp tôi chống chọi tốt hơn với những cơn trầm cảm vẫn đến và đi? Nhưng lý trí lên tiếng, nói với tôi rằng chỉ duy nhất tôi là người phải chăm nom và bảo vệ mình trong lúc này. Mẹ, đám bạn ở nhà, Robert ở D.C. lo lắng cho tôi, nhưng họ không có thời gian và khả năng để giúp tôi nếu đêm nay tôi phê thuốc và làm những trò rò dại.

Cuối cùng tôi cáo từ hai người chủ nhà và đám bạn của họ, đón xe điện line xanh ra nhà ga phía Nam (South Station) lúc đã quá nửa đêm. Tìm lấy một góc kẹt ở ga, nơi không ai lãng vãng qua lại, tôi lấy ba lô làm gối rồi cố gắng chợp mắt trước khi xe buýt đến vào lúc sáu giờ sáng. Để tiết kiệm năm đô la, tôi đặt vé xe buýt của Megabus, một trong những hãng xe giá rẻ đặc biệt phát triển mạnh ở Đông Bắc nước Mỹ. Nếu bạn có thể lên kế hoạch cho chuyến đi trước khoảng ba bốn tháng, bạn hoàn toàn có thể mua được vé xe với giá một đô la, cộng thêm năm mươi cent tiền phí, vậy là thoải mái có một chỗ ngồi trên chiếc xe buýt hai tầng màu xanh dương. Tôi thích Megabus một phần vì rẻ, một phần vì những khung cửa kính trên trần và bên hông ở tầng trên chiếc xe. Ngồi đây vào những ngày trời mưa, bạn có thể nhìn thấy những giọt mưa rơi lộp độp trên nóc hay nhìn ngắm con đường phía trước cửa kính lớn rộng ở đầu xe.

Megabus chỉ có một bất tiện lớn là không có các nhà chờ xe như Greyhound, một hãng xe buýt nổi tiếng khác với mạng lưới điểm dừng phủ khắp nước Mỹ. Buổi sáng rời khỏi New York, tôi đã ngồi co ro hơn một tiếng đồng hồ ngoài vỉa hè gió lạnh, mưa lất phất bay trên đầu. Xe đến trễ như thường lệ. Nếu muốn có chỗ ngồi tốt, bạn nên đến xếp hàng từ sớm. Tất cả những loại xe buýt kiểu này không đánh dấu chỗ ngồi mà phục vụ với phương châm tới càng sớm càng tốt, còn chậm chân hơn thì dĩ nhiên là “trâu chậm uống nước đục”.

Cánh cửa mở ra lối xe đến của ga South Station đã hồng chốc chốc lại rít lên kéo kẹt, đẩy những luồng gió lạnh ngất vào mặt tôi. Tôi dứt tay vào trong túi, sờ cô la bên túi phải để khi đói có thể ăn sáng; dao ở bên túi trái để phòng khi có chuyện bất trắc. Phía bên kia dãy ghế, vài người khác gục ngủ ngay trên sàn nhà, có lẽ cũng chờ một chuyến xe sớm như tôi. Chẳng có lựa chọn nào tốt hơn, tôi đón chuyến xe giá rẻ đầu tiên trong ngày của Megabus. Cho dù đổi lại, tôi phải nằm đây giữa nhà ga vắng lặng. Nó làm tôi nhớ đêm đầu tiên đến Seoul, Hàn Quốc, giữa tháng Sáu mùa hè mà trời lạnh chỉ còn mười mấy độ C. Khi ấy, tôi và tất cả những người đang chờ chuyến tàu siêu tốc KTX bị cảnh sát yêu cầu ra ngoài để đóng cửa nhà ga Seoul trong... hai tiếng. Cực chẳng đã, tôi và người bạn lang thang trên vỉa hè sân ga cho đến khi một chú vô gia cư người Hàn thương tình đưa cho hai đứa một miếng bìa các tông để lót trên nền đất lạnh. Thế là chúng tôi gia nhập đội quân những người vô gia cư ở nhà ga Seoul với vốn tiếng Hàn chỉ đủ bập bẹ. Tôi cố để nhớ xem trong ba năm qua, đã bao nhiêu lần tôi qua đêm ở những nhà ga như thế này. Myanmar, trên đường từ Nayung Shwe về lại Yangon. Singapore, xe buýt đêm vượt biên giới sang Malaysia. Jordan, chuyến đi hai tiếng đường núi để đến Petra, sau khi vượt biên đường biển từ Ai Cập... Nhiều quá, không sao nhớ hết. Và giờ là giữa Boston chờ chuyến xe xuống Philly⁽⁴⁾.

Chương 9

Giữa màn đêm kéo dài đến vô tận từ Philly về Delaware, chúng tôi đi mãi trong làn ranh của bóng tối được kéo dài bởi những tia đèn từ chiếc xe xuyên thẳng vào màn đêm phía trước. Tiếng gió giạt bên ngoài cửa kính nghe đáng sợ như thể sẽ quật ngã cơn sóng cảm xúc đang dâng lên trong tôi bất cứ lúc nào. Máy nghe nhạc đang phát một bản tình ca buồn, và thốt nhiên tôi thấy mình chìm xuống đáy sâu tuyệt vọng. Bốn năm trước, bằng cách nào đó tôi đã ngăn không cho mình tự giết mình. Bốn năm sau, ý nghĩ ấy lại trở về trong tôi khi chiếc xe trôi mãi trong đêm đen bất tận. Nước mắt tôi chảy dài lặng lẽ trong âm thanh của đêm, dẹt nên bởi tiếng gió bên ngoài và tiếng nhạc sâu não len lách khắp xe.

“Nếu khóc được, cứ khóc đi. Còn khóc được là tốt,” cậu ấy nói khẽ từ sau tay lái cạnh tôi.

Và tôi khóc nức lên như thể đứa trẻ bị giật khỏi tay món đồ chơi yêu thích. Tôi cứ quệt mãi những dòng nước mắt chảy xuống như mưa. Tôi không muốn ngăn mình trước cơn thác lũ cảm xúc, tôi cứ chìm mãi, chìm mãi cho đến khi gần chết đuối...

...thì cậu ấy đưa cho tôi chiếc khăn giấy.

Và chúng tôi cứ thế trôi mãi trong đêm.

“Thực ra tớ cũng vui khi cho cậu một chỗ dựa vào lúc cậu cần một ai đó.”

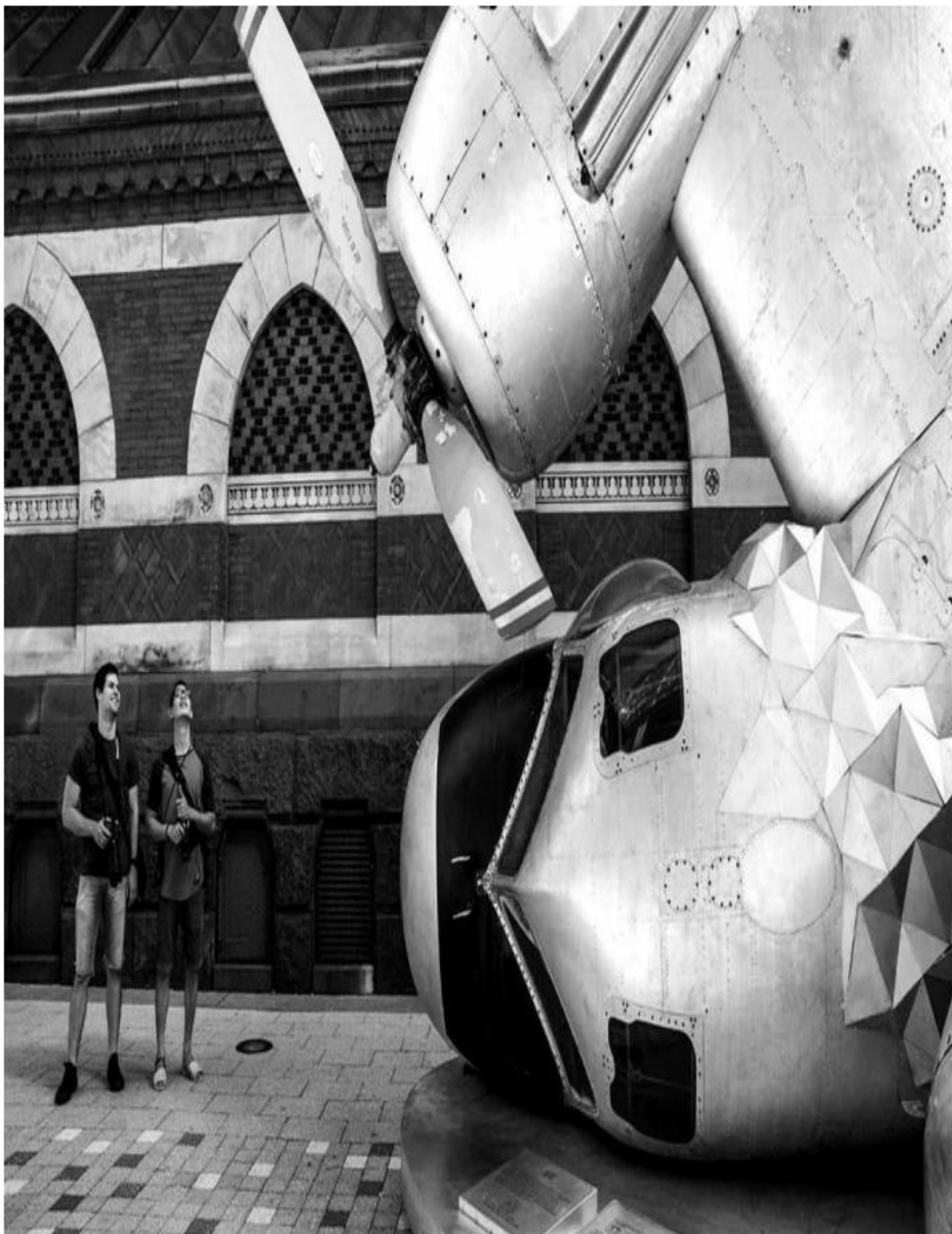
Câu nói của Đức gợi tôi nhớ lại đêm qua khi cậu đã phải lái xe vòng vòng trên đường cao tốc về Wilmington (bang Delaware) và loay quanh khu nhà ở đến mấy lần, chỉ để chờ cho tôi nguôi ngoai cơn khóc. Đó là lần đầu tiên tôi khóc nhiều đến như vậy kể từ khi tôi và anh chia tay. Tôi khóc không ngại ngùng, không kìm nén, không quan tâm thế giới bên ngoài kia đang trôi chảy về đâu. Tôi cũng bỏ mặc luôn cả Đức, người đang ngồi sau vô lăng cứ chốc chốc lại dỗ

dành tôi bằng một tờ khăn giấy.

Cậu nhỏ hơn tôi hai tuổi. Nhưng cái vẻ già dặn của Đức có thể đánh lừa bất cứ ai muốn đoán tuổi cậu. Tôi đến Delaware theo lời mời của gia đình chị Minh, chị gái của Đức. Nhưng cuối cùng chính Đức lại là người rong ruổi với tôi nhiều nhất trên đường. Đức học nhiếp ảnh, chụp máy phim. Tôi cũng thích chụp ảnh, nhưng bằng máy kỹ thuật số. Thế là hai đứa thành cạ lang thang với nhau suốt từ Philly đến Dutch Country. Đức thích gửi và nhận bưu thiếp, cậu thường xuyên tự chụp hình và in ra thành bưu thiếp để gửi cho bạn bè. Tôi thích những tấm hình trắng đen Đức hay chụp. Chúng giản dị, thanh khiết và, vì lý do gì đó, luôn khiến tôi trôi vào một nỗi mê mẩn mang đầy cô độc. Chiếc bưu thiếp đầu tiên tôi gửi trên hành trình du lịch bụi của mình là ở một thành phố nhỏ có tên Oaxaca (Mexico), cho Đức. Tôi nhớ tấm bưu thiếp ấy in hình nhà thờ Santo Domingo dát vàng những họa tiết tinh vi và tỉ mỉ đến từng chi tiết. Tôi đã mất hai ngày trời đi loay quanh giữa những con đường nhỏ của Oaxaca để tìm cho ra tấm bưu thiếp khả dĩ có thể gửi cho Đức trong số những bức hình nhạt nhẽo in vụng cả tảng khối màu. Tôi không biết vì lý do gì việc gửi một tấm bưu thiếp lại quan trọng như thế và mất nhiều công sức như thế. Nhưng tôi thấy việc đó vui, nhất là khi tôi gửi nó cho Đức.

Thật ra tôi đã luôn muốn một cái ôm từ Đức. Một cái ôm vội, ôm thật lâu, ôm siết chặt, hay ôm để dựa lên vai cậu... bất kể là gì đi nữa. Tôi chỉ muốn được ôm cậu, và được cậu ôm vào lòng. Như khi chúng tôi đi dạo với nhau vào giấc trưa giữa thị trấn Lititz bé con con, hay như khi chúng tôi vừa ra khỏi căn hộ của nhóm bạn nhảy Breakdance của Đức và phát hiện ra mình đang đứng giữa một cơn mưa. Hay như cái đêm tôi chìm ngiht trong nước mắt lúc Đức chở tôi về lại nhà. Tôi nghĩ mình cô đơn đủ nhiều để cần một cái ôm hay được gục lên vai của ai đó vào lúc ấy. Đã rất lâu rồi tôi không lại gần một chàng trai nào, đôi khi tôi còn tưởng mình đã trở thành cái cây chết khô vì cạn kiệt cảm xúc. Những ngày ở nhà chị Minh, tôi ngủ một mình trên ghế xô pha trong phòng riêng của Vivian, con gái đầu của chị. Đức thường thức đến khuya dưới căn phòng tầng hầm. Vài lần trong đêm, tôi đứng trước cầu thang dẫn xuống phòng của Đức, tần ngần muốn bước xuống hỏi cậu có thể ôm tôi một lát không. Nhưng cũng chính tôi, sau vài giây lẩn lữa, quay trở lại ghế xô pha

và kéo chiếc chăn mỏng, vùi đầu vào một cơn ngủ chưa kịp tới. Cũng giống như việc chưa bao giờ kể cho Robert nghe về những ý định tự tử hồi ở D.C., tôi không muốn làm phiền Đức vì những rắc rối tôi đang đeo theo bên mình. Tôi nghĩ, đó không phải là việc của họ, và họ cũng chẳng có trách nhiệm với việc tôi đang chống chọi với tình trạng trầm cảm mỗi ngày. Tôi giấu nỗi buồn vào trong mắt, đẩy nỗi sầu muộn ra phía sau nụ cười. Tôi cứ thế vui với gia đình nhiều tiếng cười của chị Minh, và đi lang thang cùng với Đức. Họ là những người Việt Nam đầu tiên tôi gặp trên đất Mỹ.



Đức (bên phải) trong một chiều đi dạo ở Old City (thành phố Philadelphia)

Tôi bắt đầu phác họa được cuộc sống của người Việt ở Mỹ thông qua người đầu tiên là Đức. Trên những dải đường phủ đầy bóng cây, tôi nghe cậu kể về những cú sốc văn hóa ngày đầu đến Mỹ, sự cô đơn vì không thể làm bạn với ai trong những năm tháng đầu tiên đi học ở Texas, cũng như những đánh đổi trong tính cách và nhận thức mà cậu đã chấp nhận để hòa nhập với cuộc sống Mỹ. Giác mơ Mỹ, nếu có với Đức (tôi đồ cậu sẽ cười mĩa với cụm từ này) chỉ gói gọn trong ba từ “Mỹ vui mà!” Mỹ vui, vì ở đây cậu có thể sống tự do với những suy nghĩ của cậu và không ngại người khác phán xét mình. Mỹ vui, vì cậu có thể đi làm phụ bếp mười mấy tiếng mỗi ngày và kiếm đủ tiền để trang trải cuộc sống cho mình. Mỹ vui, vì ở đây cậu đã trở thành một con người mới, biết yêu bản thân mình đủ nhiều và sống đủ giản đơn để “Trước mỗi việc, hãy hỏi bản thân mình xem có vui không? Nếu vui thì hãy làm.”

“Cậu không thấy thế là ích kỷ sao?” tôi hỏi.

“Không, tớ đã từng sống quá mệt mỏi với việc luôn đặt cảm xúc của người khác lên trên bản thân mình. Cho đến một ngày nhận ra rằng nếu mình không vui thì cũng chẳng thể làm người khác vui được. Nên dù làm gì đi nữa, nếu vui hãy làm.”

Tôi thấy mình thoáng chút luyến tiếc khi nhận ra Đức đã phải đánh đổi những gì để sống trong xã hội Mỹ, nơi coi trọng cái tôi cá nhân. Tôi mừng tượng rằng, trước khi đến Mỹ, hẳn Đức là một chàng trai sống tình cảm, sâu sắc và quan tâm đến người khác nhường nào. Nhưng suy cho cùng, tôi tự bảo mình: cậu ấy làm điều cậu ấy phải làm, thế thôi. Tôi, dù có cố xỏ chân mình vào đôi giày của cậu, cũng không bao giờ có thể đi cho vừa vặn đôi giày ấy, cũng như không bao giờ hiểu được những điều cậu đã trải qua. Tôi, dù quan tâm đến cậu thế nào thì cũng chỉ là một kẻ xa lạ vừa quen biết, đứng bên lề cuộc đời cậu và không có để làm một nhà đạo đức học.

“People don’t change, they grow.”

Người ta không thay đổi đâu, người ta chỉ lớn lên thôi.

Tôi nghĩ Đức chỉ luôn tiếc rẻ cho những gì mà nước Mỹ khiến cậu đánh đổi trong suy nghĩ và tính cách, chứ không hề tiếc đất. Vì suy cho cùng, tôi biết cậu hạnh phúc với con người cậu hôm nay.

Trước khi tôi rời Delaware, Đức một mình chờ tôi ra ga tàu buổi trưa mưa dầm rả rích, như lần đầu tiên Đức lái xe suốt một tiếng đồng hồ đến đón tôi ở Philly về nhà. Chúng tôi cuối cùng cũng ôm nhau một cái ôm tạm biệt. Tôi đã cố tình ôm Đức lâu hơn một chút. Cậu cũng chẳng có vẻ gì vội, dù tôi biết Đức sắp trễ giờ làm. Tôi dựa cằm lên vai Đức, gửi vào đó lời cảm ơn không thoát thành lời. Chưa có lần nào tôi cảm thấy những cái ôm tạm biệt là thừa thãi. Đôi khi, nó ý nghĩa hơn cả những điều bạn kỳ vọng trước khi chiếc quai đeo ba lô trên vai nhắc rằng những hành trình dài không đích đến đang chờ đợi phía trước. Những chuyến xe buýt đường dài không có gì hơn là màn đêm bủa vây xung quanh, những cơn mưa bất chợt đổ xuống khi bạn đi ngang dưới mái hiên một dãy nhà cổ, hay chỉ đơn giản là cơn bệnh quật ngã bạn trong một ngày không đẹp trời... Tất cả những sự bất định ấy, bạn có thể đương đầu, nhưng không bao giờ bạn có thể biết trước. Khi cho Couch Surfer ở nhờ ở Sài Gòn, tôi lúc nào cũng cố gắng đưa họ ra bến xe, sân bay hay gọi taxi... và những cái ôm tạm biệt đã trở thành một phần không bao giờ thiếu. Đó có thể là cái ôm vẫn còn nồng nặc mùi thuốc lá của anh chàng Áo cao gần hai mét, đó có thể là cái ôm dịu dịu khi tôi ngả đầu mình vào làn tóc mượt như nhung của một cô gái Hàn, có thể là cái hôn lên má bất ngờ của một anh chàng Hà Lan. Có những cái ôm vội vàng, có những cái ôm siết chặt, cũng có những cái ôm mà tôi thực sự gửi vào đó lời cảm ơn chân thành sau những ngày được đối xử như người-xa-lạ-thân-thiết. Tất cả những cái ôm ấy bao giờ cũng cộm cộm trên bờ vai vì chiếc ba lô sau lưng. Nó nhắc chúng tôi về chuyến xe buýt đường dài đang đợi, về đường ray xe lửa đang chuẩn bị đón đoàn tàu sắp đến, hay đơn giản là một chuyến bay sáng sớm.

Nên hôm nay, giữa cơn mưa tí tách trên vai, tôi và Đức dang tay ra ôm lấy nhau trong nỗi chia ly rất đỗi đời thường. Tôi sẽ tiếc nếu không có cái ôm này bởi sau đó tôi chắc chắn sẽ nhớ Đức. Đêm trước, tôi đã viết cho Đức trên tin nhắn, “Chúng ta là những cá thể hoàn toàn khác biệt trên thế giới này, chúng ta đi những con đường khác nhau và tin vào những điều khác nhau. Nhưng chúng ta đã gặp nhau. Và chúng ta đã hé mở thế giới của mình cho nhau. Cảm ơn

Đức vì tất cả.” Tôi không nói tạm biệt, chỉ nói: “Hẹn gặp lại Đức đâu đó trên thế giới này.”

Trên chuyến xe buýt lên Chicago (bang Illinois), tôi đã xót xa tiếc nuối khi nhận ra đáng lẽ có những điều tôi nên làm từ sớm hơn. Thằng bạn thân của tôi có lần từng bảo, tôi lúc nào cũng sống trong trạng thái bị áp lực rằng cuộc đời mình ngắn lắm. Chính vì nghĩ nó rất ngắn, nên tôi luôn cố gắng làm mọi thứ tốt hết mức có thể, nghĩ gì thì phải làm ngay, không cần quan tâm người khác nói gì. Nếu bạn gọi kiểu sống ở Sài Gòn hoa lệ là hời hả, thì bạn nên đến New York, để thấy người ta đang sống với tốc độ tên lửa. Ở cái đô thị lớn nhất nước Mỹ này, mọi thứ cứ vội vã, hời hả. Chủ nhà của tôi ở New York bảo: “Ở New York, áp lực lớn nhất không phải tiền bạc, mà là thời gian.” Tôi bắt đầu suy nghĩ về điều anh ta nói nhiều ngày sau đó. Và tôi sẽ dối trá nếu không thừa nhận rằng mình đang tiếc rẻ rất nhiều thứ. Thời gian là thứ tôi tiếc rẻ nhiều nhất. Song những thứ đã ra đi cùng thời gian còn đáng để tiếc rẻ hơn. Tuổi trẻ và những tháng ngày đẹp đẽ nhất của tôi đã ra đi cùng một tình yêu có đoạn kết rất tệ. Nhưng suy cho cùng, cũng giống như Đức, tôi vẫn chỉ tiếc rẻ chứ không tiếc đất.

Phần 2

VÙNG TRUNG TÂY VÀ TRUNG NAM, NHỮNG NGÀY HÈ THIÊU ĐỐT

Chương 10

“Chạm tay vào hình phản chiếu của mình trên Cloud Gate, Chicago.”

Đó là dòng thứ 43 trong “Bucket list” (Danh sách những điều cần làm trước khi chết) tôi đã viết cách đây một năm rưỡi. Tôi mở điện thoại, tô đậm hàng chữ để đánh dấu thêm một điều mình vừa hoàn thành. Danh sách đã nối dài đến điều thứ 64.

Với tôi, Cổng Mây (Cloud Gate) là thứ kiêu hãnh và kỳ bí nhất ở Chicago. Tôi đã ngồi hàng giờ ở đây, dưới một thảo nguyên mây bông bồng trôi trên nền trời xanh thẫm và ngắm nhìn một thành phố Chicago khác bên trong hạt đậu. “The Bean” (hạt đậu) là biệt danh mà người dân thành phố Chicago đặt cho công trình Cổng Mây bởi hình dạng gần giống với thứ hạt này. Nếu bạn nghĩ rằng mình đã hiểu thành phố bên bờ hồ Michigan, thì Cổng Mây sẽ cho bạn thấy một Chicago hoàn toàn khác. Bên trong hạt đậu không lờ lờ, thành phố có thật bên ngoài kia bỗng chốc biến thành một thế giới huyền ảo khi bạn đưa tay chạm khẽ vào chính mình bên kia mặt gương. Cổng Mây là tác phẩm nghệ thuật ngoài trời đầu tiên mà nghệ sĩ người Anh Anish Kapoor xây dựng ở Mỹ. Khối thép không gỉ nặng 110 tấn với hình dạng mái vòm này được đặt giữa công viên Thiên Niên Kỷ (Millennium), ngay trung tâm thành phố để bất cứ ai

cũng có thể chạm vào, đi ngang qua hay ngồi hàng giờ ngoài trời để nhìn ngắm. Bên trên và xung quanh, những tòa cao ốc, đường chân trời xanh thẳm, cùng với một thảo nguyên mây bông bành trôi soi mình lên Cổng Mây. Mỗi giây phút của ngày, mỗi góc độ nơi bạn đứng đều có thể nhìn thấy một Chicago khác biến chuyển trong vạn khoảnh khắc khác nhau.



Cổng Mây kiêu hãnh trong một ngày đầy nắng ở Chicago

Có rất nhiều điều để nói về thành phố nổi tiếng miền Trung Tây nước Mỹ này. Nhưng tôi vẫn luôn muốn bắt đầu câu chuyện của mình về Chicago từ Cổng Mây, biểu tượng của trí tưởng tượng và sáng tạo không biên giới mà bạn có thể nhận thấy trên mỗi góc đường thành phố. Đến Chicago như lạc trong một cánh rừng những kiến trúc kết hợp giữa công nghệ xây dựng hiện đại và phong cách độc đáo. Sức sáng tạo không giới hạn trong kiến trúc mà người ta thấy ở thành phố bên hồ Michigan bắt nguồn từ một thảm kịch xảy ra năm 1871. Trận Đại hỏa hoạn kéo dài ba mươi sáu giờ đồng hồ tháng Mười năm đó đã thiêu rụi gần như hoàn toàn các công trình nhà cửa bằng gỗ ở trung tâm Chicago, làm thiệt mạng ít nhất ba trăm người và đẩy một phần ba dân số thành phố ra đường. Ba năm sau đó, Chicago ra luật cấm xây những công trình bằng gỗ trong nội đô. Dù vậy, thảm kịch hỏa hoạn đã đem đến cho thành phố cơ hội để tái tạo lại hình ảnh một Chicago hoàn toàn khác. Năm 1884, công trình cao chín tầng với khung sườn bằng thép có tên “Home Insurance Building” ra đời, được coi như tòa nhà cao tầng đầu tiên của thế giới. Từ đó đến nay, chẳng ngạc nhiên mà thành phố này được coi là nơi mà sức sáng tạo không ngừng trong kiến trúc được đẩy đến đỉnh cao. Từ lối đi bộ bên hồ Michigan nhìn vào thành phố, đường chân trời Chicago ngày nay đã được bao phủ bởi hàng dài những cao ốc chọc trời, nhiều công trình trong số chúng đến nay vẫn nằm trong danh sách những tòa nhà cao nhất thế giới như Willis (tên cũ là Sears), Trump International, Aon Center, John Hancock Center...

Chicago những ngày nhiều mây hết như tách cà phê nóng bên góc quán nhỏ với một anh chàng trầm tính. Tôi vẫn thường hình dung xem anh chàng ấy là kiến trúc sư hay họa sĩ. Nếu là họa sĩ, hẳn nhiên tôi sẽ được anh đưa đi hàng giờ trong Viện Nghệ thuật Chicago và giảng giải về những bức tranh của Claude Monet hay Mary Cassatt. Chúng tôi cũng có thể đi cùng nhau qua góc phố W Randolph và N Dearborn để chiêm ngưỡng một công trình kiến trúc bằng đồng của Picasso nằm ngay ngoài trời. Nếu anh chàng ấy là kiến trúc sư, chúng tôi hẳn đã cùng ngắm nhìn thành phố trong ánh đèn đêm tỏa rạng từ những khối nhà cao vút. Đài quan sát ở tầng thứ 94 của tòa nhà 100 tầng John Hancock phía Bắc thành phố sẽ là nơi anh nói cho tôi nghe về mạch ngầm sáng tạo đang tuôn chảy không ngừng bên trong những kiến trúc tráng lệ của Chicago. Nếu

có thêm thì giờ, hẳn chúng tôi sẽ cùng đi với nhau khắp thành phố trong chuyến tàu ở đường ray trên cao, ngắm Chicago từ khung cửa kính đầy mưa khi đoàn tàu rẽ sang một góc đường khác. Lúc nhìn mọi vật từ độ cao của những chiếc ban công trong khi đang lướt đi giữa thành phố, tôi quả thực đã ước gì chiếc ba lô nặng trĩu đầy máy ảnh, chân máy và sách và bên cạnh là một chàng trai.

Nhưng thực ra người dành thời gian cho tôi nhiều nhất ở Chicago là cô gái nhỏ nhắn Jihea đang học vẽ và nhiếp ảnh tại SAIC - Học viện Nghệ thuật Chicago, một trong những trường nghệ thuật danh giá nhất thế giới. Tôi chỉ gửi yêu cầu xin Couch Surfing ở Chicago cho duy nhất Jihea, vì tôi biết cô sẽ nhận lời sau khi đọc về tình cảm tôi dành cho Hàn Quốc sau hai chuyến đi năm vừa rồi: một tuần vào mùa hè và một tháng lang thang khắp mùa đông xứ Hàn. Jihea, dù bận rộn với lịch học và làm thêm ở trường, vẫn lấy việc đi lang thang với tôi khắp trung tâm The Loop làm vui. Tôi đầu tiên ở Chicago, tôi gác đầu lên chiếc ba lô vút dưới lối đi lát bê tông, ngược nhìn trời đêm Chicago trong tiếng đập xe ai đó vừa lướt qua cạnh đầu. Gió từ mặt hồ Michigan miên man trên mớ tóc mai trên trán. Jihea và tôi đang nằm trên lối đi bộ, ở một nơi nào đó trên địa cầu được xác định bằng một cái tên, kinh độ, vĩ độ, nhưng lại trở nên rất vô chừng trong tim tôi. Mỗi khi ngửa cổ lên nhìn trời, tôi lại thấy mình như lạc đi giữa vũ trụ rộng lớn này. Những khoảng trống trong lòng tôi khi ấy càng lớn hơn gấp bội, những khoảng trống không cần phải lấp đầy. Dù vùi đầu vào một cơn hôn, ngã đôi vai trong một cái ôm thật chặt, hay siết lấy tay nhau đến quặn thắt cả tim, những khoảng trống vẫn ở đó không cách nào lấp đầy cho được.

“Jihea, hẳn mày rất cô đơn vào những năm đầu đến Mỹ nhỉ? Mười ba tuổi, làm cách nào mà mày vượt qua được?” tôi hỏi Jihea lúc thành phố đang in bóng những vệt loang lổ ánh đèn trên mặt hồ.

“Tao đến Mỹ bảy năm trước, học trung học ở phía Nam vùng Trung Tây. Những tháng năm đó là một cơn ác mộng, mày biết đấy, khi tao là đứa châu Á duy nhất trong trường.”

“Để tao đoán nhé, trường đó có lẽ toàn những đứa Mỹ trắng phải không?”

“Ừ,” Jihea thở dài. “Tao thậm chí còn chẳng muốn nhớ lại nữa.”

“Tao hiểu.”

“Mọi việc chỉ thay đổi khi tao đến Chicago. Ở đây mọi người cởi mở hơn, thân thiện hơn. Ít ra tao cảm thấy như mình được giải thoát.”

Khi mới gặp mặt, tôi sớm nhận ra chút già cỗi trong tâm hồn Jihea, cô bé Hàn Quốc hai mươi tuổi đã trải qua gần nửa cuộc đời cho đến giờ trên đất Mỹ. Cô bé như cái cây buộc phải lớn nhanh để sống sót qua mùa đông buốt giá. Quen sống và đối mặt với khó khăn một mình từ khi còn chưa kịp lớn, Jihea không còn là cô bé châu Á rụt rè, nhút nhát những ngày đầu xa quê hương. Nhưng tôi biết ẩn bên trong kia vẫn là cái hồn Á châu đa cảm và nhiệt thành. Cô ra tận bến xe buýt đón tôi, lang thang với tôi qua bao nhiêu ngõ ngách lớn nhỏ ở Chicago chỉ để chỉ cho tôi một bức điêu khắc hay ăn cùng tôi một chiếc burger dưới chân cầu Michigan. Tôi thích cái chất điên rồ nghệ sĩ của cô gái này, người mà thay vì nhìn tôi khó hiểu hoặc bỏ lặn ra cười, lại trả lời rất thật lòng những câu hỏi rất đỗi kỳ quặc của tôi. Hôm ấy, chúng tôi ngồi đối diện nhau trên ban công bằng gỗ kê cột kẹt vào gác trưa, dưới những tán cây lòa xòa rủ bóng, cố ăn cho hết số kim chi và bulgogi còn thừa từ bữa tối ngoài nhà hàng Hàn Quốc đêm trước. Trong cơn gió nồm ngày đầu hè, những vệt bồ công anh chấp chới hiện ra từ bầu trời trưa tháng Sáu, hết như cách chúng vẫn xuất hiện đâu đó trong những câu chuyện cổ tích nhiệm màu. Chicago không có cái vẻ vội vã đến ngột thở của New York, nên mùa bồ công anh bỗng trở thành thứ gì đó nên thơ lãng đãng hết như cái thành phố sinh ra trong không khí của nghệ thuật này. Tôi hỏi Jihea, đã bao giờ mày ước là chim chưa? Jihea bảo có, tao từng muốn biết chim sẽ nhìn thế giới như thế nào.

Tối thứ Bảy, nửa đêm, tôi tu ừng ực từng dòng bia lạnh rất cô. Thỉnh thoảng vào những tối cuối tuần, Jihea và đám bạn học trường SAIC lại tụ tập tại tầng hai căn nhà gỗ nơi cô và hai người bạn học khác cùng thuê. Ở phòng khách rộng rãi nơi có ba cánh cửa chớp nhìn xuống đường, bàn ăn đặt la liệt từ rượu, bia, bánh mì, lasagna, cà ri, xúp... do mọi người mang đến, mỗi người một món. Dưới ánh đèn chụp tủa xuống từ trên trần nhà, đám tiệc đang lớn nhón tiếng Mỹ nhiều vùng miền. Kim đồng hồ đã chỉ đến 12 giờ đêm mà vẫn chưa ai tỏ dấu hiệu định ra về. Trước đó, tôi và Jihea đã có một cuộc

tranh cãi nho nhỏ vì việc tôi dùng sai từ khi gọi mối quan hệ của Jihea và Catherine, một cô gái Mỹ trắng đang ngồi đối diện tôi bên kia bàn tiệc. Tôi nhầm tưởng Catherine là “bạn gái” của Jihea nhưng không phải.

“Tụi tao chỉ đi chơi, qua lại với nhau, thế thôi,” Jihea giải thích, “Đó còn chẳng thể gọi là hẹn hò, chứ đừng nói bạn gái - bạn trai gì.”

Câu nói của Jihea khiến tôi nhận ra rằng, ở Mỹ, định danh một mối quan hệ là việc rất quan trọng. Nếu ở Việt Nam, đi chơi với nhau, ôm ấp, hôn hít, ngủ với nhau là điều thường chỉ xảy ra trong mối quan hệ mà người ta gọi là “tình yêu”, và hai người là “bạn trai - bạn gái”, thì ở Mỹ có hàng tá những cái tên khác để gọi tính chất của một mối quan hệ. Hai người đi chơi với nhau đôi khi chỉ là “đi chơi” (hang out), chứ chưa chắc đã là “hẹn hò” (dating). Có những “mối quan hệ mở” (open relationship), cho phép người bạn trai hay bạn gái trong cuộc quyền có những người yêu khác ngoài mối quan hệ đó, và dĩ nhiên, không có bất cứ cam kết nào về sự chung thủy hay trách nhiệm. Sau này, khái niệm “hôn nhân mở” (open marriage) cũng ra đời với bản chất gần giống như “mối quan hệ mở”, chỉ khác là hai người đã kết hôn mà thôi. Bên cạnh đó, những người gọi nhau là “bạn tình” (friends with benefits) giữ mối quan hệ thuần là vì tình dục chứ không có tình yêu. Do đó, một khi định danh mối quan hệ là nghiêm túc (serious relationship) hay “tình yêu” (love), và gọi người yêu của mình là bạn trai - bạn gái, đó sẽ là một việc được cân nhắc kỹ lưỡng. Bởi khi đó, hai người sẽ có những cam kết với nhau dựa trên mức độ mong muốn về sự chung thủy.

Thực ra tôi không quan tâm việc người Mỹ định danh mối quan hệ của họ theo tên gọi này hay khác là đúng hay sai, là hợp lý hay không hợp lý. Tôi chỉ thấy mâu chốt quan trọng ở đây là việc họ coi trọng sự trung thực giữa người với người. Một thực tế tôi vẫn thường thấy ở những người bạn Việt Nam xung quanh mình, là những cặp đôi thường đi chơi với nhau, hẹn hò trong một thời gian dài, sau đó kết hôn mà chưa hề quan hệ tình dục hoặc sống chung trước hôn nhân. Sau một thời gian sống chung một mái nhà với danh nghĩa vợ chồng, nghịch lý diễn ra khi một trong hai hoặc cả hai vợ chồng bắt đầu có hành vi ngoại tình ở bên ngoài tổ ấm. Điều buồn cười là không ít người chấp nhận nó như một lẽ thường tình trong hôn

nhân, chồng ngoại tình vì vợ không biết giữ, vợ ngoại tình vì chồng bất lực. Rồi vì đủ mọi nguyên nhân, từ lời xâm xì của xã hội, đến định kiến ngàn năm đã hình thành, rồi vì con vì cái, họ tìm cách níu kéo hôn nhân đôi khi đã vỡ tan tành. Trong khi đó, giới trẻ Mỹ lại coi việc “Trẻ không chơi, già mất nét” như một triết lý để hưởng thụ tuổi trẻ. Khi trẻ và độc thân, họ có thể tiệc tùng, ăn chơi, rượu chè, ma túy, trai gái...như những điều rất bình thường mà người trẻ nào cũng từng thử qua. Họ cũng rất thận trọng khi bắt đầu mối quan hệ với một người nào đó. Mối quan hệ được định danh theo từng bước, từ đi chơi, hẹn hò, cam kết, đôi khi sống chung trước hôn nhân, cho đến đính hôn và kết hôn. Hai người trẻ có thể ngủ với nhau, nhưng chưa chắc vì tình yêu. Đó có thể là “tình một đêm” (one night stand) hoặc là một phần của việc hẹn hò. Nhiều cô dâu, chú rể từng chạy trốn khỏi nhà thờ trước khi bước vào giáo đường làm lễ do áp lực về một cuộc sống chung nhiều trách nhiệm và ràng buộc. Những kẻ “chơi chưa chán” hoặc chưa tìm thấy “người dành cho mình” (the right person) sẽ không vội vàng kết hôn. Bởi một khi đã bước vào cuộc sống hôn nhân, những người Mỹ trẻ phần lớn sẽ thôi tiệc tùng, ăn chơi, và từ khi ấy chỉ còn biết duy nhất người chồng/vợ của mình. Hôn nhân là hai từ đặt sức nặng rất lớn lên hai người trẻ bởi cuộc sống vợ chồng đòi hỏi rất nhiều cam kết. Ngoại tình trong hôn nhân, do đó, trở thành việc khó có thể tha thứ được, và thường được coi như hành vi “lừa dối” bạn đời, phần nhiều sẽ dẫn đến ly hôn (mà ở Mỹ, trong trường hợp người đàn ông ngoại tình là nguyên nhân chính dẫn đến tan cửa nát nhà, chắc chắn anh ta sẽ phải chuẩn bị tinh thần cuốn gói ra khỏi căn hộ đang sống để nhường cho vợ con nếu hai người không ký thỏa thuận tiền hôn nhân).

“Sau khi bị bạn trai phản bội, tao đã sống một thời gian không tình yêu,” Jihea giải thích. Cô không hề phát hiện ra mình lưỡng tính cho đến khi gặp và hẹn hò với Catherine. “Tao gặp cô ấy, và nhận ra phụ nữ cũng tốt. Mà biết đó, tình yêu đầu đời của tao kéo dài mấy năm trời, và suốt thời gian đó tao không có cơ hội để biết rằng hóa ra mình cũng thích phụ nữ. Tao không tin vào hôn nhân một vợ một chồng. Bản thân chính mình là một tổ hợp phức tạp với rất nhiều khía cạnh khác nhau. Mỗi người đến trong cuộc đời của chúng ta chỉ có thể hợp với một phần nào đó của mình, và cũng chỉ có thể ở lại một quãng thời gian nào đó. Tao thích cái ý nghĩ là, vào mỗi giai đoạn của cuộc đời, tao sẽ ở bên một người thích hợp hơn.”

Tôi không nhảy ong ồng lên để phản đối Jihea, cũng không gật gù đồng ý. Tôi chỉ ừ hừ ra chiều đã lắng nghe, và bởi tôi chưa đủ trải nghiệm để tranh luận với cô về vấn đề này nên tôi đơn giản là tôn trọng quan điểm của cô. Trong hành trình nước Mỹ đến giờ phút này, tôi đã gặp nhiều kiểu người khác nhau với những quan điểm sống, cách nghĩ khác nhau. Không ai trong số họ làm tôi “sốc” bởi sự khác biệt ấy, đơn giản là tôi chấp nhận người ta như vốn dĩ họ là thế. Tôi chỉ là một hạt cát bé nhỏ giữa sa mạc cuộc đời. Điều tôi nghĩ chưa chắc đã giống bạn và điều bạn nghĩ chưa chắc đã giống những người khác. Cuộc sống này thú vị và chuyến đi của tôi thú vị vì những con người khác biệt như Jihea. Ở giữa đất nước tự do, họ dám nói, dám làm và dám sống như họ muốn. Sẽ không ai khen bạn vì bạn đồng tình với họ, hay “ném đá” bạn vì bạn phản đối lại điều họ vừa nói. “Everyone is different” (Mỗi người mỗi khác) là câu nói tôi hay nghe được ở Mỹ nhất, và cũng là câu tôi hay nói nhất. Khi tranh luận với nhau một điều gì, họ không “lũng lờ đôi dòng nước” như người châu Á vẫn hay làm, A cũng đúng mà B cũng phải. Người Mỹ không đánh giá, phán xét bạn là chọn A hay B thì sẽ đúng hoặc sai. Bạn chỉ cần chọn một điều và cố gắng đến cùng bảo vệ quan điểm của mình, thuyết phục mọi người tin vào điều bạn tin, thế là đã thành công rồi. Những kiểu công kích cá nhân như “Bạn quá cao ngạo” / “Bạn vừa xấu vừa đàn” / “Cha mẹ bạn hẳn đã không dạy dỗ bạn nên người” sẽ được cho là xúc phạm người đối diện, chứ không phải là cách để chiến thắng trong tranh luận. Bằng cách tôn trọng cái tôi, mỗi cá nhân đều có quyền nói lên quan điểm của mình, dám bảo vệ nó mà không lo lắng về việc sẽ bị dư luận chỉ trích, xia xói chỉ vì họ khác biệt. Có lẽ vì điều này mà những từ như “must/have to” (phải) hay “should” (nên) thường được cân nhắc thận trọng mỗi khi dùng đến trong đối thoại giữa người Mỹ về những vấn đề thường nhật của cuộc sống. Thói quen thích cho lời khuyên vì “quan tâm, muốn giúp đỡ” kiểu bạn nên thế này, bạn nên thế nọ của người Việt rất dễ gặp phải những cái nhăn trán nếu bạn đang nói chuyện với một người tự tôn. Đừng ngạc nhiên nếu một người Mỹ nói thẳng với bạn rằng “Don’t tell me what to do” (Đừng có nói cho tôi biết tôi phải làm gì), chỉ vì bạn lỡ cho họ lời khuyên khi họ không hề hỏi xin.

“Vậy mày đang đi vòng quanh nước Mỹ hả Hằng?” Catherine nhòai người từ bên kia bàn sang, cắt đứt dòng suy nghĩ của tôi.

“À, ừ, cũng được hai tháng rồi.” Tôi nhấp thêm một ngụm bia.

“Tuyệt quá nhỉ!” Mark, một anh chàng khác ngồi bên cạnh tôi phụ họa.

Catherine hỏi tiếp: “Mày thích chuyển đi này chứ?”

“Hẳn nhiên,” tôi mỉm cười đáp. “Tao đâu kỳ vọng là ở Chicago tao sẽ ngồi giữa một bữa tiệc hay ho và nghe những sinh viên trường nghệ thuật nói về cách họ nhìn cuộc sống thế này.”

“Vậy là mày cứ nghỉ việc và đi? Mày thật đỉnh đây. Việc ấy vốn đâu dễ dàng gì.”

“Ừ, không dễ dàng gì lắm. Nhưng nhìn tao xem, tao còn trẻ, độc thân, không vướng bận vào bất cứ mối quan hệ nào, chưa phải trả góp nhà hay xe như tụi Mỹ chúng mày. Ô, khi tao nghĩ đến việc tụi Mỹ chúng mày mua rồi phải trả góp cái xe suốt mười năm, hay trả cái nhà suốt ba mươi năm, tao nghĩ trời ạ, sao có thể cột mình vào một thứ suốt những năm dài như vậy? Ở Mỹ tụi mày đúng là mua cái gì cũng được, nhưng trả không nổi thì người ta xiết nhà, xiết xe. Thế là tụi mày cầm đầu cầm cổ vào làm, mỗi tháng đến đúng ngày lại lo trả nợ, rồi cứ sợ một ngày nào đó mất việc. Đúng là ở mỗi nơi, vấn đề của mỗi quốc gia và mỗi xã hội lại khác. Ví dụ như ở Việt Nam tụi tao có những người còn sợ phải chết đói. Ở đây thì chết vì không có gì để ăn thật hiếm hoi, nhưng tụi mày chết vì béo phì, chết vì tai nạn xe và chết vì cô đơn nhiều hơn thì phải.” Tôi kết thúc việc so sánh với một tiếng cười sảng khoái, trong lúc màn đêm vẫn chậm rãi buông xuống ngoài đường.

Đến giờ, tôi vẫn nhớ rõ “Phi vụ Chicago” mà tôi và Jihea đã suýt thực hiện thành công đêm ấy, sau bữa tiệc. Đó là một ý tưởng vô cùng điên rồ bật ra khỏi đầu tôi khi đi dạo trong công viên Grant sáng cùng ngày. Khi ấy, tôi đứng trước đài phun nước tưởng niệm Clarence F. Buckingham cao ba tầng được bảo vệ bởi một hàng rào bằng sắt bên ngoài và nói với Jihea:

“Tại sao người ta lại vây kín cái đài phun nước này? Tao muốn nhảy vào nó.”

“Còn tao thì muốn leo lên đến tận đỉnh cơ,” Jihea thản nhiên trả lời.

Tôi bỗng nảy ra một ý tưởng điên rồ. “Này, tối nay tao với mày sẽ nhảy vào đài phun nước nhé?”

“Ừ, quyết định vậy đi!”

Trong trường hợp bạn đang hốt hoảng, thì cuối cùng chúng tôi đã thực hiện không thành công phi vụ điên rồ này, dù tôi và Jihea đã vượt qua lớp rào chắn bằng sắt. Vào giấc nửa đêm, khi đài phun nước tám mươi bảy năm tuổi ngủ say trong bóng tối, tôi bỗng khựng lại khi đứng trước mặt nước lạnh như tờ. Chút điên khùng tuổi trẻ chợt biến mất hoàn toàn đã cứu tôi khỏi vài ngày ngồi khám chẳng?

Khi đứng chờ tàu với Jihea ở ga Monroe để trở về nhà sau phi vụ bất thành, bỗng dưng tôi nhận ra mình đã thôi không còn ý nghĩ nhảy xuống đường ray tàu điện ngầm nữa. Suốt hai tháng qua, tôi cứ lơ lửng trong những cơn trầm cảm đến rồi đi và những ý nghĩ ngu xuẩn về việc phải kết thúc cuộc đời mình đâu đó dưới đường tàu kia. Chỉ khi đến Chicago, tôi mới nhận ra mình đã đi qua khúc quanh đen tối nhất vào cái đêm trôi mãi trong ánh đèn xe buýt cùng với Đức. Tôi tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi không nhất quyết mua chiếc vé máy bay một chiều đến Mỹ, và giờ đây lang thang như một kẻ không quá khứ, không tương lai? Mọi chuyện sẽ diễn ra thế nào nếu tôi mang mọi thứ quay trở lại Sài Gòn, trở lại cuộc sống vốn dĩ đã như thế suốt bảy năm trước?

Tôi gỡ nhẹ nhàng một nhánh bồ công anh đã tả tơi vương trên ba lô của Jihea. Những ngày ở Chicago, tôi cứ nghĩ mãi về những cánh bồ công anh đã bay đến thành phố lúc mùa hè. Những vệt bồ công anh gửi số phận mình vào cơn gió chắc cũng chẳng bao giờ biết đâu sẽ là nơi chúng hạ cánh cuối cùng. Chúng sẽ đi xa đến đâu trong hành trình nương theo gió của mình? Một miền đồng thảo kỳ ảo nào đó phía bên kia Công Mỹ chẳng?

Chương 11

Rời Chicago vào những ngày đầu hè, tôi quyết định kéo dài thêm thời gian trước khi đặt chân lên Texas bằng cách dừng chân ở bang Kansas và vài thành phố khác ở Texas. Thế là tôi có thêm vài tuần để tránh né Houston và việc đối mặt với anh. Nhưng sau ba tháng trời lang thang, sau mọi lần lữa, do dự, đón đầu, cuối cùng tôi cũng phải làm điều cần làm. Khi còn ở Dallas, tôi đã lấy hết can đảm để gọi cú điện thoại ấy, nghe giọng nói quen thuộc ấy, và nói rằng tôi muốn gặp anh khi đến Houston. Tôi nhớ rất rõ tim mình đã đập thình thịch khi điện thoại đổ từng hồi chuông lạnh lẽo và nhớ mình đã lúng túng thế nào trước khi thốt ra lời đầu tiên. Buồn cười thật, tôi đồ mò hời để gọi một cú điện thoại năm phút cho người mà tôi đã yêu năm năm trời. Từ ngày tôi đến Mỹ, anh không một lần may mắn hỏi đến tôi, nhưng tôi biết anh vẫn dõi theo hành trình của tôi, không bỏ sót điều gì cả, qua Facebook.

Đến hay không đến Houston để gặp lại anh là câu hỏi gây nhiều bối rối và xót xa nhất mỗi khi tôi nghĩ đến. Và thú thực, hầu hết thời gian tôi cố để tránh không nghĩ đến nó. Những tháng ngày ấy với tôi cũng đơn giản, để quên đi nỗi đau, tôi cứ cắm đầu đi từ thành phố này sang thành phố khác trên đất Mỹ. Khi phải vác chiếc ba lô nặng trĩch trên lưng, tôi không còn thời gian để nghĩ về con tim khôn khô của mình nữa. Lúc bận rộn để thu xếp đồ rời đi sau vài ngày ở một nơi nào đó, tôi cũng chẳng bận tâm anh có đang nghĩ đến tôi hay không. Trong lúc ngơ ngẩn ngấm một công trình kiến trúc lộng lẫy - thứ tôi vẫn thích nhất mỗi khi đi du lịch - thì tôi cũng quên mất mình là cô gái bị bỏ rơi trước ngưỡng cửa hôn nhân. Tôi đã dành rất nhiều đêm để nghĩ về nguyên nhân khiến chúng tôi chia lìa nhau ở đoạn đường hứa hẹn nhiều hạnh phúc nhất. Mọi thứ bắt đầu thay đổi rất nhanh trước và sau vài tuần khi tôi trở về từ chuyến đi Myanmar. Chúng tôi đã làm việc cật lực một năm trời, dành dụm tiền bạc và chỉ chờ đến ngày anh đào nở ở D.C. để lại được ôm lấy nhau một lần nữa. Tôi đã nghỉ việc, nhà trọ đã trả, đồ đạc đã dọn hết khỏi Sài Gòn, chỉ để chờ một ngày anh nói với tôi rằng “Anh sẵn

sàng rồi!” và tôi sẽ bay nửa vòng trái đất đến với anh.

Vậy mà anh bỏ tôi chỉ hai tuần trước khi tôi đến với anh. Tôi, cô gái không bao giờ chấp nhận số phận khi chưa chống đối đến cùng, đã tuyệt vọng nhìn anh ra đi khỏi cuộc tình này. Không, chính xác hơn là tôi nhìn tên anh tắt hẳn trên màn hình máy tính, kèm theo câu nói “Tạm biệt” như lời cuối cùng dành cho nhau. Chúng tôi vẫn quy ước với nhau chỉ nói “Hẹn em sau” “Hẹn anh sau” mỗi khi người này chìm vào giấc ngủ ở phía bên kia trái đất. Nên tôi biết, tạm biệt nghĩa là “Không gặp lại nữa.” Cho nên hai tiếng “Tạm biệt” ấy cũng giống như là tiếng súng cuối cùng báo hiệu thời gian cho tình yêu này đã hết. Những tháng ngày sau đó, tôi đã dày dạn mình trong cảm giác là người có lỗi. Tôi đổ cho mình là nguyên nhân khiến mọi thứ rạn vỡ và đi đến kết thúc. Tôi nghĩ mình không đủ tốt. Tôi nghĩ mình đã làm sai mọi điều. Khi anh, người tôi đã yêu suốt năm dài tháng rộng rời bỏ cuộc đời tôi, tôi quyết định là mình không có quyền được hạnh phúc nữa. Tôi không cho phép mình được vui nữa. Tôi quyết định để mình rơi tự do xuống cái hố tự đào có tên là buồn đau, từ chối tất cả các phương thuốc giảm đau tạm thời, và quyết định rằng vào ngày tôi chạm đến đáy hố, tôi sẽ lồm cồm bò lên.

Anh đến gặp tôi vào một ngày trời nắng 110°F (43,3°C). Ngồi ngoài ban công nhà, tôi nghĩ mình có thể tan ra như cây kem trong tiết trời nóng nực của xứ sa mạc khô cằn này. Sự xuất hiện của anh còn làm cho lòng tôi như thiêu như đốt. Anh không thay đổi gì cả suốt hơn một năm rưỡi kể từ khi anh rời Việt Nam, xa khỏi vòng tay tôi. Anh có gầy đi đôi chút, và đầu tóc rời bù hơn một chút. Đây là lần đầu chúng tôi gặp nhau trên đất Mỹ. Nó gợi nhớ về lần đầu tiên anh và tôi thực sự mặt giáp mặt giữa sân bay Tân Sơn Nhất, sau hơn bốn năm trời học chung một trường trung học, ở cùng một thành phố mà chưa bao giờ gặp nhau. Ở cái góc kẹt cầu thang máy tầng một, tôi đã đi qua đi lại chờ anh với rộn ràng những cảm xúc nguyên sơ nhất của mối tình đã bắt đầu trên Internet hơn nửa năm qua. Tất cả mọi thứ vỡ òa khi tôi nhìn thấy anh lần đầu tiên và chúng tôi ôm lấy nhau như thể việc này đã phải diễn ra nhiều năm trước đó. Thế giới khi ấy với tôi chỉ còn là tiếng tim anh đập sau làn áo sơ mi thơm tho màu xanh nước biển, là vòng tay ôm chặt đủ để giữ tôi một đời, là cảm giác yên bình khi cuối cùng anh cũng đã ở cạnh bên tôi.

Vậy mà hôm nay, dù tiết trời đã oi nồng như thể đám cỏ trước sân nhà sẽ héo úa dưới cơn nắng mùa hạ, chúng tôi không lao vào nhau như tôi đã muông tượng suốt chừng đó tháng ngày xa cách, đơn giản vì chúng tôi không còn là người yêu của nhau nữa. Nếu bạn hỏi điều gì có thể bóp nát trái tim tôi khi ấy, thì đó chính là việc phải nhìn thấy khuôn mặt anh, đôi mắt và bờ môi của anh, mà không thể ôm lấy anh, hôn anh và dựa đầu vào vai anh, người tôi đã từng yêu và nhớ đến quay quắt.

Xe ra đến đường cao tốc, chúng tôi hướng về Trung tâm Vũ trụ Houston của NASA. Đó là nơi mà cả hai đều đã muốn đến cùng với nhau khi chúng tôi lên kế hoạch cho chuyến đi một năm trước. Để không cho bất cứ khoảng lặng nào rơi xuống giữa hai người, tôi bắt đầu nói như một kẻ ba hoa. Một nỗi sợ hãi xen lẫn ngượng ngùng xâm chiếm tôi khi ấy. Tôi sợ rằng khi cả hai không còn gì để nói với nhau nữa, tôi sẽ vỡ òa trong cảm giác xót xa và đớn đau mà mình đang cố kìm nén. Đã nhiều lần tôi muốn nói anh hãy dừng xe, để tôi có thể ôm lấy anh hay hôn anh như những ngày xưa cũ. Chúng tôi đã ước ao về ngày này từ bao nhiêu năm trước, khi những đêm xa cách quật ngã tôi trong nỗi cô đơn thăm thẳm, khi nỗi nhớ còn cào ruột gan tôi, khi tôi ước ao có thể đánh đổi tất cả chỉ để được nắm lấy bàn tay anh trong một ngày cô quạnh. Giờ đây, chúng tôi ngồi chung trong một chiếc xe, cách nhau chưa đến một vòng tay, nhưng hai người đã ở hai thế giới hoàn toàn cách biệt. Ngày xưa, chúng tôi bắt chập nửa vòng trái đất - khoảng cách địa lý xa nhất trên hành tinh này để đến với nhau và yêu nhau chừng đó năm trời. Thế mà lúc này đây, chúng tôi không phá vỡ nổi cái khoảng trống vô hình giữa hai con tim.

Như hai kẻ yêu nhau vừa phải trở nên xa lạ, tôi và anh đều lóng ngóng tệ hại. Chúng tôi giữ một khoảng cách vừa đủ để tránh tất cả mọi đụng chạm cơ thể không cần thiết. Anh vẫn ân cần đỡ tôi mỗi khi xuống xe điện, giành lấy việc đeo ba lô và kéo ghế cho tôi ngồi. Anh vẫn vậy, vẫn tốt như vậy. Chỉ có tình yêu của chúng tôi là thay đổi. Nó đào một cái hố rất to, rất rộng ngăn giữa chúng tôi. Sau chừng đó thời gian, tôi vẫn chưa hiểu được mọi thứ bắt đầu thay đổi nhanh như vậy từ lúc nào? Từ lúc nào mà trái tim anh không còn dành cho tôi nữa? Từ lúc nào mà chúng tôi cố tránh ánh mắt của nhau để không bỗng dưng làm rơi vỡ những chiếc mặt nạ cảm xúc

anh và tôi đang đeo? Từ khi nào mà chúng đó thàng ngày bên nhau không đổi lại được dù chỉ một cái nắm tay?

Anh và tôi đi bên nhau qua những phòng thí nghiệm không trọng lực của NASA, ngắm nhìn mê mải tên lửa khổng lồ Saturn V nằm trong công viên Tên lửa. Vũ trụ và những hành tinh, không gian và những tàu con thoi vẫn luôn là thứ chúng tôi say mê từ khi còn bé. Rồi bỗng một cơn bão kỷ niệm về những chuyến đi đồ ập xuống lòng tôi theo mỗi bước bên anh: khi tôi nằm gác đầu lên chân anh trên sàn nhà lạnh lẽo của tòa tháp đôi Petronas (Kuala Lumpur, Malaysia) lúc bốn giờ sáng, chờ đến lượt mua những chiếc vé đầu tiên; khi tôi và anh hôn nhau trên đỉnh núi nơi ngôi đền Ad Deir sừng sững ẩn mình trong đá, sau khi cùng nhau vượt qua tám trăm bậc đá giữa thành phố Petra (Jordan). Mùa đông năm 2011, ở giữa Cairo (Ai Cập), tôi đã không ngần như tắc thở nếu chạy thoát thân ngay từ đầu với anh chàng Ai Cập đứng bên cạnh. Lúc ấy, hàng trăm hàng ngàn người đang ầm ào lao về phía tôi trong cơn giận dữ của lịch sử và cuộn cuộn những đám khói hơi cay. Bất chấp chàng trai trẻ Ai Cập nói như hét: “Chạy ngay đi, nếu không mày sẽ chết đấy!”, tôi vẫn gan lì đứng đó cho đến khi anh ta phải lôi tôi đi xềnh xệch. Tôi đã chọn đứng lại vì khi ấy anh vẫn còn đâu đó lẫn trong đám người này. Anh không cho tôi tiến sâu hơn vào khu vực xung đột giữa người biểu tình và cảnh sát, và cứ thế lao mình đi. Vào thời khắc ấy, tôi đã nghĩ mình sẽ yêu anh đến hết cuộc đời.

Kỷ niệm như những cuộn phim quay chậm hiện lên trong tâm trí. Tôi đã ước ao trái tim mình không còn đập loạn nhịp nữa, chân tay mình không còn bủn rủn nữa, lòng mình sẽ không dậy sóng nữa khi gặp lại anh. Nhưng tất cả sụp đổ khi anh bên tôi. Khi đó, tôi biết mình vẫn còn yêu anh quá nhiều. Sự thật đáng cay ấy xát muối vào lòng tôi đau nhói. Khi yêu một ai đó đủ lâu và đủ sâu, những sợi dây liên kết cứ siết chặt lấy hai người theo năm tháng. Việc phải đang tâm cắt đứt những mối liên kết vô hình ấy, với tôi, cũng đau đớn như mất đi một phần cơ thể mình. Nỗi đau ấy cuồn cuộn dai giã giữa trong tâm trí tôi. Rồi tôi sẽ phải làm gì suốt phần đời còn lại với thứ tình cảm mãnh liệt vẫn âm ỉ cháy bên trong tim? Tôi sẽ làm sao để vượt qua tất cả những kỷ niệm đẹp để chúng tôi đã có suốt chừng đó năm trời? Tôi rồi sẽ ra sao trên con đường không có anh dài đằng đẵng trước mặt?

“Không có anh, em vẫn đi đây thôi,” anh nói.

“Ừ, không thể vì anh đã bỏ em ngay trước chuyến đi mà em bỏ dở hành trình này được.”

Tôi nói trên con đường cao tốc dẫn về lại downtown Houston, khi ấy ngập trong ánh vàng một chiều sắp tàn. Màu buồn thảm. Đai trên xe đã hỏng. Chúng tôi chẳng nói gì. Tôi nhắm mắt lại để cho dòng nước mắt duy nhất chảy xuống má. Tôi nghĩ anh biết tôi đang khóc, nhưng anh chẳng nói gì. Nếu chuyện tình của chúng tôi là một cuốn sách, thì khoảnh khắc này hẳn là dấu chấm xuống dòng cuối cùng trước khi tác giả quyết định có viết hay không một câu vô thưởng vô phạt khác để chấm dứt câu chuyện. Hơn ai hết, anh ta biết dù có viết gì thêm, câu chuyện đến đây cũng kết thúc. Nhưng cái dấu chấm xuống dòng cứ lửng lửng lơ lơ giữa trang sách hay nổi hoang hoải trong lòng tôi tựa hồ như đang lan ra khoảng không trước mặt, nhuộm khung trời bên kia cửa kính xe trong màu sẫm bi. Người tôi yêu giờ gần đến mức chỉ dang tay là ôm lấy được nhau, nhưng trong lòng thì biển trời cách mặt. Mười năm quen biết nhau, năm năm rười yêu nhau, tất cả giờ đây chỉ còn lại sự im lặng đến ngột thở.

Lần cuối tiễn nhau ở sân bay, chúng tôi còn là một cặp.

Lần cuối nhìn thấy nhau, chúng tôi còn đi chung một con đường, nhìn về cùng một hướng.

Lần cuối ở bên nhau, chúng tôi còn hứa sẽ hẹn ngày gặp lại.

Vậy mà lúc này, lần gặp đầu tiên ở đây cũng có thể là lần cuối cùng còn gặp nhau trên đường đời. Lời tạm biệt đớn đau nhất, rớt cuộc lại là lời tạm biệt thốt ra bởi những người biết sẽ không bao giờ muốn nói “Xin chào” một lần nữa.

Trước khi rời đi, anh ôm tôi tạm biệt rồi bất ngờ đặt lên môi tôi một nụ hôn rất khẽ. Chúng tôi đứng chắn lối cửa nhà, hôn nhau nụ hôn của một năm tám tháng trời xa cách, nụ hôn cuối cùng của mối tình kéo dài hơn năm năm. Rồi anh đi. Rồi tôi khép cửa. Rồi tôi ngã quỵ trên lối cầu thang. Và khóc. Khi ấy bên tai vẫn còn lời anh nói:

“Nếu cần bất cứ thứ gì, chỉ cần gọi cho anh.”

“Tại sao anh không gọi cho em lấy một lần?”

“Vì anh không cần em.”

Chương 12

“Houston Gay Pride”, lễ hội tôn vinh những người LGBT (đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính luyến ái, chuyển đổi giới tính) diễn ra tại Houston đúng vào thời điểm tôi đang ở nhờ nhà cặp đôi đồng tính Jarvis và Andy. Tôi đi cùng nhóm bạn của họ, len lách qua những đám đông nghẹt người để xem lễ diễu hành diễn ra lúc tám giờ tối. Cộng đồng LGBT từ khắp nơi trên đất Mỹ kéo đến Houston để tôn vinh giới tính của mình trong một lễ hội náo nhiệt và đầy những trò cuồng điên nhất người ta có thể nghĩ ra. Những người mang tư tưởng bảo thủ và truyền thống sẽ dễ dàng đỏ mặt khi chứng kiến một nhóm nữ đồng tính đang ân ái, ve vuốt, sờ soạng nhau với da thịt phơi ra ngay trên đường phố. Nếu không đủ cởi mở, bạn chắc chắn không thể chịu nổi những kiểu trang phục “thiếu vải” và bó sát ở những vị trí “nhạy cảm” trên cơ thể mà giới LGBT diện trong lễ hội này. Suy cho cùng, Mỹ là một đất nước tự do, và đây có thể gọi là một trong những nơi “tự do điên cuồng nhất” cho những người đồng tính.

cru mang, chăm sóc và coi cô bé như chính con đẻ của mình. Jarvis dành cho Andy một tình yêu vị tha và đầy nhẫn nại, khiến đôi khi tôi đến phát ghen tị với việc họ yêu thương nhau nhiều đến thế. Những ngày mới đến ở căn nhà ba tầng sang trọng của họ giữa downtown Houston, tôi đã ngỡ ngàng về mối quan hệ của hai người, cho đến một ngày Andy bắt ngờ hỏi tôi:

“Hằng, mày nghĩ sao về người đồng tính?”

Tôi trở mặt trả lời: “Tao chẳng nghĩ gì cả, tao cởi mở với tất cả mọi thứ. Người đồng tính thì cũng là... người thôi.”

“OK, vậy mày có muốn đi lễ hội gay⁽¹⁾ với tụi tao không?” Andy hỏi thích thú.

“Chắc sẽ vui đấy, tao cũng rảnh mà. Cái xứ Houston này thật là buồn chán quá!” tôi cảm thán trong một ngày nắng nóng. “Mà Andy này, với tao chuyện tụi mày là người đồng tính chẳng có vấn đề gì cả. Đừng vì tao đang ở đây mà tụi mày phải ngại, cứ thoải mái đi, tụi mày không làm phiền gì tao đâu.”

Jarvis chen ngang: “Cảm ơn mày. Dĩ nhiên tụi tao không quảng cáo rằng mình đồng tính, chuyện đó cũng cởi mở hơn ở Houston này rồi, nhưng phần lớn dân Texas vẫn còn rất bảo thủ.”

Nói thì nói vậy, chứ Jarvis yêu Andy đến mức vẫn dắt anh đi đến những bữa tiệc lớn của công ty nơi anh làm việc, bất chấp những lời xì xầm bàn ra tán vào của đồng nghiệp. Anh cũng đi cùng chúng tôi đến lễ diễu hành lễ hội đêm ấy, thả chúng tôi ở hộp đêm lúc nửa đêm, rồi... về nhà ngủ. Tôi và Andy cùng đám bạn của anh đang chờ đến lượt bước vào Blur, một club dành cho dân đồng tính nổi tiếng ở Houston. Trong nhóm những chàng trai đẹp như người mẫu tôi đang đi cùng, tôi là kẻ dị tính duy nhất. Nhưng ai quan tâm? Cuộc gặp gỡ với anh sáng nay và nụ hôn tạm biệt đã đẩy tôi xuống đáy vực một lần nữa. Tôi bắt ngờ đề nghị:

“Andy ạ, đêm nay tao muốn uống cho đến lúc xin thì thôi.” “Hả?” Andy ngạc nhiên nhìn tôi.

“Tao chưa xin bao giờ, đây sẽ là lần đầu tiên. Nhưng hãy hứa là

đêm nay mày sẽ vác tao về nhà.”

“Được,” Andy trả lời sau một thoáng lưỡng lự. “Vậy thì cứ uống đi. Tao sẽ để mắt đến mày.”

Nhóm chúng tôi gồm bảy người, sáu chàng trai đồng tính và tôi. Sau khi cùng nhau uống hết hai shot và một chai bia, chúng tôi tránh khỏi sàn nhảy động nhạc đỉnh tai, ra ngồi tám chuyện ở sân sau. Trong lúc đám bạn xì xô gì đó, nổi cô đơn dâng lên quất thẳng vào tôi. Tôi nghĩ lại những năm tháng vừa qua trước buổi sáng nay khi gặp anh, tôi đã đi mãi trên con đường không có chút ánh sáng nào, hết như kẻ lạc đường trong cơn bán loạn cần tìm một lối thoát. Đến tận bây giờ, tôi vẫn cứ tiến lên phía trước, dù chẳng biết ở phía bên kia là vực thẳm hay con đường trải nhựa. Tôi đã đến gặp anh với ước mong đưa mình thoát khỏi cái đường hầm tối tăm, cô độc và mù mịt này. Nhưng cuối cùng, anh còn đẩy tôi xuống một cái đáy sâu hơn. Tất cả những ký ức, thất vọng, tiếc nuối, buồn đau, oán giận quay lại tổng tấn công tôi một lần nữa, và lần này tôi chỉ ngồi im để cho chúng thay nhau đánh đập rồi hã hê nhìn tôi bất lực chịu đựng. Rồi nổi cô đơn cứ thế khoét sâu hơn, hằn sâu hơn. Rồi nước mắt cứ thế trào ra không kịp chặn lại. Ricardo phát hiện ra đầu tiên. Cuộc nói chuyện ám cúng của đám bạn trai nhanh chóng biến thành hỗn loạn vì những giọt nước mắt không ngừng rơi xuống của tôi. Tan, anh chàng Thái ngồi cạnh hốt hoảng ôm tôi vào lòng, hỏi:

“Cưng, nói tao nghe sao mày lại khóc?”

“Mày biết không? Năm năm rưỡi đấy!” Gục lên vai thằng bạn, tôi nức nở.

“Vớ tào là tám năm, gái ạ,” Tan nhẹ nhàng nói, ra vẻ hết sức cảm thông. “Mày nhìn thằng Jeremy đi, nó vừa bị bạn trai lừa dối sau bốn năm. Hội này toàn là những đứa đang mang trái tim tan vỡ cả đấy. Nhìn tao đây này,” Tan lau nước mắt cho tôi hết như cách một đứa bạn gái vẫn làm. “Mày đủ đẹp để một thằng đàn ông phải đuổi theo mày. Mày còn quá trẻ để kết thúc mọi thứ ở đây. Mày hãy ngẩng cao đầu lên, sống để cho thằng ấy thấy đánh mất mày là điều ngu ngốc nhất nó đã làm. Last laugh is the best laugh⁽²⁾, cưng ạ.”

Lúc ấy, Andy rướn người lại hỏi:

“Hằng, mày ổn chứ? Tao có thể làm gì để giúp mày?”

“Đưa cho tao một shot!” tôi vừa gào vừa khóc. “Tao ghét nhìn thấy mình tệ hại thế này!”

Sau đó, Andy và đám bạn quả thực đã vớt tôi lên khỏi vũng lầy nước mắt. Anh đưa cho tôi... hai shot và vài chai bia nữa. Và tôi xin thật sự. Tất cả những gì tôi có thể nhớ được là tôi nhảy suốt đêm trong tiếng nhạc dội thẳng vào đầu, ói lên ói xuống độ vài lần gì đấy, cho đến khi Andy dìu tôi ra chiếc xe Mustang sang trọng của anh (mà may sao tôi còn biết phải mở cửa xe ra trước khi ói tiếp). Sáng hôm sau, khi tỉnh dậy với cái đầu đau như búa bổ, tôi hỏi Andy chuyện gì đã xảy ra đêm qua. Andy và Jarvis ngồi bên bàn ăn, nhìn nhau cười tủm tỉm:

“Mày đã có một đêm tuyệt vời!” hai người tranh nhau nói.

Tôi dừng lại bên bàn ăn. “Chính xác thì tao đã làm những gì? Tụi mày phải nói cho tao biết, nếu không tao chết mất!”

“Mày không nhớ thật hả Hằng? Mày đã uống rất nhiều, mày nhảy với tất cả mọi người, và mày có sờ soạng gì đó với hai con bé đồng tính khác,” Andy thích thú nói.

“WTF?”⁽³⁾ tôi buột miệng chửi thề, lắc lắc cái đầu.

Jarvis nói giọng còn sáng khoái hơn: “Đêm qua, Andy chạy lên lầu đánh thức tao dậy lúc ba giờ sáng chỉ để kể cho tao xem mày đã làm gì trong hộp đêm.” Nói đến đây hai đứa yêu nhau cười phá lên.

“Tao tiêu rồi.” Tôi đờ đẫn nhìn lên trần nhà. “Đó là lần đầu tiên tao xin trong một hộp đêm.”

“Tụi tao đã luôn nghĩ mày là kiểu con gái châu Á điển hình cơ đấy, hệt như những cô gái châu Á khác đã từng ở nhà tụi tao.”

“Thế nào là gái châu Á điển hình?” Tôi trố mắt.

“Hiền lành, trầm tĩnh và hay mắc cỡ. Mày như thế suốt mấy ngày ở đây còn gì. Rồi đêm qua mày đã thực sự biến thành một ‘party animal’⁽⁴⁾. Nhưng mày đã có một đêm thực sự đáng nhớ, đúng

không?”

“Đáng nhớ? Màyl đùa à? Tao thậm chí còn không thể nhớ đêm qua đã xảy ra chuyện gì.”

“Đó chính xác là những gì màyl cần cho một đêm đáng nhớ. Thức dậy vào sáng hôm sau là màyl không nhớ đêm qua mình đã làm gì nữa!” Jarvis cười sảng khoái. “Nhưng màyl đã rất vui, đúng không?”

“Ừ,” tôi cuối cùng cũng phải thừa nhận. “Tao đã rất vui.”

Buổi trưa cuối cùng ở Houston vẫn nóng như ngày đầu tiên tôi đến. Tôi mơ màng nghĩ đến chuyến xe buýt đêm nay rời khỏi thành phố này. Cả Andy, Jarvis lẫn Ricardo đều hứa sẽ ghé qua đưa tôi ra tận bến xe. Hơi thuốc lá nồng, vị rượu chua chua, những giọt bia lạnh tê cuống họng... Tuổi trẻ rồi sẽ không bao giờ trở lại nữa.

Chương 13

Tôi bắt đầu để cho mình trượt dài từ sau đêm ấy.

Buổi chiều đầu tiên ở New Orleans, tôi và Calvin ngồi với nhau ở khoảng sân trước căn nhà vá chằng vá đụp, trong lúc chiếc radio đang chơi một bản nhạc Jazz của buổi chiều muộn lười biếng. Tôi không rõ có nên gọi nơi chúng tôi đang ngồi là “sân” không, vì Calvin bảo đây sẽ là phòng khách khi nào ông có đủ tiền để xây nó từ cái nền trát vữa dưới chân tôi. Calvin châm một điếu cỏ cuộn bằng giấy quần thuốc lá, kẹp nó trong hai ngón tay nắn nắn màu đen bóng, rồi thư thái ngả thân hình đậm đà xuống chiếc ghế. Calvin kể ông hút đã tám năm nay kể từ khi bão Katrina tàn phá New Orleans và tàn phá cuộc đời ông. Calvin hút để tạm quên đi căn nhà rách nát sửa mãi không xong, quên đi những người tình đã lần lượt bỏ ra đi và giờ đây người bạn trung thành với ông là Samantha và Anna, hai con chó Rottweiler đen nhem vừa mập vừa háu ăn.

“Bác không sợ cảnh sát phát hiện à?” tôi hỏi Calvin về việc hút cỏ công khai ngoài trời.

“Tớ hút trong sân nhà, quần điếu như thuốc lá bình thường. Chừng nào còn không quảng cáo với người ta là tớ đang hút cỏ thì vẫn ổn,” Calvin thản nhiên nói. “Đằng ấy muốn thử không?”

Rồi Calvin đưa cho tôi điếu cỏ. Tôi không từ chối, chẳng suy nghĩ gì và bắt đầu hút. Từ hôm ấy, tôi hút cỏ mỗi ngày cùng Calvin. Đến ngày thứ ba thì ông đề nghị tôi trả tiền. Tính ra là năm đô la một điếu. Tôi châm cỏ mỗi tối, dựa vai vào chiếc cầu thang bằng sắt đã gỉ phía sau nhà, nhả từng đợt khói đục vào ánh đèn chập choạng lúc nửa đêm. Những lúc như thế, tôi không buồn, chẳng vui, những cơn đau quặn lên từ dạ dày cũng dứt. Lặng im, tôi đắm mình vào trời đêm New Orleans. Tàn đóm, mùi cỏ nồng và màn đêm là bạn của tôi, những người bạn lặng im không bao giờ phán xét.

Thực ra tôi đã luôn hỏi khoảng thời gian từ đêm cuối cùng ở

Houston đến giờ có phải là “những tháng ngày đen tối” của đời mình hay không? Cho đến khi đặt chân đến Mỹ, tôi đã luôn tự vẽ một vòng tròn quanh chân mình và giữ mình trong ranh giới an toàn ấy. Việc không bước chân ra khỏi cái vòng cản trọng giữ cho tôi an tâm một phần, nhưng cũng khiến tôi tự hỏi mục đích của việc đi du lịch bụi của mình là gì, nếu không phải là đặt chân lên những vùng đất mới, gặp những con người mới và trải nghiệm những thứ mới. “Mới” ở đây hẳn nhiên chưa chắc đã tốt, nhưng nó khiến tôi phấn khích. Liệu cái “hành trình nước Mỹ” này có đang là “hành trình Việt trên đất Mỹ” không, khi tôi cứ tiếp tục vác thứ tư duy đậm chất Á Đông hay mắc cỡ của mình đi từ bang này sang bang khác, nhìn mọi thứ ngại ngần dưới con mắt châu Á đầy bẽn lẽn. Cái đêm say xỉn ở Houston đã thẳng tay ném con bé Á châu rụt rè và “nghiêm túc một cách không cần thiết cho tuổi trẻ” (theo lời của Andy) là tôi ra ngoài cửa sổ, giải phóng tôi khỏi cái vòng tròn tự vẽ dưới chân và đẩy tôi vào thế giới của tự do. Sự tự do ấy, trước hết là tự do thoát khỏi chính mình, thứ nhì là thoát khỏi nỗi lo sợ các định kiến xã hội, và thứ ba là thoát khỏi việc sống mà cứ canh cánh nghĩ xem người khác nói gì về mình.

Nên tôi cũng chẳng quan tâm nữa. Tôi hút, nửa điều mỗi đêm. Hút xong thì ụp mặt xuống giường ngủ, không đi lang thang, không nói linh tinh và không làm chuyện ngớ ngẩn. Tôi cũng chẳng lấy làm sợ căn phòng lạnh tanh mỗi đêm mưa nơi tôi ở, ngón ngang vữa trát với chiếc chuông báo cháy đã hư cứ chóc chóc lại rít lên kèn kẹt mà Calvin quá bận không có thì giờ sửa.

Calvin là Couch Surfer kỳ lạ nhất tôi từng biết. Hồ sơ của ông không có lấy một tấm hình, phần miêu tả bản thân chỉ lèo tèo vài dòng chữ. Nhưng tất cả nhận xét từ các thành viên khác đều rất tích cực. Tôi được ông mời tới nhà ở, và tôi đồng ý bất chấp lời khuyên của Jarvis, chủ nhà tại Houston. Linh cảm nói với tôi đây là người có thể tin cậy được, và hẳn là người biết rất rõ về New Orleans, đó là điều bất cứ kẻ đi ở nhờ nào mơ ước. Khi tôi chuẩn bị đón Couch Surfer đầu tiên đến nhà mình ở Sài Gòn, tất cả bạn bè và người thân của tôi đều hỏi: “Làm cách nào để biết họ là người tốt?” Tôi chỉ nhún vai: “Trực giác mách bảo vậy. Và đơn giản là nếu không tin thì cũng không nên tham gia vào Couch Surfing.” Nói thì nói vậy, nhưng tôi cũng thủ sẵn vài địa chỉ hostel ở New Orleans sẵn trong sổ tay. Nếu

trường hợp xấu nhất có thể xảy ra thì tôi cũng có một bình xịt hơi cay trong túi.

Tôi khá tự tin vào trực giác và linh cảm của mình. Chúng vẫn thường đúng đến chín mươi chín phần trăm. Nói về khả năng quan sát, tôi càng không có gì phải băn khoăn. Bạn tôi hay đùa rằng tôi là kiểu con gái mà trước khi một ai đó biết về sự hiện diện của mình thì tôi đã hoàn thành xong một bản đánh giá về họ chỉ bằng vài ánh mắt quan sát sắc sảo. Lần đầu nghe những điều này, tôi cười ngất. Nhưng càng đi, tôi càng phải thừa nhận rằng chúng là thứ khiến tôi an tâm nhất mỗi khi tự quăng mình vào một vùng đất lạ lẫm. Và mọi chuyện ở New Orleans diễn ra đúng như tôi đoán trước, Calvin là một ông già cư xử lịch lãm trong cái vẻ ngoài kỳ dị. Ông đến đón tôi ở bên xe buýt lúc ba giờ sáng bằng một chiếc xe van cũ kỹ đã được tháo rời toàn bộ ghế ngồi, chỉ chừa lại ghế cho tài xế và một người bên cạnh. Khoảng trống còn lại chất đầy những chồng áp phích, tờ bướm được ông đem đi giao mỗi ngày. Trong thời gian ở New Orleans, tôi vẫn thường nhường ghế cho hai cô gái Couch Surfer người Trung Quốc khác và ngã mình nằm dài trên những chồng giấy trong lúc Calvin đánh xe vòng vòng quanh phố Pháp. Ông cho mình tôi sở hữu riêng suốt một tuần tầng trên của căn nhà gỗ mà ông đang sửa chữa để chuẩn bị cho thuê lại. Hai cô gái Trung Quốc kia ngủ dưới tầng trệt. Ông ngủ ở căn nhà bên cạnh với hai con chó trong mớ hỗn độn mà tôi nên gọi là bãi rác hơn là một căn nhà dù nó có tường bao quanh và phân chia ra các phòng. Calvin không nấu nướng; chiếc lò vi sóng của ông thậm chí còn vương lại những vệt thức ăn nhanh đã đóng cứng.

Calvin sống độc thân và ông không giấu tôi mục đích dùng Couch Surfing như một cách để kiếm bạn tình. Tôi biết nhiều thành viên của cộng đồng có ý định này bởi họ chỉ cho người khác phái ở nhờ. Ngay hôm gặp đầu tiên, tôi thẳng thắn hỏi ông về điều đó, nói rằng tôi không có chút hứng thú nào với ông hết, và tôi sẽ luôn tôn trọng người khác chừng nào họ còn giữ sự tôn trọng với tôi. Phần lớn các kinh nghiệm Couch Surfing đo đếm được bằng thống kê là những trải nghiệm tích cực, song vẫn xảy ra đâu đó một vài vụ ăn cắp vặt, quấy rối và cưỡng hiếp^{(1)(1')}. Sau hai năm cho ở nhờ và xin tá túc bằng Couch Surfing, tôi có đủ kinh nghiệm để biết một người xin ở nhờ thường gặp những vướng mắc nào, và chủ nhà thường kỳ

vọng gì từ thái độ của khách. Theo tôi, cách đối đãi của chủ nhà với khách tùy thuộc khá lớn vào thái độ và lập trường của chính người đến ở nhờ. Tôi không ngại nói thẳng với Calvin hay các chủ nhà khác quan điểm của tôi về Couch Surfing, trước hết là vì an toàn của chính bản thân mình, sau là để tỏ ra là một người khách lịch thiệp, biết điều. Bởi, suy cho cùng, việc “ở đậu” trong cộng đồng này cũng chẳng khác nào ở nhờ một người bà con họ hàng “mới quen biết”. Ngay từ lần gặp đầu tiên, Calvin thấy rõ tôi là một cô gái cứng rắn, và tôi biết chắc ông đã hiểu rõ lập trường của tôi để không mất thời gian tán tỉnh hoặc có ý đồ không hay nào. Trái lại, chúng tôi cư xử với nhau như hai người đàn ông, rất sòng phẳng và thẳng thắn trong mọi chuyện.

Chương 14

Dù là buổi sớm khi phải đi giao tờ bướm, hay tối muộn lúc thấp tùng đám Couch Surfer đến các hộp đêm, Calvin thường chỉ bận một loại trang phục duy nhất: quần tây và áo thun đậm màu. Dù đi đôi giày da bóng lộn cỡ nào, trên đầu ông cũng có một chiếc nón lưỡi trai, khi thì trắng, lúc thì đỏ. Tương người đậm trong màu da đen bóng, kiềng râu màu nâu, hai thứ này hoàn tất bức chân dung một người đàn ông không còn khả năng bắt kịp xu hướng thời trang nào nữa. Thế nhưng điều ngạc nhiên là người đàn ông lai da đen với vẻ bề ngoài hết sức xoàng xĩnh đó biết tất cả về New Orleans, nơi ông sinh ra và sống hơn sáu thập kỷ qua. Calvin biết tất thấy những quán rượu và hộp đêm chơi nhạc Soul và kèn đồng hay nhất thành phố, ông thường dẫn chúng tôi đi xem mỗi tối mà chẳng mất một xu tiền vé nào. Âm thực, thứ lôi kéo người ta đến New Orleans cũng nằm trong lòng bàn tay của Calvin: ông có thể chỉ cho bạn những nhà hàng ngon nhất mà dân địa phương lui tới thường xuyên. Vào những ngày cuối tuần, ông lái chiếc limousine màu đen - phương tiện kiếm cơm của mình - đến đón Germaine Bazzle, huyền thoại nhạc Jazz của New Orleans và chở bà đến nơi diễn. Lúc nào cũng vậy, ông sẽ bước đến cửa, lịch sự đưa tay ra đỡ người phụ nữ yêu kiều bước xuống những bậc thềm trước hiên nhà. Trong lúc bà đang loay hoay nhấc gấu váy lên khỏi mặt đất còn ướt sũng sau cơn mưa dầm, ông chậm rãi đi bên cạnh và xách cho bà giỏ đồ.

Và có lẽ suốt đời tôi sẽ không bao giờ quên được cái đêm được nghe Germaine Bazzle hát. Đó là cả một niềm khoái cảm dâng trào. Có trò chuyện trong xe limousine với bà trước đó vài giờ mới đủ ngạc nhiên trước sự lột xác hoàn toàn khi bà bước lên sân khấu. Trong ánh đèn đỏ ối của góc nhỏ kế bên quầy bar, nữ ca sĩ nổi tiếng nhất nhì New Orleans biến thành một con quỷ Jazz đầy mê đắm. Đêm ở New Orleans trở nên tuyệt diệu vô cùng với từng cái nhún nhảy, đôi môi uốn cong và cái điệu lên đồng đầy chất nghệ sĩ của bà. Căn phòng có tên Irvin Mayfield Jazz Playhouse của khách sạn Royal Sonesta đêm nay chỉ vài ba khách, không gian trôi bồng bênh

theo từng cái lắc hông chậm rãi nhả ra theo mỗi nốt nhạc của Bazzle. Chẳng có gì màu mè, không có những điệu lên gân, bà cứ khoan khoái đẩy cái đêm trên đường Bourbon từ đỉnh đồi cảm xúc này sang thảo nguyên rực rỡ xúc cảm khác. Còn tôi thì đã lạc lối từ lâu trong mê cung lười biếng mà bà giảng ra.

Khi biết tôi chuẩn bị rời miền Trung Tây để xuống phía Nam nước Mỹ, một người bạn dặn dò nhất định phải đi nghe Jazz. Tôi cười bảo dĩ nhiên rồi, nếu đến New Orleans mà không nghe Jazz thì coi như mất đi cơ hội chạm vào một nửa linh hồn thành phố. Bởi NOLA⁽¹⁾ là quê hương của thứ nhạc tuyệt diệu ấy. Quảng trường Congo, nơi vào cuối thế kỷ 18 từng là địa điểm những người nô lệ da đen tụ tập để hát hò nhảy múa, được coi như nơi khai sinh ra Jazz. Từ ban nhạc Jazz đầu tiên ra đời vào những năm 1890 đến những câu lạc bộ Jazz vẫn sáng đèn và nổi nhạc hàng đêm trên phố Pháp, Jazz là thứ keo kết dính tâm hồn NOLA. Mỗi giây mỗi phút mỗi góc đường đều đắm mình trong thứ nhạc Soul quyến rũ ấy. Tình yêu mê dại của tôi với thành phố này có thể đã đến từ những đêm nghe Jazz như thế, khi anh chàng nhạc công da màu đeo kính cận chậm rãi kéo một bản nhạc bằng chiếc kèn trombon, dáng điệu lả lướt như thể đang mon trón cô người tình trong quán bar Snug Harbor; hay là nhảy với bạn mình trong tiếng nhạc đầy hăng say lúc nửa đêm của một ban kèn đồng ở quán bar Maple Leaf; hay là nhảy với người lạ trên góc đường Frenchmen với các anh chàng lai chơi nhạc trên đường phố...

Ở New Orleans, tiếng kèn đồng, âm thanh trumpet hay cái giọng khàn khàn ngang ngang của anh chàng ca sĩ sẽ theo bạn khắp nơi, từ quảng trường Jackson đến những hộp đêm trên đường Bourbon, hay ở ngay nơi mà bạn không ngờ đến nhất, bảo tàng bang Louisiana. NOLA: nơi mà tưởng chừng như ngay bên ngoài cánh cửa nhà là cả một thành phố nghệ thuật với âm thanh, màu sắc và những điệu nhảy đầy say mê. Còn sống ở New Orleans, tôi còn không thể dừng ý nghĩ nhắc chân lên, lúc lắc bờ vai trong lúc đôi tay vỗ nhịp đều đều theo điệu nhạc. Calvin nói, ở NOLA bạn không có quyền buồn, rơi nước mắt hay mang theo bất cứ nỗi sầu muộn nào, chỉ có những trái tim biết yêu và sẵn sàng để yêu.

Cho nên, tôi bận những bộ cánh đẹp nhất ra đường mỗi tối ở New

Orleans. Nói thì màu mè, chứ thực ra chỉ là những chiếc đầm giản dị mà tôi đã hiem hoi chọn mang theo chuyến đi. Để thích ứng với đủ mọi loại khí hậu, địa hình và mùa, trong khi chỉ có quyền chọn năm bộ đồ, tôi đã không ngần ngại nhét những chiếc quần đùi và leggings vào ba lô. Chúng gọn nhẹ, dễ giặt, mau khô và thích hợp cho việc đi bộ nhiều giờ liền. Tôi có một danh sách ghi bằng tay những vật dụng được dùng cho mọi loại chuyến đi, ngắn ngày, dài ngày, mùa hè, mùa đông, lên rừng hay xuống biển... Thay vì phung phí quá nhiều chỗ trong ba lô cho quần áo, tôi có đủ không gian cho lều, túi ngủ, thuốc men, vật dụng nấu nướng... Chiếc ba lô, hay như tôi vẫn gọi, “cái nhà” trên lưng có đầy đủ những thứ tôi cần dùng cho mọi tình huống. Khi phải đi bộ trên đường tối, đã có đèn đeo trán. Nếu gặp mưa lớn, đã có túi khô chống thấm để chứa các thiết bị điện tử. Trong trường hợp gặp cướp, tôi có dao và bình xịt hơi cay luôn nằm bên túi trái.

Tất cả bạn bè chơi với tôi đủ lâu đều biết tôi không phải là kiểu con gái thích chăm chút và thích dành thời gian để làm đẹp cho lắm. Tôi không trang điểm, hoàn toàn ú ớ nếu ai đó hỏi tôi đang dùng hiệu son gì, hay hỏi ý kiến tôi khi họ phân vân giữa hai loại phấn nền. Với nhiều cô gái, việc mua được một đôi giày mới, sắm một chiếc áo ưng ý hay trải qua một buổi đi spa thư thái là cách để họ chăm sóc bản thân. Nhưng với tôi, niềm vui lại đến từ việc mua được một chiếc vé máy bay khuyến mại, trải trật xin xong visa hay mua được một thiết bị du lịch tốt cho chuyến đi sắp tới.

Tôi vẫn thường được hỏi làm cách nào để chi trả cho các hành trình ngắn hay dài ngày từng thực hiện. Chuyện đó thực ra cũng đơn giản. Là dân đi bụi, tôi quan niệm việc làm chủ chuyến đi, từ tư duy đến tài chính, là cách duy nhất để tự chủ trên hành trình của chính mình, và có những trải nghiệm của riêng mình. Hai chữ “Tự do” trong trường hợp này phải là tuyệt đối. Tôi phải là người tự do quyết định nơi mình đi, chỗ mình ở, người mình gặp, thời gian dừng lại ở một nơi chốn, quan điểm của mình về nơi đi qua... vốn là những điều mà không một tour du lịch hay nhà tài trợ nào có thể đáp ứng được. Nên tôi là “nhà tài trợ” của chính mình. Không trang điểm, tôi không phải chi tiền cho mỹ phẩm. Ít khi mua sắm, tôi tiết kiệm tiền từ quần áo. Thay vì đi spa, tôi dành thời gian tập gym, giữ lại được cho mình vài khoản tiền khác. Bằng cách đó, tôi làm việc cật lực,

sống một cuộc sống đơn giản với ít đòi hỏi hơn và tiết kiệm tiền cho các chuyến đi của mình. Suy cho cùng, tôi chỉ là một người bình thường vất vả với vòng xoáy của những hóa đơn, của cơm áo gạo tiền. Và vì trót mang trong tim mình niềm đam mê với những con đường, nơi chôn và vùng đất xa lạ, nên tôi đánh đổi cuộc sống bình thường này để có một cuộc sống khác trên đường đi.

Thế nên cái con bé “Ta ba lô” bụi bặm, phong trần đã đi mãi miết từ bờ Đông đến Trung Tây nước Mỹ bỗng chốc lột xác thành cô gái dịu dàng và đầy nữ tính mỗi tối khi ra đường ở New Orleans. NOLA với tôi hết như một lễ hội, và tôi tự cho mình cái quyền phải ăn ngon, mặc đẹp, uống đến khi văng vất, nghe nhạc hay và nhảy đầy say mê. Năm thứ ấy đủ làm nên những ngày lễ hội tưng bừng dù bạn đến đây vào bất kỳ ngày nào trong năm. Từ đĩa Gumbo thơm lừng được nấu bởi những người NOLA da đen, đến những bộ Jumpsuit bó chặt vòng eo của cô gái lai đầy quyến rũ, hay cái thứ nhạc Soul quán chặt lấy tâm hồn... tất cả là những gì làm nên một NOLA không thể lẫn với bất cứ đâu.

Khi đi qua những góc phố nhỏ, lướt qua từng ngôi nhà cổ kính với phong cách thực dân, tôi nghĩ: vào những chiều êm đềm, NOLA phải là một cô gái tóc xõa ngang vai, đôi má ửng hồng chiều nắng hạ, bận chiếc đầm rũ ngang gối, chân đi đôi xăng đan mùa hè, nhún nhảy trên từng góc phố đi qua. Ở New Orleans, chỉ cần nhắm mắt lại, day day đôi mày, ngả nghiêng bờ vai khoan khoái trong tiếng nhạc chậm chậm phát ra từ đâu đó bên đường, thế là bạn đã có một chiều mê mẩn.



Bourbon, nơi những trò vui nhất NOLA diễn ra hằng đêm

Nhưng NOLA không chỉ có thể. Chẳng phải vô cơ mà người ta gọi New Orleans là “thành phố tội lỗi” (the city of sin). Nếu ban ngày, NOLA hiện lành hết như một cô gái dưới mái hiên nhà, thì ban đêm, cũng cô gái ấy với chiếc đầm bó sát những đường cong cơ thể trôi từ quán bar này sang hộp đêm khác trên đường Bourbon. Dĩ nhiên, ngoài cái tên, con đường này chẳng có gì liên quan đến vương triều Bourbon nổi tiếng của Pháp. Ngày nay, trên bản đồ du lịch NOLA,

Bourbon hết như cái hồ đen quy tụ tất cả những trò vui đầy tội lỗi ở thành phố này. Nếu muốn say, đến Bourbon. Nếu muốn tìm những anh chàng/cô nàng đồng tính, đến Bourbon. Nếu muốn vào câu lạc bộ thoát y, đến Bourbon. Trái với con đường song song yên tĩnh chỉ cách một dãy nhà Royal, đến Bourbon bạn có thể xin bất cứ lúc nào. Trên con đường này, những quán bar chỉ đóng cửa khi vị khách cuối cùng đi khỏi.

Không có gì khó hiểu khi những gì diễn ra trên đường Bourbon chính là lý do lớn nhất khiến NOLA có thêm biệt danh “thành phố tội lỗi”, nối dài hàng tá biệt danh đã có trước đó. Nhiều năm “cạnh tranh” quyết liệt với Las Vegas, nhưng NOLA chưa bao giờ “thua cuộc” trong việc giành lấy danh hiệu ấy ở Mỹ. Nếu ở nhiều thành phố khác, uống chất lỏng có cồn ở nơi chốn công cộng là có thể vào khám thì ở NOLA, việc cầm một bình rượu tu ừng ực trên đường là chuyện bình thường. Đã đến thành phố phát minh ra thứ chất lỏng kỳ diệu là cocktail, thì tại sao lại không say một lần?

Vậy đó, người ta đến New Orleans để chiêm ngưỡng những căn nhà cổ với ban công đầy hoa, tận hưởng những tối đầy mê đắm trong tiếng nhạc Jazz, hoặc đi thuyền dọc sông Mississippi ngắm thành phố trong hình dáng cong cong của trăng lưỡi liềm⁽¹⁾. Người ta cũng đến NOLA để uống cho đến khi say xỉn, trải qua những đêm phê thuốc và tìm kiếm “tình một đêm”. NOLA là thành phố của “Big easy”⁽²⁾, trái ngược hẳn với biệt danh “Big Apple” của New York, nhịp sống nơi này cứ chậm chậm trôi như thứ nhạc Jazz lười biếng ra đời ở đây. Vì là “big easy” nên đừng kêu một chai bia mà hãy gọi thêm một ly rượu. Vì là “big easy” nên bánh mì kẹp phết bơ đậu phộng vẫn có thể ăn kèm thịt heo xông khói. Vì là “big easy” nên cứ vui trước đã, chuyện gì đến sẽ đến sau.

Chương 15

Đêm nọ, trong khi hai cô gái Trung Quốc ở tầng dưới đã đi ngủ, tôi trần trọc trên giường cho đến khi quyết định ra ngoài hít thở. Ở giữa thành phố tội lỗi bên sông Mississippi, tôi sống như thể “không có ngày mai”. Đó là những ngày có nhiều trò vui nhất, đồng thời cũng là những ngày tôi ở dưới đáy của đồ thị hình sin mang tên trầm cảm. Để chống lại cái cảm giác cô độc mỗi khi từ hộp đêm trở về nhà, tôi mua của Calvin một ít cỏ, tự quán điệu mà hút. Sau nhiều ngày từ chối mọi phương cách làm cho mình bớt đau, cuối cùng tôi đã phải viện đến cỏ. Khi làn khói cỏ vươn nhẹ nhàng lên trần nhà, tôi ngả dài bên thành cửa, dán mắt vào bầu trời đêm và chờ cho những ký ức về anh mờ dần theo mỗi làn khói cỏ xộc lên não. Bia, rượu, cỏ xem ra không phải là một sự kết hợp có lợi cho sức khỏe, nhưng trong thời điểm hiện tại thì lại rất tốt cho tinh thần. Thỉnh thoảng tôi cũng cười nhạo thứ lý thuyết nực cười này của mình. Giống như ngày xưa tôi vẫn thỉnh thoảng cười vào mặt những kẻ mê rượu khi họ bảo đôi lúc phải uống để quên. Quên làm gì nếu tình dục mọi thứ vẫn y như cũ? Thế đấy, khi còn là một đứa trẻ con, tôi vẫn thường lý luận như vậy. Chỉ đến khi chính tôi rơi xuống cái hố buồn đau, ngập trong cảm giác tuyệt vọng khôn cùng và nhăm nháp dư vị của sự bất lực, tôi mới hiểu vì sao người ta cần phải quên đi thực tại bằng cồn.

Suốt thời gian ở nhờ nhà Calvin, tôi chủ yếu quanh quẩn bên căn nhà gỗ đang dựng. Không thích thú gì ý nghĩ sẽ phải “bơi” trong mớ lộn xộn áo quần, bàn ghế, thực phẩm chất chồng trong nơi mà Calvin gọi là “nhà” nên tôi hạn chế lại gần nó; dù đôi khi tôi cũng muốn ghé qua để rủ Emmy, cô gái người Úc đang sống trong căn phòng cạnh nơi Calvin ngủ uống chung một chai bia. (Ông giải thích rằng, thỉnh thoảng, khi căn nhà đang xây đã đầy người, ông vẫn cho Couch Surfer tá túc trong nhà mình.) Hai con chó Rottweiler đánh hơi được trong đêm, rồi ồ đến quanh quẩn bên chân tôi. Tôi không thích Samantha và Anna như cách tôi đã bầu bạn cùng với Socs ở D.C., nhưng không có cách nào khác là cứ để mặc chúng làm điều

chúng muốn trong sân nhà mình.

Đèn đường ở góc phố hắt những vệt trắng xuyên qua lớp rào chắn bằng kẽm gai trước sân. Đường phố vắng lặng. Màn đêm yên tĩnh chỉ bị khuấy lên khi tôi nghe thấy tiếng cãi vã ngày càng lớn vọng ra từ phía nhà Calvin. Trong cuộc đối thoại của một giọng Mỹ miền Nam trầm đục và tiếng Anh giọng Úc xoắn xít trong cơn tức giận, tôi nghe phong thanh những từ ngữ không lấy gì làm đẹp đẽ, hết “f*ck” lại “asshole” rồi “bitch”. Không có tiếng xô xát, đồ đạc đổ vỡ, cho nên dù trống ngực đập dồn tôi cố gắng ngồi im nghe, nhủ lòng sẽ tìm cách can thiệp nếu có gì không ổn. Tôi ngồi đó cho đến khi đèn trong nhà bỗng nhiên bật sáng. Rồi đột ngột, Emmy đi ra với linh kinh đồ đạc, sập cánh cửa chớp đánh rầm sau lưng. Lúc băng ngang khoảng sân, Emmy giật mình nhận ra tôi ngồi bất động trong góc tối ở mái hiên.

“Mày làm cái thứ chết tiệt gì vào giờ này thế Hằng?” Emmy gất gồng vô cớ.

Tôi ngửa cổ lên trời thả một làn khói cỏ. “Uống bia. Muốn làm một chai không? Trông mày cứ như chuẩn bị đi khỏi đây vậy.”

Emmy ném đồng hành lý chất đầy trong ba lô xuống đất, đón lấy chai bia từ tay tôi rồi trút thân hình đậm đà với làn da trắng ửng xuống sàn gỗ. “Tao sẽ đi khỏi đây ngay sau chai bia này. Calvin là một thằng khốn.”

“Xin lỗi, tao không có ý nghe trộm, nhưng tụi mày cãi vã ồn ào đến độ tao e cảnh sát ở phía bên kia đường cũng nghe được mất. Tao thấy hai người vừa cãi vã một trận ra trò thì phải?”

“MK. Tao biết lão khát thèm tao ngay từ ngày đầu tiên tao đến. Ừ thì tao cũng ngủ với lão một đêm, nhưng một đêm là một đêm, làm gì có đến lần thứ hai. Thế nhưng lão cứ mon men lại gần tao suốt mấy ngày tao ở đây. Đêm nay thì tao hết chịu nổi. Tao nghĩ lão cô đơn quá lâu rồi nên cứ vớ được đứa nào là lão lại giở trò. Mày còn ở đây lâu không? Tao khuyên mày nên cẩn thận với lão.” Emmy nói một hơi dài sau khi tu hết nửa chai bia.

Tôi cười lớn: “Cảm ơn mày. Tao tự lo cho mình được. Còn một

ngày nữa thôi là tao đi rồi. Tao đã rõ ràng với Calvin ngay từ đầu rồi, tao không hứng thú với ông. Tao không rõ mày với ông thế nào, mà đó cũng không phải việc của tao, nhưng dù sao thì ông cũng khá tử tế với tao suốt thời gian tao ở đây.”

“Tốt thôi.” Emmy nhún vai, tóc vàng tết gọn sau vai loang loáng trong vệt hắt của đèn đường, tu hết chai bia. “Đêm nay tao sẽ tìm một chiếc xe buýt để đi khỏi New Orleans.”

Tôi hỏi thân tình: “Mày tính đi đâu?”

“Chưa rõ. Tao sẽ ra Greyhound xem chuyến xe sớm nhất đêm nay là đi đâu.” Emmy nói, đặt chai bia đã rỗng xuống sàn gỗ, vừa kịp quay lưng lại tặng một cái liếc cho người đàn ông đang đứng sau rèm cửa sổ. “Dù sao cũng cảm ơn mày vì chai bia. Chúc ở lại vui vẻ.”

“Chúc may mắn,” tôi nói rồi nhìn Emmy xóc lại chiếc ba lô to kèn lên vai, bước thoăn thoắt ra khỏi sân nhà. Khi ấy, đèn trong nhà Calvin cũng tắt. Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu này giờ Calvin đã nghe hết cuộc trò chuyện của chúng tôi. Tối ấy tôi đi ngủ, dao và bình xịt hơi cay đứt sẵn trong túi.

Tuần lễ tôi ở New Orleans, trời cứ mưa rả rích ngày qua ngày. Robert gọi vào một chiều mây mù ảm đạm, buồn rầu nghe tiếng tôi khóc lặng lẽ trong điện thoại lúc kể cho ông cảm giác khi gặp lại bạn trai cũ ở Houston. Ông thờ dài khi biết rằng, sau nhiều lần từ chối, tôi cuối cùng cũng đã hút cò.

“Tôi rất tiếc. Tôi đã hút cò đủ cho cả một đời và có thể nói rằng nó chỉ giúp được cô trong ngắn hạn mà thôi. Cơ thể cô là thứ quý giá nhất, cô cần phải giữ gìn. Ngoài cô ra, không ai có quyền làm cho cô buồn cả. Hiểu không? Không ai cả. Cô đủ thông minh để biết điều gì là tốt cho bản thân mình. Hãy cố gắng nghĩ tích cực và sống lạc quan. Cô mạnh mẽ hơn cô tưởng nhiều, Hằng ạ.”

Tôi dựa vào cầu thang nhìn xuống vườn, tự hỏi đến bao giờ thì những cơn mưa mùa hè ngừng trút xuống New Orleans, và đến bao giờ thì những cơn buồn dai dẳng mới thôi đeo bám lấy từng tế bào trong tôi.

Vào ngày thứ tám, Calvin đái tôi một chuyến xe limousine sang trọng ra nhà ga Union, đón xe buýt đi khỏi thành phố. Chiều ấy mưa vẫn chưa ngừng rơi. Sau lưng tôi, tiếng chuông báo cháy đã hư cù chóc chóc lại rít lên từng hồi rền rĩ. Tôi ngó lên một mảng tường được che chắn bởi những miếng bạt màu xanh, hỏi Calvin khi nào thì cả hai căn nhà xập xệ sẽ được sửa xong. Ông bảo: “Sắp rồi đấy ă. Tớ đã làm lụng để có tiền xây lại chúng kể từ khi bão Katrina cuốn phăng tất cả. Đẳng ấy biết không, vào ngày đầu tiên khi cơn bão đi qua, tớ đã nghĩ cuộc đời mình chẳng còn gì nữa. Rồi tớ làm việc này việc kia, tích cóp ngày qua ngày. Tớ đã không bỏ cuộc suốt tám năm qua, và ngày ấy sẽ đến nhanh thôi. Khi ấy tớ sẽ tìm lấy một người phụ nữ tử tế, xứng đáng để sống trong căn nhà này với mình.” Calvin mỉm cười trong giấc chiều tàn đỏ ủa buông xuống chân trời New Orleans phía sau lưng.

Phần 3

BỜ TÂY, ROAD TRIP VÀ NHỮNG NGÀY THU SƯƠNG MÙ

Chương 16

Tôi thức dậy giữa lưng chừng giấc mơ, khi đó mới chỉ năm giờ sáng. Gió trên sông Colorado đã ngừng thổi, để lại dưới mảnh trăng méo mó những tiếng râm ran côn trùng. Bầu trời chưa có dấu hiệu gì của một buổi hùng đông. Tôi quay lại rúc vào trong túi ngủ, miên man nghĩ về nơi mình đang nằm, một vùng đồng không mông quạnh bao quanh là những dãy núi đỏ cao ngọp và dải sông hùng vĩ.

Đó là buổi sáng thứ năm của chuyến road trip xuyên qua sáu bang mà tôi và vợ chồng VanHalen đang rong ruổi. “Road trip” là chuyến du lịch đường bộ bằng phương tiện di chuyển phổ biến nhất ở Mỹ là xe hơi, hay phong trần hơn là xe mô tô phân khối lớn. Trên chiếc xe, người ta chất lều, túi ngủ, xe đạp hay cả một chiếc thuyền và làm một vòng road trip đến các thành phố hay “về với thiên nhiên” như đi núi, tắm biển hay phổ biến nhất là xuyên qua các công viên quốc gia. Hôm nay, chúng tôi sẽ đến công viên quốc gia Arches (Những mái vòm) sau một ngày mệt nhoài men theo dải đường nhựa không một bóng người dọc sông Colorado, giữa những ngọn núi màu đỏ tầng tầng lớp lớp chắn ngang đường chân trời màu xanh. Lúc hoàng hôn buông xuống, may mắn thay chúng tôi tìm thấy một khu cắm trại dựa mình vào vách núi đá, không điện, không nước, chỉ có một hai nhà vệ sinh dã chiến xây sẵn, giá mười lăm đô

la một đêm cho một vị trí cắm trại. Johanna tỏ vẻ hài lòng khi khu cắm trại có chính sách giảm giá một nửa cho người lớn tuổi (trên sáu mươi ba). Bà nhanh nhẹn điền vào giấy đăng ký, đính kèm bảy đô rưỡi tiền mặt vào phong bì rồi đút vào thùng tiền ở cổng vào. Đó là việc bắt buộc phải làm đầu tiên khi đến bất cứ khu cắm trại nào ở Mỹ, dù tôi có thể đoán rằng giữa vùng đồng không mông quanh này chẳng có ai rảnh rỗi đến độ đi kiểm tra khách cắm trại mỗi ngày. Mùa hè có thể gọi là thời điểm “nóng sốt” road trip ở Mỹ. Khi chúng tôi lái xe đến công viên quốc gia Yosemite (bang California) vào giữa chiều, tấm bảng thông báo lạnh lùng hiện ra ngay cổng vào: “Tất cả các khu cắm trại đều kín chỗ”. Quay ngược trở xuống chân núi từ độ cao 9.945 feet (3.031m) trên mực nước biển, vòng vèo qua mấy khu cắm trại khác, may sao chúng tôi tìm được góc cuối cùng cho chiếc RV to kèn. Tôi nghĩ mình thật may mắn vì được đi road trip bằng RV, loại xe dã ngoại được thiết kế như “ngôi nhà di động” với rất nhiều tiện nghi như buồng tắm, giường ngủ, bàn ăn, bếp... bên trong. Đây là loại phương tiện kiêm nơi sinh hoạt rất thích hợp cho các chuyến đi dài ngày, cắm trại...

Vợ chồng VanHalen thực ra là “người quen Couch Surfing” mà tôi đã từng cho ở nhờ khi họ du lịch đến Sài Gòn. Một chiều cuối hè năm ấy, tôi đứng nhìn bác Johanna chậm rãi bước lên từng bậc căn hộ chung cư giữa Sài Gòn náo nhiệt. Ở tuổi trên sáu mươi, đôi chân bác gái đã yếu đi đôi chút. Dù vậy, ông bác Paul vẫn kiên nhẫn đi đằng sau, họ đã như thế mấy chục năm nay, qua gần tám mươi quốc gia khác nhau. Hai mươi tám năm là quãng thời gian họ biết nhau, cũng là hai mươi tám năm hôn nhân và hai mươi tám năm nói dài những hành trình bất tận. Nếu có dịp nhìn vào danh sách những nơi mà cặp vợ chồng này đã đặt chân tới, bạn sẽ không khỏi ngạc nhiên trước sức đi của họ. Du dây mạo hiểm ở Costa Rica, ngắm thác nước kỳ vĩ Victoria ở châu Phi từ máy bay, mặt đối mặt với những chú voi và đười ươi hoang dã ở Borneo, Indonesia... là những trải nghiệm tuyệt diệu mà Paul sẽ kể cho bạn nghe trong câu chuyện về các vùng đất. Hành trình của họ còn là nhiều đêm trên thảo nguyên với những người Mông Cổ du mục, hay khoanh khắc lướt trên thuyền độc mộc, băng qua đồng bằng Okavango với rất nhiều con hà mã vây quanh ở Botswana (châu Phi). Ở cái tuổi đáng lẽ đã là ông, là bà, Paul và Johanna VanHalen vẫn có thể khiến người ta khâm phục với tinh thần du lịch bụi hiểm gặp. Họ luôn cảm thấy thoải mái khi qua

đêm dưới mái một căn lều lọt thỏm giữa rừng già, trong một nhà trọ bình dân hay góc nhà chật hẹp của một Couch Surfer nào đấy.

Khi tôi còn ở Texas, bác Paul viết email giục tôi lên Portland (bang Oregon). “Vợ chồng bác chuẩn bị đi road trip 18 ngày trước khi Johanna lên bàn mổ phẫu thuật đầu gối. Nếu muốn đi cùng hai bác, cháu nên đến càng sớm càng hay.” Tôi loay hoay cả một buổi chiều với mớ vé xe buýt cùng lịch trình đi quanh Texas, cuối cùng chấp nhận ngồi xe tổng cộng hai ngày, mười một tiếng để đi từ Austin (Texas) lên L.A. (Los Angeles, California) rồi sau đó bắt tiếp chuyến thứ hai lên Portland. Sau gần hai ngày ruồi mết nhồi băng qua những dải sa mạc cằn cỗi, những thành phố sầm uất rợp ánh đèn, vượt qua những dãy núi xanh mướt ngàn thông, tôi ôm chầm lấy ông bà VanHalen khi thấy họ đứng chờ mình ngay cửa ra bên xe. Cảm giác được gặp lại ai đó mình quen biết trên một đất nước xa lạ sưởi ấm lòng tôi như thể ly trà nóng Johanna pha đêm ấy, khi tôi ngồi yên vị trên ghế xô pha nhà họ.

Nhiệm vụ của Paul là lái chiếc RV đã mười chín năm tuổi mà họ vẫn dùng độ vài năm một lần. Johanna là “hoa tiêu” dẫn đường, tôi là “khách” kiêm phụ những việc vặt. Lịch trình chuyến đi đã được lên sẵn trước khi tôi đến Portland, thành ra những gì tôi cần phải làm là... vác máy ảnh đi chụp hình cùng bác Paul. Cặp vợ chồng này độ vài năm lại lái RV đi road trip một lần, nắm những cung đường trong lòng bàn tay và biết rất rõ cách để tồn tại giữa thiên nhiên không điện, (đôi khi) không nước và (rất nhiều khi) không tiếng người. Ở giữa thiên nhiên, mọi người cùng đốt lửa, quây quần nấu ăn, đi bộ đường dài, leo núi, chèo thuyền... là thú vui mùa hè mà các gia đình Mỹ ưa chuộng. Tôi nghĩ đến Mỹ mà chưa một lần đi road trip, ngắm nhìn những hẻm núi kỳ vĩ ở bang Utah, những mặt gương hồ in bóng rừng thông ở bang California, hay đi bộ đường rừng men theo những con đường mòn giữa một vùng thiên nhiên quanh quẽ, thì quả là điều đáng tiếc. Vì kho báu của đất nước này nằm chính ở nơi đây: những dải đồng xanh bất tận, những đỉnh núi phủ tuyết và những hẻm núi cả triệu năm tuổi, chứ không chỉ trong những ánh đèn rực rỡ vẫn thấp sáng các đô thị hoa lệ khắp nơi trên nước Mỹ.

“Cả cái nước Mỹ này hết như một ‘comfort zone’⁽¹⁾ không lò.

Người Mỹ có nhà và một hệ thống làm lạnh/ sưởi ấm gần khắp nhà, ra đường thì có sẵn xe hơi, thậm chí đi vào công viên quốc gia cũng có sẵn đường trải nhựa, đi vào rừng thì có sẵn đường mòn đã tạo. Có những người cả đời không ra khỏi nước Mỹ, vì nó quá lớn rộng, và vì họ không muốn bước ra khỏi vùng an toàn của chính mình. Họ sẽ khóc thét nếu bị quăng vào Sài Gòn vừa nóng vừa bụi vừa ồn ào tiếng còi xe của cháu, hay phải ăn những gia vị kỳ quái ở Ấn Độ, kiểu vậy. Nhưng ở mãi trong mấy cái hộp bê tông thì cũng chán, thế là mùa hè họ kéo nhau lên rừng, xuống biển, đi road trip,” Paul từng hài hước giải thích như thế.

Và nhờ Paul đã nói như thế nên tôi mới thấy thán phục những gia đình Mỹ vẫn dắt díu cả nhà đi road trip mỗi năm. Không phải ai cũng có được một chiếc RV tiện nghi như vợ chồng VanHalen, nên họ chất vào xe hơi mọi thứ có thể, rồi bố mẹ, con cái ngủ mỗi đêm trong lều cùng nhau. Vào giữa mùa hè nhưng chênh lệch nhiệt độ ngày-đêm tại những vùng rừng núi rất lớn, xuống dưới 0°C là chuyện thường tình. Trừ một vài công viên như Mesa Verde (bang Colorado), nơi bạn có thể tìm thấy dịch vụ lưu trú, tắm rửa, giặt giũ hay chiếu phim ngoài trời, còn thì khu cắm trại ở các công viên khác chỉ cung cấp những tiện nghi tối thiểu như nhà vệ sinh dã chiến, may ra thì có nước uống đặt tại trung tâm đón khách hay hệ thống vòi nước để rửa chén bát. Tôi nghĩ Cục Công viên Quốc gia Mỹ có tình thiết kế như vậy để cho người ta trải nghiệm thực sự cảm giác “về với thiên nhiên”, cũng là một cách bảo vệ môi trường tối đa, điều mà họ đang làm rất tốt hiện nay.

Những công viên khổng lồ ngày nay ở Mỹ được xây dựng với hệ thống đường nhựa có thể đưa du khách đến với tất cả các điểm tham quan. Bên trong và ngoài công viên, vô số khu cắm trại được quy hoạch rõ ràng và sạch sẽ. Bản đồ và tất cả các thông tin cần thiết về nơi thăm thú, thời tiết và mức độ cảnh báo cháy rừng, động vật hoang dã cần lưu ý... đều được phát miễn phí tại cổng vào. Nói cách khác, “công viên quốc gia” rộng lớn hơn hẳn một công viên bình thường và hiện đại hơn khái niệm đơn giản về “rừng”. Khách đến công viên quốc gia hoàn toàn có thể tự tham quan theo sở thích, lịch trình riêng mà không cần đến bất cứ hướng dẫn viên du lịch nào (trừ một số điểm hạn chế số lượng khách và yêu cầu phải đặt chỗ trước như tại Mesa Verde, Bryce Canyon...)



Chiếc RV đã cùng chúng tôi rong ruổi những ngày dài road trip

Ở đoạn cuối con đường mòn nằm trong khu vực Upper Geyser Basin, công viên Yellowstone, Johanna nháy mắt với tôi: “Cháu sắp đến chỗ Morning Glory rồi đây! Cứ đi trước đi nếu muốn.” Tôi mặc kệ cái nắng từ trời đổ xuống và cái nóng từ những hồ nước hun lên, háo hức rảo bước đến hồ nước cuối cùng nằm trong cung đường mòn. Morning Glory là nơi mà tôi mong mỏi được nhìn thấy nhất trong chuyến road trip này. Trên đường đến Yellowstone, tôi đã lật

cuốn sách hướng dẫn du lịch Lonely Planet và chỉ cho Johanna bức hình, nói rằng tôi không thể rời nước Mỹ chừng nào còn chưa thấy hồ nước tuyệt đẹp này. Giống như tên gọi, Morning Glory tựa một bông hoa bím bím bằng nước mỏng manh và thuần khiết. Trên “cuồng hoa” thon thon thanh mảnh hình phễu xuyên sâu xuống đáy nước trải đều thành những thang độ màu xanh lục, “tràng hoa” bằng nước xòe ra trên mặt đất những sắc màu sắc sỡ trong vắt lấp lánh ánh trời. Trên bức nền của cát trắng, màu cam với tất cả các sắc độ khác nhau bao bọc lấy đáy nước xanh thẳm thẳm. Những sắc màu rực rỡ mà Morning Glory có được là nhờ vào các vi sinh vật màu vàng và cam sinh sống trong mạch nước nóng. Nhìn ngắm Morning Glory từ các góc độ khác nhau dưới ánh mặt trời, rồi bạn sẽ thấy đây đích thực là một đóa hoa bằng nước.

Tôi đặt tên cho chuyến đi đến Yellowstone là “cuộc phiêu lưu rực rỡ”. Bởi cho đến nay, khu vực này vẫn đang nằm trên miệng núi lửa. Các trận phun trào lớn đã xảy ra nhiều lần, cách đây từ vài triệu năm đến vài trăm ngàn năm, giải phóng lượng lớn tro bụi bao phủ một diện tích rộng ở Bắc Mỹ. Đến nay, ở công viên này mỗi năm vẫn xảy ra vô số các trận động đất nhỏ. Những núi lửa nằm sâu dưới lòng Yellowstone vẫn đang được theo dõi hàng ngày để dự báo những đợt phun trào có thể xảy ra trong tương lai gần. Dung nham vẫn còn hùng hực nóng bên dưới những mạch nước phun, suối nước nóng và hồ bùn ở Yellowstone. Những lối đi bằng gỗ được xây dựng nhằm bảo vệ du khách cũng như cho họ có cơ hội lại gần những hồ nước sắc sỡ, cảm nhận hơi nóng phả lên và hun cháy lớp không khí bề mặt.

Trong hàng trăm mạch nước phun của toàn bộ công viên, thú vị và nổi tiếng nhất phải kể đến cái tên Old Faithful. Old Faithful là mạch nước hình nón nổi tiếng nhất tại Yellowstone nhờ vào khả năng dễ dự báo các đợt phun trào của nó. Cứ khoảng 91-92 phút mạch nước này lại tung bọt trắng trời thành một tháp nước nóng tự nhiên. Điều đặc biệt như vậy, Old Faithful phun trào không ngừng nghỉ mỗi ngày trong suốt hơn một thế kỷ qua và rất ít khi thay đổi. Từ Old Faithful, một loạt những ngạc nhiên đầy màu sắc chờ bạn tiếp sau đó. Lối đi bằng gỗ nằm cách mặt đất phủ đầy nước nóng và hơi nước sẽ dẫn bạn qua hàng loạt những hồ, suối nước lớn nhỏ.

Còn một nơi nữa tôi đặc biệt yêu thích ở Yellowstone là Grand Prismatic Spring nằm ở Midway Geyser Basin. Grand Prismatic là suối nước nóng lớn và sâu nhất hiện nay tại công viên này. Phía sau màn hơi nóng giăng đầy mặt nước, bạn sẽ thấy Grand Prismatic hết như một con mắt khổng lồ màu xanh trong vội vọi đang ứa ra những hàng lệ óng ánh dưới nắng trời.

Yellowstone là công viên tôi yêu thích nhất trong chuyến road trip mùa hè cùng vợ chồng VanHalen. Những ngày tôi rong ruổi trên chiếc RV băng qua sáu bang và hơn một chục công viên quốc gia dường như kéo dài bất tận không có hồi kết. Có nhiều cách để biết nước Mỹ rộng lớn thế nào, nhưng một cách vô cùng thú vị là đi road trip mùa hè. Chỉ cần nhớ đồ đầy bình xăng, rồi cứ thế lái đi thôi. Bởi road trip là chuyến đi bất tận không có điểm kết thúc: bạn có thể đi ngược lên, xuôi xuống, đi xuyên qua, lái vòng quanh hay thẳng đến từng bang một trên bản đồ nước Mỹ (à quên, ngoại trừ Hawaii nhé.)

Grand Teton với những đỉnh núi phủ tuyết giữa mùa hè, Yellowstone với những hồ nước nóng đỏ vàng rực rỡ, Bryce Canyon là đại vực với lớp lớp những rặng núi đá biến đổi màu theo ánh mặt trời... Trên những chuyến road trip đường dài vất vả từ đỉnh núi này sang thung lũng kia, chúng tôi không ngại việc thức giấc lúc năm giờ sáng chỉ để ngồi đợi bên mái vòm Mesa Arch trong công viên Canyonlands, chờ tia nắng đầu tiên của ngày chạm đến mái vòm, để thấy khung cảnh trong màn sương phía bên kia vòm đá thoát biến thành thế giới diệu kỳ đầy ma mị. Một đêm thức trắng để chiêm ngưỡng những dải sao trời dẹt nên bức tranh vũ trụ đầy mê hoặc phía trên những cây cầu đá ở khu tưởng niệm Natural Bridges cũng sẽ là kỷ niệm road trip khó quên. Người đam mê cây cỏ như tôi thì thích hít thở không khí trong lành ở công viên Yosemite khi nắng mới chớm đến mặt hồ trong veo còn la đà hơi sương, in hình những rặng thông xanh ngắt.

Câu nói nổi tiếng của Che Guevara “Hạnh phúc không phải là cảm giác tới đích, mà chính trên từng chặng đường đi” thể hiện rõ nhất là trên những chuyến road trip đường dài. Có đi mãi trên những con đường chẳng biết đâu là đoạn cuối, bên kia cửa kính xe là dải trời mênh mông cao vợi, bên cạnh là những cánh đồng bát ngát

kéo dài mãi tận chân trời, người ta mới thấy ngay cả tiếng gió lùa qua cánh cửa cũng “tự do” như chính kẻ đang rong ruổi trên những con đường. Rất nhiều lần chúng tôi ngừng tay lái tự hỏi chính mình: “Mọi người đi đâu cả rồi? Thế giới đi đâu cả rồi?” Ngẩng đầu lên khỏi cuốn sách đang đọc, tôi cố để tìm một chú nai vồi vĩa băng ngang đường, nhưng đáp lại chỉ là khoảng không ngút ngàn không một bóng người. Ở một vài khúc đường nhựa vắng lặng, chúng tôi đi ngang qua những thị trấn bị bỏ hoang, trơ lại vài nóc nhà thủng lỗ chỗ và cánh cửa chính đã bật đi đâu mất. Thỉnh thoảng chúng tôi bắt gặp ánh nhìn của một vài người Mỹ ngồi u buồn bên hiên nhà gỗ nhỏ, biết rằng có những nơi mà nước Mỹ trở nên nhỏ bé, buồn tẻ và u uất quá đỗi.

Nhưng cũng có những khi, bên kia cửa kính chiếc xe RV là hồ Tahoe (bang California và Nevada) xanh biêng biếc màu nước lẫn với màu trời, là Thung lũng Thiên Nga (Swan Valley, bang Idaho) rập rờn sóng lúa mạch, là Thung lũng các Thiên thần (Valley of Angels, bang Utah) loang lổ những vệt màu đất cùng đá đỏ, cam, vàng. Thiên nhiên nước Mỹ đủ sức đánh bật tất cả những nỗi sầu muộn không con có, nhúng người ta xuống lòng hồ của sự háo hức, tò mò và an nhiên khi ở giữa cỏ cây, núi rừng.



Những ngày trekking cùng vợ chồng VanHalen đi tìm một hẻm núi đá

Tôi nhớ từng đọc ở đâu đó rằng thiên nhiên có khả năng chữa lành vết thương tâm hồn rất tốt. Tôi không tin điều ấy cho đến một chiều cuối tháng Bảy, khi nằm trên đỉnh quan sát “Green River Overlook”, nhìn dòng sông Xanh luồn lách qua những hẻm núi kỳ vĩ mà người ta vẫn gọi là “Đảo trên trời” (Island in the Sky, công viên Canyonlands, bang Utah), và bỗng thấy một niềm khát khao

sống trôi lên bạo liệt bên trong mình. Khi ấy, ánh hoàng hôn bên kia những dãy núi đốt cháy dải chân trời màu xanh trong sắc vàng cam huy hoàng. Những tia nắng cuối cùng của ngày không đổ xuống từ trên trời mà vụt lên từ dưới mặt đất, hệt như một thứ vòi-rồng-ánh-sáng. Thứ hoàng hôn ấy không diễm lệ như những gì tôi thấy trên cầu U Bein (Amarapura, Myanmar), không dịu dàng như khi mặt trời buông xuống trên vịnh Suncheon (Hàn Quốc), càng không nhuộm màu huyền thoại như ở Aswan (Ai Cập), nhưng nó thấp lên một ngọn đuốc sống trong tâm hồn tôi. Chỉ trong khoảnh khắc những đám mây nhuộm ánh vàng mê hoặc trôi vội vã trên đầu, tôi như bừng tỉnh khỏi cơn u mê đã kéo dài suốt nhiều tháng liền. Tôi tự hỏi mình: Còn bao nhiêu thứ hoàng hôn đẹp đẽ trên thế giới này mà tôi chưa từng biết đến? Còn bao nhiêu con người tuyệt vời mà tôi chưa được gặp? Còn bao nhiêu câu chuyện có thể thay đổi cuộc đời ai đó mà tôi chưa được nghe? Và vì sao tôi cứ mãi loay quanh với cái thứ suy nghĩ ngu dại về chuyện tự kết liễu đời mình, về một mối tình đã chết không thể làm sống lại, về việc tự hành hạ bản thân bằng cùn, bằng cò, bằng những ý nghĩ màu xám xịt?

Vào buổi chiều ấy, khi những ánh vàng cuối ngày nhuộm đỏ màn mây phía trên đầu mình, tôi tin Cuộc sống đã cố nói với tôi điều gì đó. Và tôi ngạc nhiên nhận ra rằng, thực ra tôi đã luôn xứng đáng với điều đẹp đẽ đang ở trước mắt mình, khi tôi mạnh mẽ bước đi trên con đường cô độc này. Người tôi khao khát ở bên cạnh đã bỏ rơi tôi khi hành trình này chưa bắt đầu. Nhưng đổi lại, cuộc sống đã đem đến cho tôi không biết bao nhiêu người bạn đồng hành khác, dù họ chỉ đi với tôi một đoạn đường ngắn, hoặc rất ngắn. Họ mở rộng tầm mắt tôi trước bao nhiêu điều tốt đẹp, để cho tôi ngộ ra rằng: Nếu chết giữa tuổi thanh xuân, làm sao tôi biết được những ngạc nhiên gì đang chờ mình phía trước? Nếu tôi không đủ tốt, tại sao xung quanh tôi lại là những người xa-lạ-tốt đến nhường ấy? Nếu tôi không có quyền được yêu thương, tại sao gia đình và bạn bè đã không bỏ rơi tôi trong những ngày tháng này? Tôi đang ở đây, giữa đất trời và những dãy núi màu đỏ, cách xa nhà mình nửa vòng trái đất. Rồi tôi sẽ còn đi xa đến đâu nữa trong cuộc đời này nếu tôi cứ ngẩng cao đầu tiến về phía trước? Hóa ra là vậy, những điều tốt đẹp rồi cũng kết thúc bởi những điều tốt đẹp hơn sẽ đến sau đó, miễn là chúng ta đủ kiên nhẫn chờ đợi chúng. Vì cuộc đời còn bao nhiêu điều đẹp đẽ mà chúng ta chưa thấy hết được. Những thứ ấy chỉ đến

khi người ta mở rộng tâm hồn, tìm kiếm và chờ đón.

Như mọi đêm của hành trình road trip, lúc bên ngoài chỉ còn là bầu trời sao và khoảng không mênh mông yên tĩnh, tôi bật đèn đeo trán lúc cuộn tròn trong túi ngủ, lôi sổ tay ra để viết những dòng này:

Hằng, mày chỉ sống một lần. Đừng lãng phí thời gian mày đang có vào cái việc ngu đần là tự cứa vào vết thương nữa.

Cơ thể và tâm hồn mày quý giá đủ để mày phải trân trọng chúng. Không ai có thể làm việc đó tốt hơn mày, cũng không ai có quyền làm tổn thương chúng, ngoài mày.

Lý do vì sao anh ta bỏ mày, giờ không còn quan trọng nữa. Mày đã làm những điều mày phải làm, có thể làm, vậy thì không có lý do gì mày phải tiếc nuối tình yêu ấy. Ngừng đổ lỗi cho bản thân đi.

Luôn luôn nhớ rằng, mày xứng đáng với ai đó biết trân trọng mày hơn.

Sống cuộc đời của mày đi. Hãy sống để chính mày tự hào trước tiên.

Mày tự do hơn rất nhiều người ngoài kia. Làm điều mình muốn đi. Đi những nơi mày muốn, làm những điều mày thích, hẹn hò với ai đó thú vị. Đời ngắn lắm. Vui đi!

Chương 17

Cho đến khi những ngày dài đằng đẵng trên xe của chuyến road trip với vợ chồng VanHalen kết thúc, tôi cuối cùng đã có thể đặt chiếc ba lô xuống và đi quanh Portland. Đó là một sáng âm đậm bên ly cà phê mocha ở quán Stumptown. Anh chàng pha cà phê cho tôi sáng nay mặc áo kẻ ca rô màu đen. Tôi thích khuôn mặt thanh mảnh như màn sương đầy bụi giăng giăng của anh, với những hình xăm tôi không thể hiểu hết ý nghĩa phủ kín cánh tay trái. Khi anh nghiêng chiếc tách sứ và chậm rãi tuôn từng shot cà phê, tôi có cảm giác như thứ chất lỏng màu nâu sẫm sánh kia có vương chút gì ngọt ngào từ tâm hồn anh thì phải, hoặc giả tôi chỉ đang mơ màng trong một buổi sáng nhiều mây.

Ở góc phố Ash và đường số 3 gần đó, hàng dài người vẫn đang xếp hàng trước cửa tiệm bánh donut Voodoo. Cái màu hồng chông chênh giữa con phố nhợt nhạt trong một ngày không có nắng nhắc cho người ta biết là Portland có những thứ rất kỳ quái và hãy từ từ mà cảm nhận sự quái đản ấy. Nếu muốn mua một chiếc bánh donut thì bạn hãy kiên nhẫn đứng vào hàng ngay đi, đừng chờ đợi làm gì, vì cửa tiệm màu hồng mở cửa 24/7 này khi nào cũng thế cả, đông đến nghẹt thở.



Hàng dài người đứng chờ để mua một chiếc bánh donut Voodoo

Khi nhấp vị cà phê đầu tiên từ chiếc ly sứ màu nâu, tôi mới chợt nhận ra một anh chàng người Mỹ da trắng với chiếc quần jean rách vừa đặt túi xuống vỉa hè và bắt đầu chơi phong cầm bên kia khung cửa. Cánh cửa kính lớn rộng trước mặt thơm mùi cà phê, thoảng vị bánh donut sặc sỡ trong cái hộp màu hồng. Dĩ nhiên tôi chẳng biết anh ta hát gì ở ngoài kia, hay tiếng phong cầm trầm đục thế nào, vì tiếng nhạc Punk trong quán đang mở rất lớn. Tôi cắn miếng bánh

“Captain my captain” vừa mua từ tiệm Voodoo Doughnut nổi tiếng ở góc phố gần đó, nhấp ly cà phê và nhìn anh.

Dòng người đi qua rất nhanh và vội vã, hầu như ai cũng cầm chiếc hộp màu hồng Voodoo. Một, hai người thả vào cái túi màu đen đồng một đô la. Không thêm ai nữa. Anh chàng Mỹ vẫn chơi phong cầm, và vẫn hát. Khi tôi uống hết ly cà phê này, việc tôi sẽ làm là ra bên ngoài quán, đứng nghe anh ta hát và thả vào cái túi kia một đô la. Nghĩ cũng buồn cười, tôi là dân đi bụi, tôi chẳng giàu hơn anh ta là bao. Việc tôi cần làm bây giờ là tiết kiệm tiền hết mức có thể để đi xa hơn. Nhưng tôi thích vậy. Tôi có tiền để uống một ly cà phê ngon tuyệt và trời hôm nay cũng đẹp, và tôi muốn thả vào cái túi đen kia đồng một đô la.

Sau rớt, tôi được biết anh chàng chơi phong cầm tên Jonathan, người California. Anh đã đi lang thang hơn ba năm bên bờ Tây nước Mỹ, kiếm sống bằng việc chơi phong cầm ngoài đường. Tôi mời anh một cái bánh donut phết kem sô cô la và chúng tôi nói chuyện rất vui.

Jonathan là một mảnh nhỏ trong bức tranh Portland mà tôi thích hết như cái cách tôi thích Austin (bang Texas). Câu khẩu hiệu “Keep Portland weird” bắt nguồn từ “Keep Austin weird” (Giữ cho Portland/ Austin thật kỳ quái/quái đản), vốn là một chiến dịch nhằm thúc đẩy doanh nghiệp địa phương. Thế nhưng dường như cái khẩu hiệu kỳ quái đã “vận” vào thành phố Tây Bắc này.

Thứ nhất, bạn sẽ hỏi tại sao lại phải cần đến hơn chục cây cầu để bắc ngang dòng Willamette, và bằng cách nào mà thành phố này có thể xây mỗi cây cầu với lối kiến trúc “không đụng hàng” nhau như vậy, từ cầu Thép hai tầng, đến cầu mái vòm Fremont hay cầu nâng Burnside... Thứ hai, bạn sẽ bị choáng với “văn hóa vô gia cư” khi chứng kiến một cơ sở đông người rất trẻ nhếch nhác trên đường phố Portland, hoặc ăn xin, hoặc chỉ ngồi túm tụm với nhau tám chuyện. Cô bạn người Mỹ của tôi nói rằng không ít trong số họ muốn trở thành “vô gia cư” để cho... vui. Thứ ba, thành phố này tự nhận mình là “thủ đô xe đạp của nước Mỹ” với hẳn một “văn hóa đi xe đạp” đậm đặc. Cứ thử đứng giữa trung tâm thành phố, bạn sẽ tha hồ nhìn ngắm những cô cậu trẻ tuổi xăm trổ đầy mình mơ màng trên chiếc

xe đạp nhiều màu băng qua góc phố.

Tôi có cảm giác rằng mình không cần một danh sách những địa điểm tham quan, di tích lịch sử trong tay khi đến Portland. Tôi luôn biết ơn cái cảm giác bị lạc giữa những góc đường nho nhỏ và tìm ra một xe đẩy thức ăn nức tiếng ở góc đường số 10 và Alder, hoặc đôi chân sẽ đưa đẩy tôi đến hiệu sách khổng lồ bốn mươi hai năm tuổi Powell's Books nơi mà đảm bảo bạn sẽ tìm được thứ mình cần giữa hơn một triệu đầu sách. Và trong khi không ít nơi khác tôi phải móc tiền để ngắm những vườn cây xinh đẹp thì Vườn thực nghiệm hoa hồng quốc tế với hơn một vạn bụi hồng bung nở đủ loại sẽ chào đón bạn mỗi ngày mà không đòi một đồng nào. Lúc nằm ngủ trên bãi cỏ giữa hàng ngàn đóa hồng bung nở, tôi chợt nhận ra một anh chàng trẻ tuổi đi qua từng luống hoa, nâng các búp hồng mà ngửi một cách đầy mê dại. Tôi yêu cái cách chàng trai ấy hít một hơi sâu và lấp đầy lồng ngực mình bằng thứ hương thơm kiều diễm của những đóa hồng.

Portland quái đản bởi thành phố này không sơn phết bằng thứ sơn của một nơi nào khác trên đất Mỹ. Và tôi yêu những ngày ở nơi này cũng vì điều giản dị ấy: Vì Portland là chính Portland.

Từ “thành phố của những cây cầu” Portland, chỉ mất bốn tiếng đồng hồ ngồi xe buýt để đến Seattle (bang Washington), thế là tôi đi. Tôi không biết Seattle có chờ đợi mình không, nhưng tôi biết chắc mình đã chờ đợi một nơi như thế trong suốt hành trình ngang dọc nước Mỹ. Tôi thích San Antonio (Texas) cứ dễ thương mãi như ngày đầu tôi đến, tôi mong cái sự ồn ào đầy mê say của New Orleans (Louisiana) không bao giờ thay đổi, và dĩ nhiên, tôi ước Seattle cứ mãi là một dấu chấm điểm nhiên trên bản đồ trái tim mình.

Vì tôi không tìm một nơi chốn rực rỡ đèn màu, nên những giờ lang thang ở chợ Pike Place đã kéo tôi vào “kho báu niềm vui” ở Seattle. Ở khu chợ nông sản trông ra vịnh Elliott đã hơn một thế kỷ tuổi đời, tôi có thể ăn một xâu cánh gà cay xé lưỡi ở Chicken Valley, nôi vào hàng dài rong rã trước cửa tiệm bánh mì kiểu Nga Piroshky Piroshky để mua lấy một chiếc “Beef and Cheese” trước khi chúng được mua sạch. Sau khi nhìn những dòng bánh donut vàng ươm chạy ra từ băng chuyền ngập dầu ở Daily Dozen Doughnut

Company, hãy hỏi cô chủ tiệm để biết đâu là loại bánh ngon nhất ở đây. Cô sẽ vui vẻ bảo nên chọn “Sprinkled” rồi nhanh nhẹn bỏ vào túi giấy những chiếc bánh vòng mềm thơm nằm giữa cơ man là lớp bột trắng mịn.

Pike Place còn là nơi có thể bắt gặp những cô gái kiêu diễm rạng ngời bên cạnh một anh người tình điển trai và bó hoa tươi xinh đủ màu. Năm đô la cho một bó nhỏ, mười đến mười lăm đô la cho một bó lớn được gói cẩn thận trong giấy báo. Hương dương, thược dược, hồng, ly... tím, đỏ, trắng, vàng... Khu chợ này là một “cánh đồng” hoa sặc sỡ mà bất cứ ai cũng có thể mua một bó niềm vui để chiều lòng người mình yêu. Chưa hết đâu, những thứ lấp lánh ở Pike Place không phải là vàng, mà có thể là một kệ cá còn tươi rói ở gian hàng Pike Place Fish Market. Đừng quên ghé ngang nơi này để xem các anh chàng bán hàng thoăn thoắt chuyển những chú cá to bằng bắp chân từ góc này sang góc kia của tiệm, vừa làm vừa đồng thanh hát một bài ca vui tươi. Đừng phí hoài buổi chiều mà hãy gia nhập hàng dài người đứng đợi trước quán cà phê Starbucks đầu tiên của thế giới. Nếu là người hâm mộ cuồng nhiệt của nhãn hiệu cà phê nữ thần mình người đuôi cá Siren, hàng dài này cũng đáng công chờ đợi lắm nhỉ?

Vào một ngày hiếm hoi Seattle đẹp trời đầy nắng, tôi cũng dành hẳn một chiều để tìm hiểu xem Seattle thay đổi ra sao suốt những tháng năm thăng trầm ngày trước. Sau khi gọi một tách latte ở quán Zeitgeist trên đường số 2, tôi băng sang phía bên kia đường, viếng thăm bảo tàng Klondike Gold Rush để nghe kể về cơn sốt vàng Klondike đã cuốn hàng triệu người Mỹ bỏ mạng trong giấc mộng giàu sang. Lúc hai giờ chiều, tôi gia nhập một nhóm khách du lịch để đi bộ cùng anh chàng tình nguyện viên Steve khắp trung tâm Seattle, nghe kể về những đường ngầm chạy bên dưới thành phố, về chuyện những con đường đã được nâng lên từ biển nước ra sao. Steve cũng sẽ có thể đưa bạn lên tầng quan sát cao nhất của tòa tháp Smith và giảng giải tường tận về những góc nhà, con phố lịch sử của Seattle bên dưới đã sống sót qua thời gian.

Cuối chiều, không đủ kiên nhẫn trước dòng người nối nhau để lên tòa tháp Space Needle, tôi chọn Columbia Center, công trình kiến trúc cao nhất bang Washington. Dừng lại ở tầng thứ 73, tôi

chiêm ngưỡng thành phố từ đài quan sát rộng 360 độ. Ở đây có thể thu vào tầm mắt vịnh Elliott, núi Baker, núi Rainier, trung tâm Seattle và dĩ nhiên, cả Space Needle đang nổi lên giữa hàng loạt những cao ốc chọc trời khác.

Đến bây giờ, tôi vẫn chưa biết mình thực sự phải lòng Seattle từ khi nào. Từ khi đứng suốt ba tiếng đồng hồ ở công viên Seacrest nhìn thành phố chìm trong sắc đỏ hoàng hôn rồi sắc rực rỡ đèn màu, hay khi mãi mê giữa những quán cà phê thơm lừng nức tiếng? Cũng có thể là vào chiều Chủ nhật ấy, khi tôi quên mất thời gian bởi mãi ngắm nhìn những đôi trai gái rạng ngời nhảy cùng nhau trong cái nắng mùa hạ sắp tàn giữa công viên Westlake. Tôi chỉ biết rằng, không cần những tán tình màu mè, những đón đưa mệt nhọc, hoặc giả những món quà cầu kỳ sang trọng, thành phố ấy vẫn có thể khiến tôi mỉm cười từ tận trái tim.

Tôi nghĩ nếu đã phải lòng ai đó rồi, chắc chắn tôi sẽ không nhiều lời. Bởi tôi biết một cảm giác rất rõ: rằng người ấy đã chạm đến trái tim mình bằng cách bí mật nào đó. Tôi chỉ không biết rằng “người đó” đôi khi có thể là một thành phố, như Seattle chẳng hạn. Và cách bí mật để Seattle chạm đến trái tim tôi là những buổi chiều tôi ngồi trước khung cửa kính lớn rộng mở ra đường, bên cạnh một tách latte và lạc đầu đó giữa thành phố thơm nức mùi cà phê.

“Khi ở Seattle ngày nào tôi cũng đi uống cà phê. Gọi một ly latte hay mocha ở Zeitgeist, Umbria hay Bauhaus. Tính ra Seattle là thành phố ở Mỹ mà tôi đi uống cà phê ngoài tiệm nhiều nhất. Chẳng biết vì sao nhưng tôi thích cái cảm giác ngồi một mình trước khung cửa kính lớn rộng mở ra đường.”

Tôi ngồi ở quán Bauhaus trên đường E Pine của Seattle và nhắn cho Robert khi đó đang ở phía bên kia nước Mỹ, Washington D.C. Vì trong khoảnh khắc ấy, bỗng dưng tôi nhớ những ly cà phê latte bạn mình vẫn pha mỗi sáng lúc năm giờ. Mỗi sáng, trước khi đón chuyên xe buýt đến Bộ Lao động làm việc, Robert luôn uống ít nhất hai ly latte. Biết pha cà phê cho người khác là niềm vui của bạn mình, tôi cũng lồm cồm bò dậy lúc năm giờ, mắt nhắm mắt mở uống ly cà phê với lớp bọt sữa đầy trên miệng ly, nói linh tinh gì đấy về thời tiết, chính trị, chú chó tên Socs rồi khi bạn mình biến mất

vào màn đêm lúc sáu giờ sáng, tôi quay lại ngủ trên xô pha. Ông bạn tôi hồi trẻ là một người ham mê tiệc tùng. Có một câu bạn tôi từng nói làm tôi cười chết ngất: “Đời tôi có thể bỏ rượu chè, gái gú, hút chích. Nhưng tôi không thể bỏ cà phê, kem, sô cô la và pizza được.” Hóa ra đó là lựa chọn của một người đàn ông ngoài lục tuần, đã nếm tất cả mọi thứ trên đời và chọn ra cái mình thích nhất. Tôi và Robert vẫn thường uống latte theo cách giống nhau: rắc thêm ít đường và một chút bột quế lên lớp bọt màu trắng của ly cà phê. Không bao giờ dùng muỗng để quậy chỗ đường ấy lên, tôi thường đợi cho đến hóp đầu tiên, nghe cà phê dịu dàng quyện với vị ngọt đượm của đường và hương nồng của quế khi chạm đến môi trên.



Umbria, nơi tôi uống ly latte ngon nhất đời mình

Trước khi rời D.C., tôi tặng Robert hai bịch cà phê Việt, đều là cà phê một cậu em tự tay rang ở trang trại cà phê trên Tây Nguyên. Tôi tìm thấy thứ gì đó đồng điệu khi nói chuyện với những người yêu cà phê, chứ không chỉ uống cà phê để giải khát. Vì vậy, việc đầu tiên tôi làm khi thức dậy mỗi ngày ở Seattle là đánh dấu trên Google Map một quán cà phê, rồi tìm đường đến đây. Zeitgeist với những bức tường gạch và cô pha chế kiêu diễm, Umbria nằm giữa quảng trường

Pioneer cô kính, còn giờ là Bauhaus với bức tường cao ngất đầy sách. Và cả những khung cửa kính mở ra đường nữa, tôi yêu chúng và yêu cách một anh chàng Mỹ ngồi bên cánh cửa với một quyển sách con con, mơ màng đọc trong lúc buổi chiều Seattle râm rập tiếng xe chạy.

Lần đầu tôi uống cà phê là với bạn trai đầu tiên, trong ngày hẹn hò đầu tiên, khi đó tôi mười bảy tuổi. Anh ấy pha cà phê cho tôi, một tách cà phê sữa. Tôi lúc ấy như một con ngó chờ từng giọt cà phê nhỏ xuống màu nước nâu hổ phách, biết chắc mình đã phải lòng chàng trai ngồi trước mặt, cũng như thứ nước sẽ uống lần đầu tiên. Tôi bắt đầu yêu cà phê như vậy, dịu dàng và rất thơm, và dĩ nhiên, cả đắng nữa. Tôi thích nhiều loại thức uống khác nhau, nhưng cà phê là thứ không thể thay thế được. Giống như người ta hay dùng từ “đặc biệt” để nói về vị trí của một ai đó trong cuộc đời mình.

Thời gian trôi bên một tách cà phê luôn rất ung dung, thư thả, chậm rãi như thứ nước sóng sánh được bung ra trong một chiếc tách sứ màu nâu. Thật không gì khó chịu bằng khi bị hỏi phải uống cà phê cho nhanh, nếu vội thì nên uống gì đó không phải cà phê. Tôi thích cảm giác khi, bất chợt vào một lúc nào đó, cuộc sống làm tôi nhớ đến một người đặc biệt đã từng đi qua đời mình. Họ có thể đến cùng niềm hạnh phúc, nhưng cũng có thể đã ra đi và để lại một vết sẹo hằn trên tim tôi. Nhưng họ là những người không thể thay thế được. Bởi nếu thời gian có quay ngược và tôi có quyền được chọn lại, tôi sẽ vẫn chọn họ để yêu, để làm bạn, hay để rời xa họ một lần nữa. Dù vậy, nhớ về họ cũng chỉ như uống một tách cà phê, đắng thì đắng đấy, nhưng suy cho cùng nó chẳng hại gì ai, chỉ là hơi đắng một chút thôi. Đôi lần ngồi uống cà phê một mình, tôi nhớ lúc anh ấy từ bên kia bàn vươn mình sang chỉ để chạm khẽ vào tai tôi. Những khi nhận ra mình ngã đổ vào cảm giác mênh mang bên ly cà phê giữa Seattle, tôi tự hỏi có ai đó tôi đã yêu trong đời mà mê cà phê không nhỉ? Hình như không. Còn những người mê cà phê mà yêu tôi, thì tôi lại chỉ cười rồi biến mất khỏi cuộc đời họ. Đôi khi tôi nghĩ cuộc đời hết như một trò cút bắt trốn tìm, hay một ly cà phê thơm chỉ đủ cho một buổi chiều.

Chắc chắn không ai gọi những quán cà phê là biểu tượng của thành phố Seattle. Nếu được hỏi, người ta sẽ gọi tên Space Needle,

Tòa tháp Columbia hay khu chợ Pike Place nhìn ra vịnh Elliott. Nhưng tôi nghĩ mình trở nên gần hơn với Seattle khi ngồi ở những quán cà phê này, mơ màng với lớp bọt cà phê còn nồng hương quế đọng ở môi trên. Mà thực ra thỉnh thoảng tôi cũng mừng tượng ra một cảnh thế này: tôi và người tôi yêu ngồi trên vỉa hè đầy hoa nơi nào đó ở Seattle, Portland hoặc Washington D.C., bên tách latte nóng trong ngày đẹp trời, rồi bất ngờ chúng tôi nhìn nhau trong một nỗi băng khuâng nào đấy, rồi hôn khế lên bờ môi người mình yêu. Tôi chắc khi ấy cà phê cũng sẽ sánh hơn một chút.

Chương 18

Sau hơn bốn tháng đi từ Đông Bắc đến Trung Tây, xuôi xuống phía Nam rồi đi road trip suốt mười tám ngày trời, rồi lại ngược lên Tây Bắc nước Mỹ, cuối cùng tôi ngồi xe buýt hai mươi bảy tiếng đồng hồ để về lại L.A (Los Angeles, bang California.) Kể từ những đêm ở New Orleans, tôi gần như chỉ ngủ năm đến sáu tiếng mỗi ngày, thời gian còn lại thì tôi đi suốt. Trên chiếc giường nệm êm ái trong căn phòng dành riêng cho mình, tôi ngủ một mạch mười tiếng cho đến khi cánh cửa chớp đã sáng bùng, nằm một tiếng trong bồn tắm rồi lập cập đi xuống nhà mở tủ lạnh. Căn bếp của chị tôi sáng nay có một thứ làm tôi rung rung: mùi thơm tỏa ra từ nồi cơm điện chị cắm trên bàn trước khi đi làm. Tôi thấy chân tay mình luỳnh quỳnh tề hai, chỉ biết lập cập móc cái điện thoại từ trong túi ra nhắn tin: “Chị Chi, đừng nói chị nấu cơm cho em nha? So sweet!” Chị tôi, dù đêm trước đã lái xe suốt mấy tiếng đồng hồ xuống L.A. để đón tôi về nhà, vẫn dậy sớm đưa hai con đi học. Sợ tôi lóng ngóng ngày đầu ở nhà, chị đặt sẵn nồi cơm, chờ tôi dậy thì có cái mà ăn. Chị còn cẩn thận đặt nồi thịt kho trứng thơm ngậy trên bếp, thế mà tôi mắt nhắm mắt mở thế nào không thấy, lại lập cập mở tủ lạnh ra nào thịt bò, hành tây, nấm, nước mắm, rồi tự nấu cho mình một bữa cơm ngon. Xới cơm vào chén, những hạt cơm thơm nơi xứ người làm tôi bật khóc.

Hôm qua, lúc đến đón tôi ở bến xe buýt, chị hốt hoảng nhìn tôi đi loang quanh với hai chiếc ba lô sau lưng, hỏi làm cách nào tôi vác nó đi mãi như vậy được. Thực ra, cân nặng của chiếc ba lô ấy chẳng là gì so với căn bệnh trầm cảm tôi phải mang theo trong mình suốt thời gian qua. Mãi đến gần đây, tôi mới mừng tượng ra mình đã ở trong tình cảnh nguy hiểm đến thế nào khi coi thường chứng bệnh này. Không ai tin tôi đã có thể tự giết mình sau khi trải qua cú sốc tình cảm ấy. Chị chính là người đã đi cùng mỗi tình năm năm rưỡi của tôi và anh ngay từ những ngày đầu tiên. Khi gặp nhau ở Sài Gòn, chúng tôi từng nói rằng một ngày nào đó tôi và anh sẽ đến California thăm chị để đưa thiệp cưới. Mỗi lần trò chuyện, chị vẫn hay đùa đang bỏ ông mỗi ngày hai mươi lăm xu chờ đến ngày đi

đám cưới chúng tôi. Hôm nay, tôi giữ lời hứa của mình đến gặp chị, nhưng với ba lô nặng trĩu sau lưng, và chẳng còn ai bên cạnh. Trên chuyên xe chở tôi về nhà trong đêm, chị trầm ngâm nói đầy chua chát: “Em thấy không, đàn ông họ chỉ cần nói một câu ‘Anh không cần em’ thôi là mọi chuyện chấm dứt, để cho đám đàn bà con gái chúng ta sống tiếp trong ngõ ngách, khổ sở. Tình nghĩa bao năm đâu thể chỉ nói một câu thế thôi là hết. Nhưng thà nó diễn ra bây giờ, còn hơn đến khi đã thành vợ thành chồng, ràng buộc với nhau vì con cái, khi đó làm lại cuộc đời còn khó hơn gấp bội em ạ. Em quá mạnh mẽ và tự do, đâu cần đi tiếp cuộc đời với một người như thế.”

Tôi ngẫm ngợi lời chị nói trong lúc cắn một trái táo hái xuống từ trên cây ngoài vườn. Khí hậu nóng ẩm ở miền Nam California khiến những cây táo và lê sau vườn nhà trĩu quả. Ngồi ở sân vườn hít hà mùi lá cỏ, tôi chẳng chút bận lòng, chỉ cảm giác được nghỉ ngơi. Những tháng qua tôi đi liên tục. Một ngày để nằm duỗi dài trên xô pha, nghe nhạc, nấu một bữa cơm, đi dạo với chú chó Socs như thời gian ở D.C. đã là quá khứ xa xôi. Khi đi liên tục, người ta không còn nhiều thời gian để nghĩ nữa, cũng không có đủ thời gian để chạm vào linh hồn của một thành phố hay đóng gói cảm xúc của mình lại. Chỉ đi, mãi miết đi. Tôi không cô đơn, nhưng mỗi mệt thì gần đây bắt đầu thấm. Tôi cố gắng không để cho sự mệt mỏi ấy xâm chiếm tâm hồn mình, bởi đến khi tâm hồn mệt mỏi thì có lẽ tôi phải về nhà thôi.

Một vài người bạn là dân đi du lịch bụi vẫn thỉnh thoảng gửi tin nhắn động viên tôi, bảo tôi cố gắng giữ gìn sức khỏe. Đó có lẽ là điều quan trọng nhất với dân đi bụi, bởi nếu bệnh nặng trên cuộc độc hành này, có lẽ tôi sẽ tui thân ghê lắm. Cái cảm giác “tui thân” ấy, chỉ có dân đi bụi một mình mới hiểu hết được. Những ngày chênh lệch nhiệt độ ngày đêm (25-40°C) vài tháng trước ở Myanmar đã quật ngã tôi bằng một cơn bệnh kéo dài cả tuần lễ. Tôi mê man nằm trên chiếc giường phòng trọ tối om một mình, đạp xe trong đêm tới một mình để leo lên tháp chùa ngắm bình minh Bagan, đi bộ dưới trời nắng một mình để ra chợ Yangon, thấy một nỗi xót xa cứ âm ỉ trong lòng. Tôi xin ở nhờ Couch Surfing không chỉ vì cần một chỗ trọ miễn phí, mà còn vì cái cảm giác thêm khát được nói chuyện, được lắng nghe và được làm bạn với thế giới quanh tôi.

Cuộc sống du lịch bụi là một cuộc sống khác. Ở đó không có áp lực của một ngày làm việc tám tiếng, nhưng bạn sẽ phải vội vã để không trễ một chuyến bay hay một chuyến xe buýt đường dài. Điều ấy xảy ra gần như mỗi ngày và bạn luôn phải trong trạng thái di chuyển liên tục.

Ở đó không có những con phố ngày nào bạn cũng phải đi, nhưng bạn sẽ phải học cách nhớ những tên đường bằng thứ tiếng bạn chưa bao giờ nói chỉ trong vòng vài giờ khi mới đến một thành phố. Và đối mặt với sự bất lực ngôn ngữ khi không thể phát âm tên một con đường.

Ở đó bạn không phải dọn dẹp nhà cửa mỗi khi bừa bộn, nhưng bạn sẽ phải ngủ ở những nhà trọ xa lạ, sân bay, bến xe, bến tàu, hay một góc nhà của người mới quen. Chiếc ba lô nặng vài chục ký trên lưng là tất cả những gì bạn có trong một căn nhà.

Ở đó bạn không phải ăn mãi một vị nhưng sẽ phải tập nếm những gia vị lạ lùng chưa thử trong đời. Và đối mặt với nguy cơ ngộ độc thực phẩm chẳng hạn.

Ở đó không có những căn phòng máy lạnh cho bạn ngồi một ngày làm việc, nhưng bạn sẽ phải đối mặt với việc thay đổi múi giờ, thay đổi thời tiết và thay đổi cả con người. Và đối mặt với nguy cơ lăn đùng ra bệnh khi chẳng có ai bên cạnh chăm sóc, hỏi han, bảo vệ bạn.

Ở đó, bạn không phải ngày ngày đối mặt với những sếp hay đồng nghiệp mà bạn chẳng ưa chút nào, nhưng phải đối mặt với nguy cơ bị cướp, bị trộm hay gặp phải những kẻ rất xấu. Và phải học cách quan sát và tin tưởng người lạ nữa.

Ở đó bạn không phải chờ đợi đến ngày lãnh lương, nhưng sẽ phải cân đo đong đếm chi phí cho từng bữa ăn, vé xe buýt hay vé tham quan.

Đó không phải là một cuộc sống “sương”, mà là một cuộc sống “khác”. Tôi tin rằng cuộc sống nào cũng có nỗi vui buồn của riêng nó, quan trọng là bạn sống thế nào và bạn thỏa mãn đến đâu với cuộc sống của mình thôi. Nếu suốt ngày chỉ nhìn vào mặt tiêu cực

của vấn đề thì sẽ không bao giờ thấy được cuộc đời đẹp như thế nào. Cho nên hôm nay, khi xới những hạt cơm nóng thơm từ trên bếp, gắp bằng đôi đũa đúng kiểu Việt Nam, tôi cũng quên hẳn mình đã trải qua bao nhiêu đêm ngủ ngoài bến xe lạnh cóng, bao nhiêu lần phải một thân một mình đeo ba lô nặng trĩu đi bộ giữa trời nắng, bao nhiêu ngày phải đi và đi liên tục từ bang này sang bang khác như một kẻ độc hành. Tôi chỉ biết mình đang sống trong một căn nhà đã luôn chào đón mình như một cô con gái nhỏ, với một người luôn thương tôi như con, và ở đây, tôi có thể nghỉ ngơi một chút sau chặng đường vừa qua.

Chị Chi thực ra không phải bà con ruột thịt. Với khoảng cách tuổi tác giữa chúng tôi, đáng ra tôi phải gọi chị là “Cô”. Nhưng suốt sáu năm dài quen biết nhau, tôi luôn coi chị là “Chị gái”, là người “Mẹ thứ hai” đã chăm nom cuộc sống tinh thần của tôi một cách vô điều kiện. Chị nói vì tôi mạnh mẽ, ngang ngạnh và cứng đầu hết như đứa con gái thứ hai của chị nên chị thương tôi. Vòng tròn bạn bè trên Internet đã kết nối tôi, chị và một người chị gái nữa ở Úc từ nhiều năm nay. Chúng tôi là những “người bạn tinh thần” bất chấp tuổi tác, múi giờ và khoảng cách địa lý. Sau mẹ ruột, tôi coi chị là người phụ nữ vĩ đại thứ hai trong cuộc đời mình. Đến Mỹ từ những năm 70 của thế kỷ trước, cuộc đời của chị bắt đầu từ con số không. Chị hy sinh tất cả cho các em của mình. Rồi cuộc sống riêng của chị cũng không viên mãn. Thế nhưng chị vẫn sống kiêu hãnh và đẹp đẽ ở tuổi sau ngũ tuần, cuộc sống mà tôi ước ao có được khi mình đến tuổi chị.

Ngôi nhà của chị nằm ở một trong những khu giàu có của Murrieta. Mỗi ngày tôi ra vườn hái táo, cắt một bông hồng cắm vào trong bình nhỏ và loang quanh trong gian bếp. Căn nhà rộng thênh thang với hai tầng lầu là thế giới yên ả đến tịch liêu. Mỗi ngày, chị lái xe hơn một tiếng đồng hồ mới tới chỗ làm. Âm thanh duy nhất tôi nghe mỗi ngày là tiếng cửa ga ra ì ạch kéo lên khi chị lái xe đi làm mỗi sáng và trở về nhà mỗi chiều muộn. Hàng xóm ai lo việc nấy, ai sống nhà nấy, vào đến nhà là cửa ga ra cũng đóng sầm xuống, chẳng ai có cơ hội ra tám chuyện như ở Việt Nam. Ở đất nước này, bất kể nhà lớn hay nhà nhỏ, sự riêng tư luôn được ưu tiên tối đa, mỗi người có một phòng riêng. Khi hai cô con gái đã lớn và sống riêng, căn nhà của chị bỗng dưng rộng thênh thang. “Vậy đó em à,

con cái nó chỉ sống với mình đến năm mười tám tuổi thôi. Đến lúc chọn trường, chúng nó lúc nào cũng muốn kiếm cái trường xa lắc, sống tự do không biết đến mẹ cha nữa. Lúc ấy thì chúng sống đời chúng rồi. Sau đó thì kiếm việc, kết hôn, sinh con cũng ở cái vùng xa lắc đó. Đến lúc ấy thì còn lại mình mình,” chị tôi giải thích vậy.

Ở cuối đoạn đường hôn nhân không hạnh phúc, chị tôi vẫn là người phụ nữ mạnh mẽ nuôi bốn đứa con nên người. Người phụ nữ đẹp, giàu nội lực, thông minh nhưng lại đa cảm như chị cũng đã trải qua nhiều sóng gió trong cuộc đời. Chị Chi và mẹ tôi như thể là hai cuộc đời y hệt nhau diễn ra ở hai nửa trái đất. Đôi khi tôi ước giá như mẹ mình có thể thoát khỏi vòng luẩn quẩn truyền thống và những gánh nặng chồng con, biết yêu thương bản thân mình hơn một chút, chắc hẳn mẹ sẽ vẫn trẻ và đẹp như chị. Cuộc hôn nhân không hạnh phúc và những lo toan cuộc sống đã bào mòn nhan sắc của người phụ nữ đẹp là mẹ tôi. Mẹ dạy tôi cách yêu thương mọi người nhưng quên mất dạy tôi phải yêu thương bản thân mình trước tiên. Mẹ dạy tôi cách hy sinh cho người mình yêu nhưng quên mất dạy tôi phải làm cho mình hạnh phúc trước đã. Mẹ dạy tôi là người phụ nữ kiêu hãnh và mạnh mẽ nhưng quên mất nhắc tôi rằng: người phụ nữ hạnh phúc thực ra không cần người đàn ông nào bên cạnh, cô ấy chỉ cần một người bên cạnh để mình hạnh phúc hơn mà thôi.

Nhưng tôi vẫn yêu mẹ, và yêu chị. Họ là những người phụ nữ đáng để bất cứ người đàn ông nào cũng phải trân trọng khi có họ bên mình. Là bà ngoại của năm đứa cháu, chị tôi vẫn ngày ngày nhận những lời tán tỉnh của vô số gã đàn ông Mỹ si mê chị. Tôi thỉnh thoảng la lên: “Trời ạ, em của chị trẻ trung thế này mà không thằng nào màng đến, trong khi chị thì cứ lo vừa chạy vừa cắt mấy cái đuôi hoài!” Tuy là người phụ nữ phóng khoáng và mạnh mẽ ngoài đường, song khi về nhà, chị là một bà mẹ nghiêm khắc và thương con. Không người đàn ông nào, trừ chồng cũ vào những ngày thăm viếng, được bước chân vô căn nhà của chị. Chị giữ hai đứa con đang học trung học trong môi trường hiền lành nhất có thể. “Mãi đến gần đây hai đứa nhỏ mới biết bố mẹ chúng nó đã ly dị. Nhiều năm qua, chị vẫn để cho chúng nghĩ rằng thực ra bố mẹ sống ở hai nhà khác nhau.” Tôi thì không đồng tình với chị, nhưng ở cái xứ này, nuôi dạy con cái là việc của cha mẹ, không ai cần ý kiến hay lời khuyên của người ngoài cả.

Chương 19

Tôi mở Bucket list của mình, chuẩn bị gạch dòng thứ 62 “Có ít nhất một hình xăm”. Tiệm xăm cách nhà chị Chi một tiếng đi bộ. Từ chối việc nhìn tôi “đâm đầu vào tường” (cách chị tôi miêu tả việc chui vào tiệm xăm cho người ta rạch lên gáy tôi), chị ghé tiệm làm móng của người bạn ngay kế bên.

Mỗi khi Paige bật kim máy, các dây thần kinh của tôi lại căng lên chờ một đợt rạch mới trên da thịt. Tiếng kim máy xoáy vào tận óc, cứa nát thớ thịt và dây thần kinh của tôi. Bờ vai rung lên trong cơn đau âm thầm lan khắp các mạch máu nóng đỏ. Hôm nay ngày 21 tháng Tám, một ngày không có gì đặc biệt, và tôi đang chìm ngẫm giữa cái xó xỉnh của tiệm xăm giữa Murrieta với linh kinh ông mực, những họa tiết xăm dán đầy trên tường và bóng đèn tuýp đã cháy phía trên đầu. Bốn bức tường xung quanh trắng ớn một cách bệnh hoạn khiến tôi có cảm giác như mình đang nằm trên giường bệnh hoặc lơ lửng đâu đó giữa những chuyến bay đường dài. Trên những chuyến đi dài như thế kỷ ấy, tôi vẫn thường nhìn cuộc đời qua ô cửa kính máy bay như nhìn một thế giới khác. Bên khung cửa nhỏ nhoi và hạn hẹp, tôi thấy mình như một kẻ tầm thường nhìn lên vào cuộc đời, trôi mãi, trôi mãi, không quá khứ, không tương lai, chỉ có hiện tại và những đám mây bông bênh bên kia cửa sổ. Tôi vẫn chưa biết mình bắt đầu nghiện đi du lịch bụi từ khi nào và đi truyền từ ai, cha hay mẹ tôi. Mẹ tôi thời trẻ đi rất nhiều, khi buôn bán, lúc đi chơi. Khi không còn son rồi và phải một nách nuôi hai đứa con, mẹ tôi không đi nhiều nữa. Thật rùng mình với cái ý nghĩ cuộc sống bươn bả có thể tàn phá nhan sắc một người phụ nữ đẹp đến mức nào.

Tôi bắt đầu sợ cái ý nghĩ kết hôn và có con, việc mà khi còn là một cô gái trẻ con, tôi đã cho rằng mình sẽ làm khi tuổi hai mươi lăm đến. Giờ đây, tôi yêu sự tự do của mình hơn hết thảy, và với lý do đơn giản ấy, tôi đang lần đầu tiên thực sự tận hưởng sự độc thân của mình từng giây phút một. Thi thoảng, khi đang ở đâu đó trên hành trình này, tôi bỗng dừng nghĩ: độ ba năm nữa, tôi trông sẽ

giống thế nào và đang ở đâu. Trong những tưởng tượng ấy, thoát nhiên không có bóng dáng một người đàn ông hay đứa trẻ nào, chỉ có tôi và dải chân trời rộng mở trước mặt. Đó có thể là đại dương, đỉnh núi hay mái nhà cổ nào đó, ở một nơi nào đó, vào một ngày nào đó.

Tôi bảo Paige vặn nhạc lớn thêm chút nữa để át tiếng kim máy rè rè bên tai. Vào giấc chiều muộn, chỉ có tôi là khách duy nhất trong tiệm nên toàn bộ loa đều mở thứ nhạc tôi yêu cầu: Death Metal. Tiếng nhạc Rock dữ dội thoát ra từ trần nhà, gọi tôi nhớ lại những đêm hồi mười lăm tuổi, nhét tai nghe vào tai và vặn âm lượng lên mức cao nhất. Khi ấy chỉ có tôi và bóng đêm là hòa thuận với nhau trong im lặng, những thứ còn lại cứ đổ nát từ bên trong một cách không kiểm soát được.

Paige hỏi và đặt bàn tay phủ kín hình xăm lên vai tôi. “Mày ổn chứ gái? Vài đường chính nữa thôi là sẽ xong phần khung cơ bản, đây là giai đoạn đau nhất rồi. Mày chọn hình xăm đẹp đấy. Muốn uống nước không?”

“Tao ổn,” tôi thì thầm. “Cứ tiếp tục đi, tao chịu được.”

Cơn đau liên tục quặn lên từ dưới bụng. Tôi thấy mình như con thú bị thương nằm cô độc, giương đôi mắt tuyệt vọng nhìn bầu trời xanh phía trên cái hồ. Nó biết là cho đến khi có thể trở lên đó một lần nữa, vết thương đã thành sẹo và nó không còn là con thú khi mới rơi xuống đây nữa. Hai tiếng là khoảng thời gian Paige ước định sẽ hoàn thành hình xăm sau gáy cho tôi. Tôi nhún vai, hai tiếng cũng không quá tồi. Lần cuối tôi và anh ngồi bên nhau còn không lâu được đến thế. Và lại, tôi đã chờ đủ lâu để ngày hôm nay đến, ngày mà tôi sẽ chấm dứt tất cả chuỗi đòn đau này bằng một nỗi đau dài hai tiếng.

“Với anh, chúng chẳng có nghĩa gì cả.”

“Mỗi người mỗi khác. Với anh hình xăm chẳng có nghĩa gì, nhưng với em thì có. Và em cũng chẳng cần anh phải đồng ý với em.” Tôi nói khi anh lắc lắc đầu vào ngày chúng tôi gặp lại ở Houston.

“Chẳng có nghĩa gì cả,” anh lặp lại.

Chiều nay, lúc ngồi ngoài sân vườn xì xèo tiếng máy lạnh, gió nóng thốc lên từ phía sau gáy, tôi tình cờ tìm thấy một bức thư anh đã viết cho tôi từ lâu. Trên những dòng chữ, kỷ niệm vẫn còn tươi rói chưa phai lấy một vệt màu. “Ngày này, đời này, được yêu em là điều hạnh phúc nhất đời anh!” Một con cay sẽ chạy dọc sống mũi khi tôi đọc đến dòng này. Nắng vẫn đổ xuống trong sân, khét cháy và dữ dội. Chúng ta đã đi quá xa rồi nhỉ? Tôi thì thâm, đủ xa để không ai còn muốn quay lại chung một con đường nữa. Chúng ta đã dừng cảm chống lại cái khoảng cách địa lý xa nhất trên hành tinh này, dừng cảm đối mặt với những đêm dài xa cách, nhưng chúng ta chỉ không đủ dừng cảm để đi với nhau đến cuối con đường. Những người phụ nữ như em có thể băng qua đại dương, bay nửa vòng trái đất vì người đàn ông mình yêu và chỉ mong anh ta bước qua một vùng nước. Nhưng hóa ra anh cũng chưa bao giờ cần sự dừng cảm đó. Vì anh đã bỏ cuộc từ lâu và để mặc em lại với cuộc tình cô độc này.

Paige ấn đầu kim sâu xuống phần vai bên trái, cơn đau theo dây thần kinh lan xuống tận tim. Cảm giác chói với râm ran hết như lúc tôi thức dậy trong căn phòng hồi sức sau ca phẫu thuật vài năm trước. Khi ấy, nước mắt từ đâu cứ chảy đầm hai bên má. Tôi muốn gọi tên anh, muốn nắm bàn tay anh và nhìn khuôn mặt anh khi tôi thức dậy. Nhưng tất cả những gì đón chờ là căn phòng im lặng với tiếng quạt trần phành phạch trên cao và màu trắng nhòn nhọt của những bóng đèn tuýp.

“Tao chuẩn bị đi vào công đoạn xăm kỹ lại nét.” Paige ngừng tay, đặt cái kim máy xuống mặt kính lạnh tanh. “Mày chịu đau giỏi đấy gái. Thằng con trai duy nhất của tao cũng trạc tuổi mày.”

“Nó làm gì?” tôi hỏi, không cử động.

“Môi giới nhà đất. Nó đang yêu một con bé, nhưng xem ra con bé này không ưa hình xăm, và dĩ nhiên là không ưa những thợ xăm như tao.”

“Mày làm nghề này bao lâu rồi?”

“Cả đời tao,” Paige chặc lưỡi. “Từ khi tao ngủ với một trong mấy thằng bồ là thợ xăm đến khi tao mang bầu thằng con trai duy nhất và làm mẹ đơn thân.”

“Đó chắc hẳn là một quyết định khó khăn,” tôi nhìn xa xăm.

“Ừ, người ta hay nói đôi khi mày không có quyền lựa chọn, nhưng thực ra mày vẫn được chọn, chẳng qua lựa chọn đó là tốt hay xấu mà thôi.”

Đầu kim nhọn tiếp tục rê trên phần da sau gáy, tiếng máy rè rè đến bực bội, tiếng nhạc lỏng lộn từ trên trần lao xuống, rồi tôi mê đi trong khoái lạc của sự đốn đau. Những cơn đau đường vòng đánh mực xuyên vào da thịt, vẽ những đường ngoằn ngoèo.

“Mày nghĩ nhiều quá nhỉ?” Giọng Paige bất ngờ vang lên đâu đó giữa tiếng xè xè kim máy.

“Sao mày nghĩ vậy?” Ngồi im, tôi đáp lời.

“Mày có đôi mắt biết nói, và đôi mắt ấy đang rất buồn. Phần lớn những đứa con gái châu Á đến đây xăm đều trầm tư giống mày.”

“Mày biết đó, cái cảm giác đau đớn này đôi khi khiến tao thấy sung sướng lắm.”

“Tao hiểu.” Paige bật lại kim máy.

Lờ mờ nhận ra chuông điện thoại vang lên lạnh toát giữa nhịp đều đều của tiếng kim xăm, tôi tự hỏi đã bao lâu từ khi tôi ngồi bất động trên chiếc ghế này, đợi những cơn đau và dòng mực ăn sâu vào làn da sau gáy. Ký ức và những nỗi đau tinh thần của tôi ra đi nhẹ nhàng khi những nỗi đau da thịt ăn sâu vào cơ thể theo từng đường mực chảy ra từ mũi kim xăm. Hình xăm này sẽ là dấu chấm cuối cùng kết thúc một chương cũ trong cuộc đời tôi, vốn đã quá nhiều buồn đau và bi lụy. Tôi thả lỏng vai mình cho Paige viết dấu chấm ấy lên gáy mình, nhắc rằng đây sẽ là đoạn kết của khúc đường chênh vênh đầy cô độc tôi vừa đi qua.

“Có đau không? Xăm hình ấy?” Tôi từng hỏi một đứa bạn có hình xăm dưới cổ.

“Không, sợ lắm,” nó trả lời.

Bỗng dưng tôi nhớ đến lời Calvin nói vào buổi chiều mưa lất phất khi tôi tạm biệt ông để đi khỏi New Orleans, dưới bầu trời vẫn còn ngập trong ánh đỏ hoàng hôn: “Ngay cả những cánh bồ công anh đang nương theo cơn gió cũng có hành trình riêng của chúng. Tờ hay đặng ấy, mỗi người trong chúng ta đều có một con đường. Số phận đặt chúng ta lên con đường đó, nhưng đi đến đâu, làm được gì là việc của mỗi người. Đây chưa phải là điểm dừng của đặng ấy đâu. Hãy đi theo cơn gió của mình đi.”

Chương 20

Cho đến khi mùa hè bắt đầu thôi đổ nắng khét lẹt xuống những dải đường nhựa, tôi nhận ra những chiếc lá đã bắt đầu úa vàng mùa thu. Thời gian ở Mỹ của tôi cũng sắp hết. Nhưng vẫn còn một nơi nữa mà tôi nhất quyết không thể bỏ qua, thành phố cuối cùng: San Francisco.

Tôi đến thành phố sương mù một chiều mùa thu mới chớm⁽¹⁾. Khi thốt lên “Tôi đã đánh rơi mất trái tim mình ở San Francisco mất rồi,” tôi không hề biết có một bài hát nổi tiếng về thành phố này có tên “I Left My Heart in San Francisco” (Tôi đã để trái tim mình lại San Francisco). Giọng hát trầm ấm và mê mải của Tony Bennett cất lên trong một ngày nhiều mây ở nơi nào đó cũng đủ để gọi về những rung cảm tinh khôi và nồng nàn nhất cho một người đã lỡ yêu San Francisco. Hóa ra tôi không phải là người duy nhất mang trái tim mình đến đây để rồi sau đó vẫn vương mãi và cuối cùng chẳng thể ra về với trái tim vẹn nguyên như khi đến.

Tôi đã từng hỏi mình nhiều lần, điều gì ở San Francisco khiến cho tôi yêu đến đại cả tâm hồn? Ô, tôi có thể viện đủ lý do, rằng những con hẻm nhỏ chứa đựng kho báu của cả một thế giới những bức tranh tường đầy màu sắc, rằng những cầu tàu nhộn nhịp lấp lánh đầy cuộc vui, rằng Cổng Vàng đã đánh cắp cả chiều nắng rực rỡ của tôi cho một buổi đi bộ băng ngang cây cầu... Thành phố sương mù ấy tưởng như có thể nắm trong lòng bàn tay, mà đôi khi lại mênh mông đến vô cùng. Tôi không có ý định và dĩ nhiên chẳng thể họa San Francisco chỉ bằng chùng đó nét sơ sài. San Francisco là những dãy phố nhà cổ đứng dựa vào nhau mà buổi chiều đi bộ quanh chúng thôi đã là cả một niềm vui thú. San Francisco là gió trời lồng lộng trên nền trời xanh điểm chút sương lãng đãng còn giăng mắc trên đỉnh cầu Bay Bridge. San Francisco còn là khi nghe tiếng leng keng tàu điện một chiều ngược dốc California mà ngỡ mình đang đi về một cõi xa xăm nào đó.

Mỗi khi ngồi ở quán cà phê Ritual trên đường Valencia, nhấp vị

latte rang xay vừa độ, tôi vẫn thường tự hỏi: nếu là họa sĩ, tôi sẽ chọn màu gì để vẽ San Francisco? Đó có thể là màu cam ánh đỏ của cầu Cổng Vàng, màu trắng đục của những dải sương mù bay la đà trên thành phố, màu xanh biếc của biển và trời xô vào nhau ở cuối chân trời. Nhưng dù chọn màu gì, San Francisco trong tôi luôn luôn là màu của đôi mắt người tôi yêu đến mê mải.

Cậu ấy đến từ Paris, và có đôi mắt màu xanh.

Tôi đã biết có điều gì đó sẽ xảy ra, ngay từ khi cậu đến đón tôi ở bến xe Greyhound, cương quyết thể hiện cung cách lịch thiệp kiểu Pháp của cậu bằng việc giành lấy chiếc ba lô tôi đang đeo. Khi ấy, tôi cố để không cảm thấy một cơn đau quặn dội lên từ dạ dày khi nhìn thấy dáng người mảnh dẻ và đôi mắt xanh màu trời của cậu. Nhưng lần này tôi biết còn thứ gì khác nữa, một nhịp chậm nào đó vừa diễn ra ngay giữa tim tôi. Sự mơ hồ bao phủ tâm trí tôi khi ấy như thể những màn sương vẫn trôi bồng bềnh phủ lên cầu Cổng Vàng mỗi khi ngày tàn. Những đêm sau này, khi nằm bên nhau trên chiếc giường cạnh tường, tôi vẫn thấy màn sương mơ hồ ấy trong đôi mắt màu xanh của cậu. Mọi thứ lửng lờ không thể gọi tên, không biết định hình ra sao và cũng không thể xua tan được. Giống như là một mình đi ngược lên ngọn đồi vào một chiều đầy sương vậy.

Tối đầu tiên ở San Francisco, chúng tôi ngồi vuông góc với nhau bên chiếc bàn ăn đặt cạnh tường. Khăn trải bàn màu ngà, kẻ ca rô sọc đen. Cậu nấu ăn khoảng một tiếng sau khi tôi giúp cậu kẹ vỡ và tách các hạt óc chó mua ở chợ nông sản thành phố mỗi cuối tuần. Căn bếp đầy tiếng nhạc từ phòng khách vọng sang, một bản nào đấy của The Who. Trên bàn, phô mai và hạt óc chó quện vào nhau thơm đầy cánh mũi. Mọi thứ tinh tế một cách thơm tho.

“Xin lỗi nếu tôi sai. Nhưng tôi nghĩ cậu hẳn rất cô đơn ở đây?” Tôi chậm rãi nhìn quanh căn phòng nhỏ rọi sáng bằng bóng đèn vàng treo trên trần. Phòng trên tầng một, sơn màu trắng, có ba cánh cửa chớp nhìn xuống đường. Một dàn âm thanh và một màn hình LCD cỡ lớn che chiếc lò sưởi giả, giá sách đặt cạnh bên nhưng phần lớn để đựng các CD nhạc. Một chiếc giường thấp đối diện kê sát tường, gối và chăn màu xanh đậm.

“Ừ, tôi có một vài người bạn đồng hương, cũng từ Pháp nhưng

khác thành phố. Họ sống cách đây vài giờ xe chạy. Ai cũng bận cả. Chúng tôi thỉnh thoảng gặp nhau,” cậu trả lời bằng giọng Pháp đặc sệt mà đôi khi tôi phải căng tai lên mới nghe được. “Nhưng sao cậu biết tôi cô đơn?”

“Ồ, khó nói lắm. Trục giác bảo tôi như vậy. Hơn nữa, bạn này cậu có nói lý do cậu cho người ở nhờ Couch Surfing là vì đã hơn hai năm rồi cậu chưa gặp ai mới cả. Mà tôi lại là người đầu tiên cậu cho ở nhờ.” Tôi nhún vai. “Cậu thích nơi này chứ?”

“Tôi thích San Francisco. Tôi thích sống ở đây, dù tôi chưa bao giờ thực sự ra khỏi bang California để biết nước Mỹ lớn rộng như thế nào.”

“Người ta gọi San Francisco là Paris của nước Mỹ đúng không?”

“Ừ, nhưng tôi thích San Francisco không phải vì điều đó. Tuy sinh ra và lớn lên ở Paris, nhưng tôi không muốn sống đến hết đời ở đây. Ngoài việc mỗi năm vẫn về thăm nhà vào dịp Giáng sinh, tôi không nghĩ mình sẽ quay lại Pháp nữa.”

“Thật tốt khi cậu có thể tìm thấy một nơi nào đó khác ngoài quê hương mình để sống,” tôi nói lúc phụ cậu dọn dẹp đồng chén đĩa ra bồn rửa. “Bốn năm qua, tôi cũng đi chỗ này, chỗ kia, nhưng chưa có nơi nào khiến tôi khát khao được ở lại mãi. Dù đôi khi tôi thấy mình lạc lõng giữa nơi mình sinh ra, giữa những người nói cùng một thứ tiếng, ăn cùng những món ăn. Tôi không phải là kiểu phụ nữ Việt Nam điển hình, có lẽ vì thế nên tôi luôn thấy mình không thuộc về nơi ấy.”

“Tôi hiểu cảm giác đó,” cậu nói. “Tôi cũng không phải kiểu đàn ông Pháp đặc trưng. Khi đi khỏi Paris, tôi đã nghĩ mình không muốn quay trở lại nữa. Ở Pháp, tôi thực sự chẳng có gì, chẳng có gì cả. Và may mắn tôi tìm thấy nơi này. Nếu không phiền, cậu có muốn đi dạo một vòng không? Tôi sẽ chỉ cho cậu khu Mission.”

Tôi đáp: “Dĩ nhiên là tôi không phiền.”

Rồi tôi và cậu bắt đầu chuyến đi dạo đầu tiên trong đêm, lên và xuống dốc. Từ góc đường 18 và Guerrero, cậu chỉ cho tôi thấy San

Francisco, tiệm kem cậu thích, cửa hiệu bánh cậu hay mua, và đỉnh đồi Dolores cậu thỉnh thoảng vẫn đi bộ lên để ngắm thành phố. Đêm mùa thu trong vắt. San Francisco lạnh đầy cánh mũi. Gió buốt môi. Chúng tôi cứ đi giữa ánh đèn vàng, trên vỉa hè lát gạch, chẳng hiểu sao cứ nói với nhau về những gia đình nơi chúng tôi lớn lên, về cuộc sống, về nỗi buồn, về sự cô độc, về những cuốn sách, về tình yêu và hạnh phúc, về tất cả mọi thứ chúng tôi có thể nói được. Và thật ngạc nhiên là chúng tôi có thể nói về đủ mọi điều. Cái thành phố này thật kỳ lạ. Cái khu Mission này cũng thật kỳ lạ. Những con phố nhỏ như lỗ mũi. Thẳng tắp xuyên vào nhau. Tháng Chín, những con đường nhỏ nhỏ nối vào nhau như một vệt chì đậm chạy dài. Tôi không biết vì lý do gì tôi mở lòng mình ra như vậy. Tôi nói quá nhiều. Cậu bảo mình cũng thế, cậu nói quá nhiều. Ở khoảng lặng giữa những câu chuyện, chúng tôi nghe mùa thu đổ xuống giữa đêm, thấy một nỗi buồn nào thoáng qua rồi lại bay đi mất.

Ở đoạn cuối cuộc hành trình, tôi không trông đợi gì nhiều ngoài một tuần chậm rãi ở xứ sở những ngọn đồi nối nhau mờ ảo hiện lên trong màn sương mù. Một ngày nghỉ lại, tình yêu hay những điều vui sướng nhất cuộc đời vẫn thường đến theo cách như vậy. Khi bạn ngưng tìm kiếm, chúng tự khắc sẽ đến, về như tình cờ mà cũng thực như là đã chờ đợi bạn từ lâu lắm rồi. Có lẽ chúng đã luôn ở đấy, bên góc quanh của một đoạn đường dài. Chỉ vì bạn cứ ngoái đầu nhìn lại trong tiếc nuối những đoạn đường chưa kịp đi cho hết, nên mới chẳng nhận ra điều tốt đẹp gì đang chờ mình ở trước mặt. Ở thành phố bên vịnh⁽²⁾ ấy, tình yêu đến với tôi dịu dàng như cơn gió se lạnh vẫn lướt qua những đám cỏ trên đỉnh đồi công viên Dolores, nơi chúng tôi đứng dưới bầu trời sao và trao nhau nụ hôn một đêm mùa thu yên tĩnh. Và cả khi tôi đã xa San Francisco hàng trăm ngàn dặm, nỗi nhớ về thành phố sương vẫn cứ dài bất tận như những ngọn đồi ngả vào nhau lên đến trời sao.

Có lẽ thứ tình cảm dịu dàng dành cho cậu bắt đầu nhón chân bước vào căn phòng bí mật trái tim tôi từ những lúc chúng tôi ngồi bên chiếc bàn ăn của cậu. Ở đó, vào mỗi bữa sáng, chúng tôi nói về tiết trời San Francisco hay chuyện đang diễn ra với ngân sách của chính phủ Mỹ, hay vào bữa tối, câu chuyện lại xoay quanh những áp lực vẫn thường xảy đến với cậu ở văn phòng và những nơi tôi đã thăm viếng suốt cả ngày. Trên những họa tiết kẻ ca rô của khăn trải

bàn, cậu mài miết lẩn cây cán bột để nướng cho tôi những chiếc bánh thơm lừng. Tôi chưa gặp chàng trai nào yêu cái nhà bếp như cậu. Buổi sáng, cậu hỏi: “Cậu ăn bánh mì nướng chứ?” rồi đặt sẵn bánh mì, bơ và nước cam trên bàn cho tôi. Buổi trưa cậu nhắn tin hỏi: “Này, cậu có muốn ghé qua chỗ công ty tôi làm và cùng ăn trưa không?” Buổi đêm ba giờ, trở về sau một đêm nhạc Metal mệt nhoài, cậu bảo: “Tôi sẽ nấu gì đó để ăn thật lạ nhé?” Ở San Francisco, tôi đã lần đầu nói cho cậu nghe về sự khác biệt giữa phở và bún, rồi nhìn cậu ăn ngon lành thứ nước mắm mà chỉ nghĩ thôi nhiều người phương Tây đã ngại ngần. Lần đầu tiên trong đời, chàng trai Pháp ấy nêm món thịt kho tôi nấu và biết rằng dưa tươi và nước mắm có thể khiến món ăn đậm đà đến thế nào. Cũng chàng trai ấy đã uống cùng tôi thứ trà nóng hồi đêm trắng tròn vành vạnh, rồi nhón một miếng bánh Trung thu lúc trời bên ngoài chỉ còn 15°C.

Trên chiếc bàn ăn ấy, tôi và cậu vẫn thường vô tình trao nhau một ánh nhìn trêu mếu, trong lúc những ngón tay tự chúng tìm đến với nhau. Mỗi khi ngồi ở đâu đó đông người, chúng tôi vẫn thường giấu tay xuống dưới bàn, rồi lạng lẽ tay tìm tay. Những lúc như thế, tôi quên mất mình đã trải qua bao nhiêu cung bậc trong tình yêu, đã từng sống chết vì nó, đã từng đuổi theo nó đến cùng trời cuối đất, đã từng đứng bên bờ vực để nhìn tình yêu chết. Tôi quên hết.

Giống hệt như khoảnh khắc tôi đứng nhìn bình minh ghé đến cánh đồng Bagan bằng những tia nắng đầu tiên của ngày mài miết đan quện vào làn sương sớm. Những ngày ở Myanmar, hành trình hỏi hả sẵn tìm bình minh của tôi luôn bắt đầu bằng việc nhún chân liên tục trên chiếc pê đan xe đạp để đến chùa Shwesandaw, chờ mặt trời ló rạng. Khi leo đến đỉnh chùa, mặt trời chỉ như hòn lửa đỏ trôi lên khỏi một vùng mênh mông mờ ảo. Bắt đầu từ thời khắc ấy, khoảng không lớn rộng phía trên Bagan chuyển mình dịu dàng trong một chu trình kỳ diệu. Phía trên những chân mây đang ửng hồng, bình minh thả xuống những sắc cam ánh mật ngọt ngào, rồi sáng cánh đồng trong sắc vàng tinh khôi của buổi sáng nguyên sơ. Nhưng đoạn kết đẹp của bình minh Bagan thực sự đến sau đó. Khi ấy, bất chợt trên bức nền huyền hoặc, những đỉnh tháp trùng điệp hiện ra một cách đầy bí ẩn giữa cánh đồng ngút ngàn cây và sương. Ở cái khoảnh khắc mặt trời đẩy sức nóng lên phía lưng trời, hàng ngàn đỉnh chớp nhọn hoắt của Bagan cũng như vươn lên mãi trong

một cuộc hồi sinh từ đêm đen thăm thẳm. Tất cả những người ở trên đỉnh tháp chùa Shwesandaw với tôi đều ghen lời, hoặc chỉ thì thầm với nhau rất khẽ. Tôi đứng ở đây, giữa hàng ngàn đỉnh tháp chùa, nghe một thứ ánh sáng vi diệu vô hình nào đó đang chảy qua các mạch máu mình.

Như thể tôi chưa từng tồn tại hai mươi mấy năm dài vừa qua. Như thể tôi là một người mới. Như thể tôi đang tái sinh. Như thể tôi đang sinh ra lần nữa trong một giấc mộng, giấc mộng hoang đường diễn ra trong khoảng không bao la trước mặt.

Những cái chạm tay buổi sáng ấy của tôi và cậu, thoát nhiên cũng như ánh nắng ban mai trên cánh đồng Bagan ngày ấy rơi vào căn phòng trống trải trái tim tôi. Những cái chạm tay suôi ấm chuỗi ngày San Francisco sương mù ảm đạm. Những cái chạm tay gọi cả một mùa thu ulla về góc phố 18, trên những chiếc lá xào xạc và tiếng gót chân người đi vội trong cơn gió đầu mùa.

Tôi biết chắc rằng nhiều tháng năm về sau nữa tôi sẽ còn nhớ mãi nụ cười hạnh phúc của cậu khi trở về nhà sau tám giờ tối lúc trời San Francisco lạnh cóng, và thấy bàn ăn đang bày biện những món Việt Nam cậu chưa bao giờ thử trong đời. Tôi nhớ cậu đã thốt lên, “Tớ hạnh phúc quá!” và ăn ngon lành những món tôi nấu. Vào khoảnh khắc ấy, tôi biết trái tim mình đã lại rung động một lần nữa. Tôi yêu cậu, yêu San Francisco bằng thứ tình yêu tinh khôi như đóa hồng trắng mua ở một tiệm hoa nhỏ trong khu Mission chiều ấy, nồng nàn như ráng trời lặn đỏ sau đỉnh Marin, và tự nhiên như hơi thở những ngày mùa thu se lạnh.

Cậu dịu dàng chăm sóc tôi trong khi không mấy may hay biết về trái tim tan vỡ cùng tình trạng trầm cảm tôi đeo bên mình suốt hơn nửa năm qua. Với cậu, tôi là một vũ trụ đầy lạ lẫm bởi chúng tôi lớn lên trong hai thế giới hoàn toàn khác biệt. Cậu tự hào là anh cả trong một gia đình Pháp năm anh em, được cha mẹ yêu thương dạy dỗ từng điều. Còn tôi là chị cả trong một gia đình mà cha mẹ không còn yêu thương nhau nữa. Cậu như cái cây lớn lên trong khu vườn đầy ánh nắng mặt trời, được chăm chút tia tốt, còn tôi như cỏ dại chật vật sống còn ngày qua ngày. Sự xuất hiện của tôi trong đời cậu đã khiến cậu ngỡ ngàng về một thế giới của những con người khác

biệt hoàn toàn với cậu, sống cuộc sống đối lập với cậu, và nhìn cuộc đời chẳng may mắn giống cậu. Cậu không hiểu làm cách nào tôi có thể một thân một mình vác ba lô đi qua hai mươi bang, còn tôi thì không hiểu làm cách nào cậu có thể ru rú mà chưa hề đi khỏi California, và thế giới trong mắt cậu chỉ giới hạn ở châu Âu cổ kính cùng thành phố San Francisco bên bờ vịnh này. Cậu không hiểu sao tôi có thể gắn bó với một người sống cách mình nửa vòng trái đất chừng ấy năm trời, còn tôi thì không hiểu sao một chàng trai tử tế như cậu vẫn chưa có một mảnh tình vắt vai ở tuổi hai mươi bốn.

Tôi không muốn làm rạn nứt cái thế giới ấm áp của cậu bằng những câu chuyện về cái hố tối tăm nơi tôi đang rơi xuống, hay những nỗi đau tôi không thể miêu tả bằng lời, hoặc việc tôi đang cắm đầu đi mãi trên một hành trình chưa biết đâu là điểm cuối. Dù tôi biết với sự tử tế vốn có, cậu sẽ ngồi hàng giờ để lắng nghe về những góc khuất, những đoạn đường không ánh sáng mà tôi đã đi qua. Trong cuộc đời mình, ta sẽ gặp không ít người mà ta có thể chia sẻ nhiều điều, nhưng rồi ta sẽ sớm nhận ra rằng, dù có cô đến mấy, họ vẫn chỉ nhìn ta như một vũ trụ xa lạ. Sự xa lạ ấy không làm tổn thương ai, nó chỉ khiến cho ta bối rối đôi chút với cảm giác ái ngại rằng mình đang làm phiền họ, đang làm mất thời gian của họ hay đang lãng phí tâm trí của họ cho một câu chuyện đáng ra họ không cần phải nghe. Nhưng trong cuộc đời ta cũng sẽ có những người chạm vào tâm hồn ta bằng sự cảm thông đầy nhân ái, dù họ và ta chỉ là những kẻ mới va vào nhau trên con đường đời xuôi ngược xuôi ngược. Họ nhìn thấy một câu chuyện khác mà ta không kể. Bởi, suy cho cùng, ai mà chẳng có những câu chuyện đằng sau ánh mắt hay nụ cười của mình, và ai mà chẳng ước ao có ai đó ngoài kia đủ thương yêu để ngồi xuống cạnh ta, lắng nghe ta hàng giờ.

Bằng cách đó, chúng tôi cứ thế bước vào thế giới của nhau, từng chút một. Tôi đủ cảm thông để hiểu thế giới của cậu, còn cậu nhân ái lắng nghe về thế giới của tôi. Con đường đời của hai chúng tôi đã gặp nhau ở đây, giữa San Francisco. Tôi đến trong đời cậu khi cậu đã ở đỉnh điểm của nỗi cô quạnh, còn cậu xuất hiện trong đời tôi khi tôi đã đến đáy của sự đớn đau. Mọi thứ vỡ òa trong tiếng nhạc âm ỉ vang khắp hộp đêm hôm ấy, khi một DJ nổi tiếng đến từ Chicago mà cậu yêu thích đang chơi nhạc suốt nhiều giờ liền.

Tôi hét lên để át âm thanh ồn ã chung quanh: “Tôi đã luôn muốn hôn cậu từ ngày đầu chúng ta gặp nhau,” rồi nhìn cậu sững sờ trong tia đèn sắc sỡ quét khắp hộp đêm. Cậu im lặng trong một khoảnh khắc. Rồi cậu cười, nụ cười tỏa rạng. Chúng tôi cứ thế nhìn nhau trong một khoảnh khắc, cái nhìn trần trụi không cần phải giấu giếm điều gì. Trong ánh nhìn ấy, thế giới biến mất, âm thanh biến mất, và cậu tiến về phía tôi, gần đến nỗi tôi có thể nghe thấy tiếng thở của cậu, cho đến khi tôi nhận ra đôi môi mình ướt lịm. Chúng tôi hôn nhau. Chỉ hôn và hôn. Ở góc hộp đêm chập choạng ánh đèn, chúng tôi lần đầu tiên ghì sát nhau đến thế, và hôn. Như thể chúng tôi đã đợi suốt cuộc đời mình để có những cơn hôn như tan vào nhau. Như thể những cơn mưa đầu mùa hạ, từng giọt nhỏ thánh thót đập vào ô cửa kính chỉ là bắt đầu của một cơn dông. Môi chạm môi, lưỡi quyen vào lưỡi, tay siết lấy nhau. Chúng tôi bắt đầu hôn nhau một cách điên dại trong lúc đám đông say xỉn nào đó bên cạnh đang gào thét. Nụ hôn kiểu Pháp với một chàng trai Pháp. Mặt tôi nóng bừng. Tim tôi ngừng đập. Vội vã. Nghẹt thở. Chúng tôi quấn lấy nhau. Cậu thở hổn hển. Có một khoảnh khắc chúng tôi dừng lại trong im lặng, chỉ để nhìn nhau. Đôi mắt màu xanh của cậu trong veo tựa như mặt hồ mùa thu không gợn sóng.

Rồi chúng tôi lại ngập chìm trong vũ trụ của những cơn hôn mê đắm.

Đêm ấy, khi cậu đã ngủ say, tôi nhìn lên thứ bóng tối âm đạm phía trên đầu, thấy căn phòng xung quanh bỗng trở nên lớn rộng quá đỗi, như thể trần nhà cứ cao lên mãi không với tới được. Thình thoảng, khi đứng một mình bên lan can cầu Cổng Vàng, tôi thử tưởng tượng điều gì sẽ xảy ra khi làn nước biển xanh ngắt miên man dưới chân hòa vào làm một với dải chân trời với vợi phía xa, rồi tất cả đổ ụp lên đầu tôi. Tôi sẽ chết, điều đó là chắc chắn. Nhưng cái chết ấy xem ra cô đơn quá. Một mình tôi với biển nước màu xanh trên đầu. Gần hai ngàn người đã nhảy xuống từ cây cầu này, có lẽ họ cũng cô đơn như thế.

Lần đầu tiên khi đến Cổng Vàng, tôi không biết điều gì đã níu giữ mình lại khi loanh quanh ở chiếc cầu ấy suốt tám tiếng đồng hồ. Khi tôi đứng ở phía bên này cầu, bầu trời xanh vẫn còn phủ một màn sương mờ ảo phía trên hai cây cột màu đỏ lộng lẫy. Đến khi tôi rời

đi, Cổng Vàng đã say ngủ trong ánh đèn màu lấp lánh. Lúc nghe tóc mình thổi tung trong gió lồng lộng, tôi nghĩ đi bộ cho hết chiều dài Cổng Vàng là cách tốt nhất để tôi chạm vào cây cầu rực rỡ này. Tôi bắt đầu hành trình trên cây cầu từng là cầu treo dài nhất thế giới từ phía Presidio trong một chiều nắng mờ chút hơi sương. Lùa vào dòng xe cộ hồi quả giữa Cổng Vàng cũng là một cách hay. Nhưng nếu thế thì chắc chắn tôi không thể chạm vào nhịp dây võng khổng lồ, hay ngược nhìn hai đỉnh trụ cầu đóng khung trên nền trời, hoặc cảm nhận lòng cầu thỉnh thoảng rung lên một vài nhịp khi đám đông xe lướt qua. Tôi chắc chắn cũng không có đủ thời gian để ngắm nhìn thành phố qua vịnh San Francisco như khi đang vịn tay lên lan can màu đỏ, hít một hơi dài luồng gió chạy loáng quáng từ biển xô vào.

Màu sắc sắc sỡ của Cổng Vàng gợi tôi nhớ đến những vách đá sa thạch đỏ ở thành phố Trung Đông Petra, Vương quốc Jordan. Về huy hoàng đầy kiêu hãnh dưới ánh mặt trời ấy không giấu nổi nỗi buồn chết chóc của một thành cổ hoang phế trong nhiều năm. Có lẽ vì vậy mà, với tôi, cây cầu Cổng Vàng cứ toát lên một nỗi buồn rực rỡ trong buổi chiều đầy nắng. Hãy thú thật với nhau điều này, tôi không đến Cổng Vàng như một biểu tượng nổi tiếng của thành phố theo kiểu: “Đến San Francisco mà không đến Cổng Vàng cũng như đến New York mà không thăm tượng Nữ thần Tự Do.” Tôi đến Cổng Vàng để tìm câu trả lời cho câu hỏi vì sao người ta lại thích chết ở nơi này đến thế. Thứ tôi muốn biết nhất là bầu không khí của nơi đẹp-đẽ-chết-chóc này, nơi mà người ta ước tính có ít nhất một ngàn sáu trăm người đã tự sát suốt bảy mươi sáu năm qua, kể từ khi chiếc cầu hiện diện ở San Francisco. Con số khủng khiếp này khiến cây cầu màu đỏ cam huy hoàng trở thành nơi chết chóc đáng sợ hơn bất cứ thắng cảnh nào trên thế giới. Cơ hội sống sót của những người chọn cái chết bằng cách nhảy xuống từ lan can cầu là vô cùng hiếm hoi, nhất là khi lao đầu xuống nước với vận tốc gần 129 cây số một giờ.



Cầu Cổng Vàng, nơi đẹp để chết chóc nhất San Francisco

Trong ánh trời trong xanh lạ kỳ ngày đầu thu, những thông điệp đầy nhân văn trên chiếc bảng đóng ở trụ cầu ánh lên lấp lánh. “*Vẫn còn hy vọng. Hãy gọi cho chúng tôi. Hậu quả của việc nhảy từ chiếc cầu này là chết người và rất thảm thương.*” Vậy nhưng tại nơi này, cứ hai tuần người ta lại chứng kiến một bi kịch tự vẫn. Khi băng qua Cổng Vàng lên mũi Marin, đứng trên đỉnh đồi trong cơn nắng cuối ngày, tôi ngắm nhìn cây cầu rực đỏ như đang cháy trên nền biển và

trời xanh trong vơi vơi. Phía xa, chân trời giăng mắc một màn sương trắng lãnh đăng như bông phủ lên thành phố bê tông bên dưới. Khi ấy, tôi thực sự đã hiểu vì sao người ta chọn Cổng Vàng là nơi để chết. Đơn giản vì đó là một nơi quá đẹp để, lộng lẫy và tráng lệ để tận hưởng những khoảnh khắc cuối cùng của cuộc đời. Ai mà chẳng muốn kết thúc chuỗi ngày sống của mình bằng những giây phút đẹp. Họ sẽ tắm rửa sạch sẽ, vận bộ quần áo đẹp nhất, rồi ngã mình trên giường sau khi đã tống vào họng một vốc thuốc cùng rượu. Họ cũng có thể, như anh bạn đã tự tử hụt của tôi ở bang Arizona, dành nhiều ngày để sơn lại bức tường phòng ngủ cho thật rực rỡ trước khi quyết định quyên sinh. Hay như tôi đã chọn ngày xuân D.C. trong veo sắc trời và lãnh đăng những cánh anh đào để tìm một ga tàu điện ngầm cho ý định tự sát. San Francisco đẹp, mà San Francisco cũng buồn quá đổi.

Những ngày sương mù phủ kín bầu trời, tôi lại thấy cậu lồi cò ra hút, thường là bằng chiếc tàu nhỏ. Cậu nói thành phố này quá buồn, sự cô độc của cậu cũng quá buồn. Nếu ai đó ở San Francisco giới thiệu họ là “420 friendly”, thì họ đang ẩn dụ mình là một người hút cần sa hoặc thoải mái làm bạn với những người hút cần sa. Thỉnh thoảng, trên vỉa hè, tôi cũng dễ dàng nhận ra mùi thơm nồng của cỏ khi đi ngang một người trẻ tuổi. San Francisco quả thật buồn đến thế chẳng? Buồn đến độ người ta phải leo lên cầu Cổng Vàng và chết?

Bởi, sau những ngày đầy mây mù lạnh lẽo, thế nào San Francisco cũng nắng lên một cách đầy khó hiểu và lồi tôi ra khỏi nhà trong một ngày rất đẹp. Để chiếc áo lạnh thùng thình ở nhà, tôi dạo quanh từng góc phố nhỏ nhỏ trong lúc những sợi nắng thi nhau đổ xuống vỉa hè lát gạch. Tôi thường nhắm mắt lại mà hít một hơi thật dài khi đợi tín hiệu đèn ở góc đường 18 và Valencia, chưa bao giờ cảm thấy dễ chịu hơn lúc ấy. Tôi thích vô cùng những buổi đi bộ trở ngược lên con dốc khi bầu trời đã hửng nắng giữa chiều, ghé vào cửa tiệm có anh chàng pha chế kỳ quặc với những móng tay sơn màu đen ở Dynamo trên đường số 24, kêu chiếc bánh donut chanh dây và một ly latte nóng. Đỉnh đồi công viên Dolores là nơi mà đã bao lần tôi ngắm nhìn San Francisco, khi thì trong màn sương mù dày đặc lúc nửa đêm, lúc thì bầu trời vẫn còn sắc xanh thời điểm thành phố mới lên đèn, rồi cả những trưa thứ Bảy rộn ràng mây và gió nữa.

Những ngày ở khu Mission nơi cậu sống cũng muốt đầy vị kem Honey Lavender ở quán kem Bi-Rite Creamery trên đường số 18, hoặc cái tên kỳ cục Secret Breakfast ở quán kem Humphry Slocombe nằm ngay góc đường 24-Harrison. Làm sao buồn được nếu hòa vào con đường ven biển đông đúc những bến cảng lao xao tiếng gió, ghé vào những cửa tiệm trang hoàng sắc sỡ ở cầu tàu số 39? Hoặc lạc vào thế giới kỳ ảo mộng mị khi ngắm nhìn thành phố ngập trong màn sương từ đỉnh đồi Telegraph? Xét cho cùng, San Francisco không có những tòa cao ốc kỳ vĩ làm tôi phải nín thở ngược nhìn như New York, không có những nhà hàng khiến tôi phải xuýt xoa mãi khi ăn như ở New Orleans, không có cái chất hoa lệ màu mè của Vegas, vậy mà từ lúc nào chẳng hay, thành phố kỳ lạ này đã mãi mãi đánh cắp trái tim tôi và không bao giờ trả lại nữa.

Bởi San Francisco có cậu. Bởi những ngày đầu thu ấy có sự dịu dàng của cậu. Bởi vào những đêm ấy, trong ánh sáng chập choạng, cậu vẫn thường choàng tay sau lưng tôi, nhẹ nhẹ lướt đi như cơn gió chiều mùa hè mơn man đồng cỏ đại. Vào những đêm như vậy, có đôi khi tôi cứ nhìn mãi cậu như thể nếu bất ngờ nhắm mắt lại, cậu sẽ vĩnh viễn biến mất khỏi cuộc đời tôi. Thứ tình cảm đầy bản năng này hết như một hố đen và tôi cứ thế đắm đầu vào, không làm cách nào cưỡng lại được.

Chương 21

Tôi thức dậy vào giấc trưa một ngày giữa tháng Chín. Chủ nhật nắng gắt sau một tuần mây mù bao phủ thành phố. Theo giờ Việt Nam, hôm nay là sinh nhật tôi. Cuối tuần, chúng tôi sẽ cùng nhau đi chợ nông sản⁽¹⁾ “Heart of the city” ở gần tòa Thị chính thành phố. Trong giấc trưa, tôi nhìn cậu thoăn thoắt chọn những trái dâu tây và hạt óc chó, cẩn thận xách một hộp đựng trứng. Tôi đi theo cậu, nghe một niềm hạnh phúc dâng lên khi nhìn cậu mua những thứ chuẩn bị cho sinh nhật mình. Chàng trai người Pháp với chiếc túi xách bên tay trái loanh quanh khắp khu chợ để lựa những thứ thơm và tươi nhất. Tôi chẳng nghĩ ngờ gì việc những người sinh trưởng ở Paris như cậu thường có một tiêu chuẩn sống tinh tế và kiểu cách (theo cái nhìn đầy soi mói và ngán ngẩm của tôi). Với cậu, ăn là phải ngon, mặc là phải đẹp, nghe nhạc thì phải hay, và sống thì phải lành mạnh. Chúng tôi từng suýt cãi nhau trong lần tôi về nhà với gói snack Mexico, bụng đang đói meo, và cậu thì nhìn tôi chòng chọc. “Làm sao cậu có thể ăn cái thứ này được?” Tôi buông một câu thần nhiên: “Tôi đói. Khi đói, tôi cần phải ăn. Và tôi không quan tâm. Hiểu chưa?” Tưởng cậu sẽ tiếp tục rao giảng về ích lợi của việc ăn những thức ít béo, có lợi cho sức khỏe, hay những thứ ở tiêu chuẩn “ngon” của cậu, ai ngờ sau đó cậu đi vào bếp. “Tôi sẽ nấu thứ gì đó cho cậu,” Cậu nói, làm tôi sững sờ rồi phá lên cười. Cũng chính “chuyên gia ẩm thực người Pháp” ấy từng lôi tôi ra khỏi nhà, đi qua tám góc phố, leo ngược lên ba con dốc chỉ để đến được tiệm thực phẩm cậu thích và mua đúng món xúc xích mà cậu ưng. Nên tôi cũng chẳng lấy làm ngạc nhiên khi cậu lại lôi tôi xềnh xệch ra khỏi quầy nho tôi đang mua để chỉ cho tôi “nơi bán nho ngon nhất khu chợ”.

Nhưng cậu không phiền gì khi đợi tôi đứng hàng giờ ở quầy bán hoa tươi và tận ngàn chọn những loại hoa khác nhau để cắm một bình bông cho ngày sinh nhật. Chúng tôi hỏi nhau xem hướng dương thì nên cắm với đồng tiền hay cát tường? Salem màu tím thì nên kết hợp với loại hoa màu gì? Cuối cùng, tôi mang về nhà bốn bông hướng dương vàng đơm, một bó salem tím pha lẫn xanh

duyên và những bông hoa đồng tiền màu hường. Cậu đứng nhìn tôi kết hợp tất cả chúng lại trong chiếc bình sứ màu nâu, chốc chốc lại đi qua phòng khách để căn giờ lấy bột nhồi làm bánh ra khỏi tủ lạnh. Khi cắm xong bình hoa tươi, tôi mới nhận ra cậu đứng lặng lẽ ở cửa tự khi nào, nhìn tôi đầy trìu mến. Những cánh hoa vàng hồng xanh tím khi ấy ngả đầu vào nhau rất dỗi hiền lành trong bình, lặng im nằm trong một góc phòng bếp. Đôi mắt và ánh nhìn của cậu khiến tôi cảm thấy như thể sàn nhà trải thảm dưới chân đang biến thành đồng cỏ, và chạm khẽ vào chân tôi lúc ấy là hàng ngàn những khóm hoa đang bung nở dưới bầu trời mùa thu xanh trong. Tôi thấy mình là cô bé con chỉ mới chín tuổi, lú lú chạy quanh những luống hoa kiêu diễm, khuôn mặt rạng rỡ như thể lần đầu thấy những thứ đẹp đẽ như vậy hiện diện trong đời. Trong đôi mắt long lanh màu trời của cậu, tôi đọc được một thứ tình cảm đặc biệt hơn tình yêu. Tựa hồ như số phận thực sự đã gắn những sợi dây liên kết vô hình lên tôi và cậu, và vào lúc này đây, những sợi dây ấy siết chặt hơn, nhiều hơn mỗi ngày. Chúng nói với tôi rằng, dù có đi đâu đi nữa, tôi và cậu rồi sẽ vẫn có mặt trong cuộc đời nhau theo một cách nào đó. Đơn giản là sẽ không ai muốn ra đi, đơn giản là số phận không cho ai ra đi. Giữa căn phòng bếp chật hẹp ngày ấy, tôi không biết rồi chúng tôi sẽ đi bao xa cùng nhau trong cuộc sống này. Nhưng tôi biết một điều rất rõ, rằng chúng tôi chắc chắn được sinh ra để gặp nhau ở đây, giữa San Francisco.

Cuối cùng thì cậu cũng lên tiếng: “Cậu cắm hoa đẹp lắm.”

“Cảm ơn cậu,” tôi mỉm cười.

“Cậu làm tôi nhớ nhà quá!” Cậu cũng cười, mắt long lanh. Như thể cậu nhìn tôi, và thấy một thứ gì đó khác ở nơi xa xăm nào đấy.

Tôi bối rối.

“À, cậu làm tôi nhớ những bụi hoa trong vườn nhà bố mẹ tôi ở Paris. Vào mùa này, có lẽ hoa vẫn còn đang nở. Mẹ tôi thường cắt hoa ngoài vườn đem cắm trong bình thủy tinh.”

“Cậu là người đàn ông đầu tiên tôi gặp mà yêu hoa đến vậy,” tôi thú nhận. “Vào mỗi lần sinh nhật, bất kể nhận được từ bạn bè bao nhiêu hoa đi nữa, tôi vẫn thường đích thân ra tiệm hoa tươi quen

thuộc dạng mua cho mình những bông hoa tôi thích nhất. Sau đó tôi cắm hoa vào bình và coi đó là món quà bất di bất dịch mỗi năm tôi đều tự tặng mình, dù tôi ở đâu và làm gì cũng vậy.”

Rồi cậu bắt đầu cán bột trong lúc tôi chậm rãi cắt từng trái dâu tây đỏ mọng. Khi bánh ra lò, cậu giành phần xếp những lát dâu một cách khéo léo lên trên mặt bánh. Bánh tart dâu tây cho ngày sinh nhật, đây là lần đầu tiên trong đời có một ai đó đích thân đi chợ, mua nguyên liệu và vào bếp làm cho tôi một chiếc bánh sinh nhật. Và đó lại là người tôi yêu. Vậy là tôi đang ở cách nơi mình sinh ra nửa vòng trái đất, trong vòng tay một chàng trai người Pháp và với những miếng bánh tart dâu tây ngọt ngào. San Francisco lạnh, song bàn tay cậu ấm. Lúc chúng tôi đi bộ cùng nhau lên đến đỉnh đồi công viên Dolores, những ánh đèn vàng thỉnh thoảng soi bóng xuống bãi cỏ. Thời gian trôi bồng bềnh như thể mỗi phút giây vừa tự kéo dài ra. Tôi đã nghĩ là cuộc đời mình nên tạm dừng ở đây vài phút. Bởi vào lúc ấy, tôi nhận ra mình đã say đắm nơi này, say đắm cậu và say đắm đôi mắt xanh màu trời của cậu. Vào đúng lúc ấy, mọi cảm xúc ứa đến, đổ ập xuống trái tim tôi. Bầu trời đêm ngừng lấp lánh những vì sao, ánh đèn đường thôi nhấp nháy trên triền dốc dưới chân, gió ngừng xào xạc len qua những vòm lá trên đầu, và cuộc đời tôi dừng lại một quãng ở đây, trong cái hôn hiền lành ngày đầu thu.

Và đó là lúc tôi bước qua tuổi hai mươi sáu.

Chương 22

Một trong những đam mê lớn của cậu, bên cạnh ẩm thực và lập trình, là âm nhạc. Tất nhiên, nói theo kiểu Pháp, là nhạc hay (còn “hay” là thế nào thì đến nay chúng tôi vẫn chưa ngã ngũ trong cuộc tranh cãi về các thể loại nhạc). Thỉnh thoảng trong lúc cậu đang vừa lập trình vừa thao thao bất tuyệt về một ban nhạc nào đó, còn tôi thì ngán ngẩm vì bị phân tâm lúc đang tập trung vào viết lách, tôi hỏi bằng quơ: “Này, cậu có thể vui lòng ngừng nói và hôn tôi không?” Chỉ cần nghe tiếng những ngón tay cậu thôi lướt trên bàn phím, tôi biết rằng ngay sau đó cậu sẽ tự động đặt bàn phím xuống, nhảy ra khỏi ghế bành và đi đến chỗ tôi. Kiểu đùa như vậy cuối cùng lại là cách hữu hiệu để cắt những câu chuyện dài dòng về tình yêu âm nhạc của cậu, trước khi chúng tôi lại vùi đầu vào một cuộc tranh cãi không có hồi kết. Nhưng có một thứ chúng tôi chưa bao giờ phải hơn thua lấy một lần, là mỗi khi nói về Metal. Bởi cả hai đứa đều là “Metalhead”, những fan hâm mộ thể loại nhạc Metal.

Trước khi tôi đi khỏi San Francisco, cậu nhắc đến việc chúng tôi nhất định nên đi cùng nhau đến một đêm nhạc Metal. Vừa hay, tối ấy có một đêm chơi Metal ở thành phố Oakland kế cận. Chúng tôi đi bộ khoảng hai mươi phút sau khi ra khỏi ga tàu điện ngầm. Đường phố vắng tanh, gió lạnh. Thỉnh thoảng có vài chiếc xe chạy ngược chiều. Đêm nhạc bắt đầu khá trễ, tầm 10 giờ tối. Ngoài trời khi ấy chỉ còn 13°C. Sân khấu đơn giản, một chiếc bạt trang trí những bức rèm đen, đèn treo đầy trên trần, bên dưới là khoảng trống rộng vừa đủ chứa độ hơn trăm người. Những đêm nhạc thế này, ngoài bia và thuốc lá, vẫn thường có người xài ma túy. Trong lúc bóng tối phủ ngập căn phòng và sân khấu sáng bừng những tia đèn rực rỡ, hàng trăm người trẻ hét gào theo tiếng nhạc. Tiếng trống đập dồn dập nhanh hơn cả nhịp tim, tiếng guitar lead réo rắt như muốn bút tung những dây thần kinh trong não, tiếng guitar bass trầm đục như nhấn người ta vào đáy sâu hư không, và giọng hát của ca sĩ chính đủ khiến người ta phải gào lên đến khản cổ.

Tiếng nhạc bùng ra từ sân khấu, lao đi, đổ rập khắp phòng, khuôn mặt anh chàng ca sĩ chính đắm chìm trong nhạc, nhưng càng hát càng máu lửa. Cứ mỗi nhịp trống, đám đông bên dưới lại càng “phê”. Họ xô nhau giành lấy một chỗ ngay gần bục sân khấu hay rũ rượi tóc tai vì quăng quật theo điệu nhạc. Càng về cuối, các ban nhạc chơi càng hăng, là lúc đám đông bắt đầu hỗn loạn. Khi ấy, sẽ dễ nhận ra hơn, trong đám những anh chàng tóc dài ngang vai, cánh tay xăm trổ, đang xô đẩy nhau giữa căn phòng kia, vài người phê thuốc. Để bảo vệ tôi tránh xa nhóm thanh niên đang trở nên quá khích, cậu giữ chặt lấy tôi để không ai có thể động vào, vuốt mồ hôi giữa đám người lèn chặt gần sân khấu. Trong lúc tiếng nhạc phá vỡ những giới hạn chịu đựng của não, tôi thấy mình mệt lử trôi đi giữa những lưng áo màu đen trước mặt trong lúc đôi chân vẫn dính chặt xuống mặt sàn. Mỗi khi kết thúc một bài hát, tôi lại nghiêng đầu sang bên phải, mệt nhoài, và chúng tôi hôn nhau trong lúc cậu vẫn giữ chặt tôi từ phía sau suốt tiếng đồng hồ vừa qua.

Lúc hai giờ sáng, chúng tôi và một hai anh chàng khác là những người cuối cùng ra khỏi đêm nhạc. Tôi những tưởng đêm sẽ kết thúc ở đây cho đến khi một cuộc ẩu đả không ai ngờ tới xảy ra trong lúc tiết trời lạnh giá và gió thổi tung những tán cây bên đường.

“Này, dừng lại, đừng ném!” Cậu hét lên rồi ngay lập tức chạy ra khỏi chỗ tôi đến góc đường. Vừa kịp định thần thì tôi hiểu ra rằng cậu đang cố can ngăn một gã da trắng cao gần một mét chín, phê thuốc, không cho gã ném vỡ cửa sổ tầng hai của một tiệm ăn. “Đừng ném!” Cậu lại hét lên.

“Mày là thằng chết tiệt nào?” Bị can thiệp, gã chuyển sự chú ý sang cậu, hạ cánh tay cầm viên gạch xuống, rồi bất thành linh thui một cú rất mạnh vào mặt cậu. Nhận cú đánh bất ngờ, cậu lão đảo. Tôi đứng cách đó mười mét, sững sờ. Gã kia lao tới. Rất nhanh, phản xạ của một võ sinh Tây Sơn Võ Đạo khiến cậu vung chân lên để đạp gã ra xa.

“Không ổn rồi. Gọi 911 ngay!” Một giọng nói vang lên giữa đám bọn tôi, rồi anh chàng ấy nhanh chóng chạy đến bên cạnh cậu. “Này anh bạn,” anh chàng nói với gã ẩu đả: “Đừng đụng đến cậu ấy. Tội tao gọi cơm rồi, họ sẽ tới nhanh thôi.”

Nghe đèn từ “cóm”, gã ném viên gạch xuống vỉa hè, hậm hực bỏ đi sau khi tuôn ra một tràng từ ngữ tục tĩu. Tôi chạy ngay đến, run người vì lo cho cậu. Rất may cậu chỉ bị thương chút bên má. Năm phút sau cảnh sát xuất hiện, chúng tôi trình báo về vụ gây lộn và hình dáng của gã phê thuốc. Vì vụ ẩu đả không quá nghiêm trọng và gã kia đã bỏ đi nên chúng tôi có thể ra về. Xem thái độ của hai cảnh sát thì tôi có thể đoán những việc như thế này xảy ra quá thường xuyên, vì ai mà chẳng biết Oakland là một trong những thành phố nguy hiểm nhất bang California.

“Cậu làm tôi sợ chết khiếp!” tôi nói sau khi nhóm bạn kia ra về theo một hướng khác và dặn cậu cẩn thận. Cậu quyết định gọi một chiếc xe Uber để đưa chúng tôi về nhà. “Tôi biết cậu là người tốt, nhưng đôi lúc cậu phải cẩn thận để tránh những nguy hiểm như thế này!” “Tôi chỉ thấy đề gã kia ném vỡ cửa kính trước mặt mình thì thật không hay ho gì,” cậu giải thích.

Tôi thở dài. “Đồng ý đó là việc làm không ra gì. Nhưng tôi không tưởng tượng được gã cao mét chín đó sẽ có thể làm gì cậu nếu đêm nay không có mấy anh chàng kia. Chắc tôi sẽ gọi cảnh sát và xông vào cạnh cậu, dù tôi chẳng có miếng võ nào trong người cả.”

“Đừng lo, tôi nghĩ sẽ ổn thôi,” cậu trấn an. “Tôi thấy thật may vì đã theo học lớp võ không bỏ buổi nào. Các thầy người Việt ở San Francisco rất nghiêm khắc. Mà mấy anh chàng kia cũng tuyệt đấy chứ, họ cùng tôi chống lại gã khủng nọ.”

“Trời ạ. Tôi chỉ biết một điều là cậu đã làm tôi sợ muốn chết!” Tôi cảm thán.

Để trở về khu Mission, chiếc xe băng qua cầu San Francisco - Oakland Bay lộng lẫy ánh đèn khi đã quá nửa đêm. Trên cầu, xe lướt đi vun vút giữa những làn đường thoáng đãng, bên phải là downtown San Francisco lấp lánh đèn đêm. Trôi theo chiếc xe, những dây đèn màu trắng của cầu in hằn lên cửa kính, rồi lại vụt mất, rồi lại hiện lên như thể chúng tôi đang lướt đi trong một giấc mơ. Tôi nhớ rất rõ khi còn là một cô bé, một thiếu nữ mới bước qua tuổi dậy thì, tôi cũng có những giấc mơ như bất cứ cô gái nào trên trái đất này. Và mỗi người yêu đến trong cuộc đời đều giúp tôi, hoặc cùng tôi thực hiện một hay nhiều giấc mơ nào đó. Đêm nay, cây cầu

này, thành phố này, chuyên xe này, và cậu, cũng là một giấc mơ khác tôi đã từng mơ khi còn là một cô gái bên lên hé đôi mắt nhìn vào cuộc đời. Ở trong vòng tay cậu, tôi chưa bao giờ cảm thấy sợ hãi hay bất an. Ngay cả khi cậu xuất hiện trước mặt tôi ở bên xe với cái dáng người mảnh khảnh, tôi vẫn không thể tưởng tượng được đến một ngày cậu lại chính là người sẽ chữa lành vết thương cho mình. Giờ đây, tôi thực sự tin rằng mỗi khoảnh khắc, mỗi sự việc xảy ra trong đời chỉ là để chuẩn bị cho tôi đến giây phút này, khi tôi đang trôi đi dưới ánh sáng lộng lẫy của cầu San Francisco - Oakland Bay, tay trong tay với người tôi thương, và chẳng còn chút đau nào nữa. Tôi siết tay cậu chặt hơn một chút, chỉ để chắc rằng tôi thực sự đang sống trong một giấc mơ San Francisco. Và dù cho đây có thể là giấc mơ cuối cùng mà tôi được mơ trong vòng tay của cậu, tôi cũng đã không hối tiếc bất cứ ngày tháng, khoảnh khắc nào bên cậu giữa thành phố sương mù này.

Chương 23

Cậu xoa nhẹ bàn tay lên hình xăm phía sau gáy tôi, miên man phủ lên bờ vai tôi bằng mùi dịu ngọt của thứ xà bông Syria màu nâu sẫm. San Francisco vẫn lạnh cái lạnh tháng Chín. Cậu mài miết làm công việc ấy như một nghi thức thiêng liêng. Tôi khẽ ngả đầu khi cảm nhận được bờ môi cậu ở gần vai mình. Cậu vuốt một làn nước ấm mơn man thân thể tôi trong lúc đặt lên bên vai phải một nụ hôn. Cậu dịu dàng như tia nắng đầu mùa xuân hiền lành, còn tôi là đám cỏ còn ẩm hơi sương sót lại từ ngày đông cuối cùng. Tôi mơ hồ thấy mình tan đi khe khẽ giữa căn phòng tắm có khung cửa sổ màu xanh lá cây, như thể, trong một phút chốc, tôi chính là thứ không khí thình lạng kia đang trôi giữa căn phòng, bao phủ lấy hai thân thể đang lạng lẽ bên nhau.

“Cậu xăm hình này sau gáy khi nào?”

Tôi trả lời, không quay lại, “Tháng trước, vào một ngày không có gì đặc biệt. Một ngày như tất cả mọi ngày.”

“Tôi cũng thích ý nghĩ có một hình xăm, nhưng có lẽ chưa phải là bây giờ.”

“Đừng vội, nếu cậu chưa thực sự muốn có nó. Kể từ năm lên bảy, tôi đã muốn có một hình xăm, như thế là quá sớm, nhỉ?” Tôi cười. “Tôi mất hai mươi một năm để đến ngày ấy, ngày tôi bước vào tiệm xăm mà bảo, tôi muốn có hình xăm này. Với tôi có một hình xăm cũng như có thêm một bộ phận trên cơ thể mình. Cậu phải chắc là cậu muốn có nó, chắc rằng cậu sẽ chẳng hối hận gì một khi đường mực đã ăn vào da, và chắc rằng nó đáng với khoảng thời gian ngồi trên ghế xăm mà chịu nỗi đau da thịt đó. Với tôi, nỗi đau ấy chẳng đáng gì, bởi khi ấy tôi có một nỗi đau khác lớn hơn trong tim mình.”

Rồi chúng tôi im lặng giữa tiếng nước nhè nhẹ dâng lên trong bồn. Có đôi khi chúng tôi vẫn như vậy, chẳng nói gì, chỉ để cho thời gian gõ nhịp mệnh mông đầu đó trong tâm tưởng. Mỗi khi bên cậu,

thời gian với tôi chỉ còn là một khái niệm chưa từng tồn tại. Tôi có thể ngồi đây cả đêm bên cậu, hoặc tôi cũng có thể ở bên cậu suốt đời, nếu chúng tôi được sinh ra để dành cho nhau. Đôi mắt trong veo của cậu và đôi mắt hay vương sầu muộn của tôi vẫn thường nói với nhau nhiều điều trong thinh lặng. Tôi chẳng tìm được chút vồn vã nào trong mối quan hệ lạ kỳ này. Mọi thứ đến tự nhiên như thể có lẽ chúng tôi đã hẹn nhau ở đây, giữa San Francisco từ kiếp trước. Sự yên bình cậu đem lại cho tôi ở thành phố mù sương này là những giây phút mà tôi đã khắc khoải kiếm tìm trong khổ sở từ ngày bị bỏ rơi lại trước cánh cửa hôn nhân.

Tôi ngồi đó trong làn nước ấm mà cậu vừa cố ý phủ lên vai mình. Cậu biết cơ thể tôi giữ nhiệt rất kém vào những ngày lạnh. Tôi ngồi đó lặng lẽ và mơ hồ nghĩ đến một ngày, góc tường màu trắng và những phút giây này chỉ còn là khung ảnh chiếu vội trên màn hình ký ức của mình. Hít lấy một hơi và chậm rãi nhìn quanh, tôi cố gắng ghi nhớ tất cả những cảm giác này, những vật dụng nhỏ bé trong căn phòng này, và ghi nhớ cả cậu vào khoảnh khắc này. Vậy là đủ cho một hồi ức sẽ không mờ phai trong nhiều tháng năm trước mặt.

Nếu tôi có thể làm một điều kỳ diệu là nhìn vào bên trong tâm trí mình, hẳn đó phải là một căn phòng bộn bề chất chứa hàng tỉ thứ. Ở mỗi ngăn ký ức, tôi giữ lại cho mình những điều mà người khác có thể đã quên. Chúng ta ai cũng vậy, ai cũng có những ngăn ký ức mà trong đó ta cất giữ những khoảnh khắc, hình ảnh rất riêng cho mình. Ở đó, phút giây là vĩnh cửu, môi hôn là mãi mãi, khuôn mặt người ta yêu thương là thứ không ai có thể chạm vào. Cuộc đời chảy trôi, thời gian chẳng đợi ai bao giờ, rồi đến lúc ký ức sẽ là thứ tài sản vô giá duy nhất còn lại trong cuộc đời. Đặt gì vào mỗi ngăn ký ức sẽ luôn là câu hỏi mà ta phải hỏi chính mình mỗi khi chuẩn bị đóng lại cánh cửa dẫn vào căn phòng tâm trí.

“Cậu sẽ nhớ giây phút này chứ?” tôi hỏi.

Cậu nói rất khẽ, “Tôi sẽ nhớ, rất lâu.”

Chúng tôi lại đi bộ lên đồi, lần cuối. Đêm, phía vịnh San Francisco, những dải đèn màu lấp lánh treo lơ lửng nơi chân trời, trên những cột trụ bê tông khổng lồ dựng đứng của trung tâm thành phố. Đêm mùa thu mới chớm, trời quang đãng lạ kỳ như thể màn

sương mù dày đặc ngày hôm qua chỉ là một giấc mơ không có thực. Chúng tôi đứng trên đỉnh đồi công viên Dolores, dõi mắt về thế giới nửa thực nửa mơ lấp lánh dưới kia, tự hỏi đêm nay, tòa tháp nào trong khu rừng bê tông ấy sẽ thức suốt đêm đợi mặt trời lên. Bởi chỉ còn vài tiếng đồng hồ nữa, chúng tôi sẽ xa nhau mãi mãi. Tôi, một cô gái Việt, và cậu, một chàng trai Pháp, đêm nay, giữa San Francisco, sự kết hợp này có vẻ chỉ tồn tại trong một cuốn tiểu thuyết nhiều màu sắc diễm lệ nào đấy mà khi đi ngang qua tôi thường chỉ phớt lờ liếc nhanh xuống bìa sách được vẽ bằng những nét mảnh dẻ mong manh.

Cậu nói cậu chẳng mong đến ngày chúng tôi chia tay chút nào, và cậu chắc chắn sẽ khóc. Rồi chúng tôi lặng im trong gió lạnh. Tôi nhìn vào khoảng không trước mặt, cố tưởng tượng ra đôi mắt màu xanh diễm tĩnh kia khi đắm lệ thì sẽ như thế nào. Ai đó đã nói với tôi rằng trên đời này không có tình yêu vĩnh cửu, chỉ có những khoảnh khắc vĩnh cửu trong tình yêu. Tôi sẽ nhớ những nụ hôn vội ở góc đường Dolores và 18, khi chúng tôi đứng chờ hàng giờ trước cửa tiệm kem Bi-Rite Creamery trong cơn lạnh run run. Khi đến lượt, chúng tôi sẽ bước vào, hỏi nhau xem hôm nay sẽ chọn vị kem gì, tôi sẽ đoán thứ cậu thích và cậu sẽ chọn thứ tôi muốn ăn. Và lần nào cũng vậy, tôi cũng sẽ nhún vai, cười và rúc vào ngực cậu khi biết chúng tôi lại chọn cùng một vị kem giống nhau. Ừ, tôi nói với mình, rồi tôi sẽ nhớ đôi bàn tay ấm áp cậu vẫn dắt tôi đi ngang qua phố Valencia để tìm mua vị sô cô la đắng cậu thích, nhớ những lúc chúng tôi dựa vào vai nhau trong căn phòng đập dìu tiếng nhạc của cậu, nhớ những món ăn cậu vẫn nấu cho tôi mỗi tối, nhớ những nụ hôn bất tận như không bao giờ dứt... Tôi yêu cậu và yêu những phút giây bên nhau của chúng tôi đến nỗi, chỉ nghĩ đến khi phải chia tay nhau, tôi đã muốn khóc nức lên như một đứa trẻ.

Sau một khoảng lặng dài, tôi lên tiếng: “Tôi ước mình gặp cậu trẻ hơn.”

“Nghe này,” giọng tự ái trẻ con của cậu chen ngang. “Tôi sinh sau cậu có mười tám tháng thôi.”

“Không, tôi không nói đến tuổi của cậu,” tôi nói giọng buồn rầu. “Một người chưa bao giờ nếm trải cảm giác đánh mất người mình

yêu thì sẽ không hiểu được điều tôi đang nói. Cậu còn trẻ và còn cả những tháng năm tuổi trẻ trước mặt. Tôi muốn cậu hãy nhảy vào cuộc đời, yêu, say, và chia tay, và đổ vỡ, rồi lại yêu, say, chia tay, và đổ vỡ. Hãy sống hết mình cho những năm tháng đó, đạt được tất cả những gì cậu khát khao. Khi ấy cậu sẽ biết mình thực sự muốn gì. Khi còn trẻ, người ta dễ mắc một sai lầm, rằng còn rất nhiều cơ hội khác đang chờ ở phía trước. Người ta dễ đánh mất lựa chọn của cuộc đời mình mà chẳng hay. Sau khi cậu ném đủ mọi dư vị của cuộc đời, và nếu chúng ta sinh ra là để dành cho nhau, số phận sẽ đưa tôi trở lại với cậu. Còn giờ đây, cậu vẫn chỉ như con nai mở to đôi mắt nhìn cuộc đời, tò mò và đầy ngỡ ngàng.”

Rồi cậu lái xe suốt đêm từ San Francisco để đưa tôi về nhà chị Chi. Sáu tiếng. Những dải vạch kẻ đường sáng lên nhức nhối trong đêm, kéo dài bất tận trong màn đêm tĩnh lặng phía bên kia cửa kính xe. Tôi đã ước gì những con đường cứ kéo dài ra mãi như không bao giờ có điểm dừng. Tôi đã ước gì hành trình này không có điểm kết thúc. Tôi đã ước gì chiếc GPS chỉ sai đường để chúng tôi lạc sang một thành phố khác. Trên chuyến xe đi thẳng đến giây phút tạm biệt mãi mãi, tôi thỉnh thoảng thiếp đi rồi tỉnh dậy giữa chừng, thấy tay mình đang nằm trong tay cậu. Đàn ông luôn có ngôn ngữ riêng của họ. Một cái nắm tay khi họ đang lái xe nói rằng họ muốn giữ bạn gần bên, giữ bạn thật chặt như người đồng hành trên chặng đường này, và biết đâu đấy, cả cuộc đời này. Cái nắm tay ấy làm tôi quặn thắt cả tim khi nghĩ đến lúc cậu chỉ còn là một ký ức trong chuỗi những khoảnh khắc cuộc đời tôi, khi đôi mắt cậu chỉ còn là màu trời mỗi nơi tôi qua, và khi mỗi nụ hôn chỉ còn là dư vị trên môi khi tôi đặt tách cà phê xuống bàn. Cuộc sống chảy trôi, thời gian lao đi như tên bắn. Dù muốn hay không, những kỷ niệm cũng đang nhòe dần trong một chu trình chuyển hóa thành ký ức, dù khi ấy cậu vẫn đang bên tôi, tay cậu vẫn đang ở trong tay tôi.

Tôi nói lúc cậu vừa vượt qua một chiếc xe tải: “Cậu có biết tôi đã từng rất sợ hãi với ý nghĩ sẽ lấy người mà tôi yêu suốt hơn năm năm trời không?”

“Không phải chứ? Cậu đã yêu anh ta rất nhiều phải không?”

“Đúng. Nhưng tôi đã luôn luôn ngờ vực viễn cảnh sống hết cuộc

đời với anh ấy.”

“...”

“Vì rút cuộc, anh ấy không dành cho tôi. Nhưng dù sao, chúng tôi đã có những ngày tháng rất đẹp, đó là tất cả những gì tôi có thể nhớ về anh ấy.” Tôi nghe tiếng mình trôi theo màn đêm bên kia cửa kính xe. “Rồi tôi đến San Francisco, và không mong chờ cậu là người chữa lành vết thương cho mình.”

“Còn cậu thì đã thay đổi đời tôi,” cậu nói. “Cậu rất đặc biệt. Đặc biệt bởi thời điểm cậu đến trong cuộc đời tôi, bởi cách cậu đối xử với tôi trong thời gian chúng ta bên nhau. Cậu sẽ luôn luôn giữ một vị trí rất đặc biệt trong trái tim tôi.”

Cho đến lúc trời ngả giắc trưa, chiếc xe về đến nhà chị tôi sau khi chúng tôi dành vài tiếng để ăn cùng nhau trong một tiệm ăn của người Việt ở Murrieta. Chúng tôi ôm nhau lần cuối trong cái nắng đỏ lửa. Trời khi ấy đã vào thu, nhưng cái nắng vẫn hun cháy mặt sân trước của nhà. Khi ngả đầu vào vai cậu, tôi biết tim cậu đang đập nhanh hơn, và trời ơi, mắt cậu đỏ hoe như thể những giọt lệ đang chực chờ để đổ xuống khuôn mặt trẻ con kia. Tôi vỗ vỗ lưng cậu, choàng lấy gáy cậu và dỗ dành: “Đừng khóc, thôi mà, đừng khóc.” Dạ dày lại quặn một cơn đau. Chưa bao giờ tôi thấy những nỗi đau tinh thần hiển hiện rõ ràng trên thân thể mình như khi ấy. Từng khúc ruột như đang rã rời bên trong tôi.

Một phút nữa, cậu sẽ lái chiếc xe màu đỏ ra khỏi đây, và xa tôi mãi mãi. Tôi rời bậc cửa đang đứng, quyết định đi thật nhanh trong cái nắng đầu thu, mở cửa xe cậu và thỏa thuận lần cuối.

“Nếu mười năm sau chúng ta gặp lại nhau, và chúng ta còn độc thân, và chúng ta còn hứng thú với nhau, cậu sẽ hẹn hò với tôi chứ?”

“Có thể, ừ,” cậu trả lời rất nhanh. Tôi chưa bao giờ thấy cậu đáp lời một điều quan trọng nhanh như thế, đầu vẫn lúng túng với những giọt nước mắt còn chưa kịp rơi xuống má. “Nhưng chờ đã, thật điên rồ, mười năm nữa thì tôi ba mươi bốn tuổi rồi.”

“Thì đã sao?” Tôi nhìn thẳng vào mắt cậu như thể sắp đi đến một thỏa thuận quan trọng nhất đời. “Mười năm nữa, tôi cũng ba mươi sáu. Thật điên rồ. Thỏa thuận chứ?”

“Ừ, thỏa thuận.”

Tôi nhào người qua chiếc ghế bên phải khi chân vẫn đứng trên mặt đường, hôn một lần nữa nụ hôn kiểu Pháp, với một chàng trai Pháp. Nắng vẫn đổ xuống đường sau sân cỏ trước nhà.

Chúng tôi chia tay.

Chương 24

Tháng Mười. Robert gọi vào lúc tôi đang chuẩn bị nhét đồ vào ba lô, chuẩn bị bay đến Mexico City. Ông vẫn hỏi câu quen thuộc: “Cô đã thấy ổn hơn rồi chứ?” Và tôi bảo chắc chắn rồi. Khi trả lời câu hỏi ấy, tất cả những gì diễn ra trong vòng nửa năm đi loanh quanh nước Mỹ lướt qua trước mắt tôi như những cảnh chiếu vội của trailer một bộ phim nào đấy. Những cánh anh đào vương trên chiếc ghế trống ở D.C. hay ánh đèn xe xé toạc màn đêm ở Philly, nhánh bồ công anh soi bóng trên Cổng Mây ở Chicago, cánh đồng lúa mạch vàng óng ở Lawrence, hay Houston và không gian loang loáng ánh đèn sàn nhảy, những đêm Jazz ở New Orleans, những tách latte còn nồng hương quế ở Seattle hay những dải đường nhựa nổi thẳng đến trời trên đường road trip, những dải sương mù bông bênh ở San Francisco hay những chiếc lá thu ngã vàng ở Flagstaff. Và Robert, và Đức, và Jihea, và Andy, và chị Chi và Cậu...

Vào lúc nhấn nút tắt cuộc gọi trên điện thoại với Robert, tôi mới hay những bụi hồng đã đơm bông trong sắc hồng phấn dịu dàng. Khi tôi và cậu chia tay ở sân cỏ trước nhà, tôi không may mắn biết rằng hoa đã nở. Dù khi ấy lòng tôi ngổn ngang như căn phòng vừa bị xáo tung, hoa vẫn thơm hương trước sân nhà.

Thực ra tôi đã luôn nghĩ rằng số phận giữ cậu ở San Francisco suốt chừng đó năm trời để một ngày tôi đến và hoàn thành hành trình chữa lành vết thương trong trái tim tôi. Và sau chừng đó tháng ngày lang thang với nỗi sầu muộn, tôi đến San Francisco để kết thúc chuỗi ngày cô độc của cậu. Tình yêu giữa chúng tôi thoát nhiên giống như những cơn gió trên đỉnh đồi công viên Dolores, dịu dàng và rất trong. Chúng tôi đến trong cuộc đời nhau chỉ để làm cho cuộc sống mỗi người tốt đẹp hơn, như vốn dĩ những cơn gió không ngừng lướt trên bãi cỏ những ngày đầu thu. Thực ra tôi đã không bao giờ cần một tình yêu đáp trả, bởi có cậu trong cuộc đời đã là điều kỳ diệu mà số phận có thể làm với tôi. Tôi mỉm cười khi biết mình có một ai đó trong đời theo cách như vậy. Bởi tôi chưa bao giờ đòi hỏi

người ấy phải làm mình hạnh phúc. Bởi biết rằng sự hiện diện của họ trong cuộc đời mình đã là một niềm hạnh phúc rồi.

Và tôi nhận ra trái tim mình thôi nhức nhối khi nghĩ đến anh.

Ra vậy, mỗi người đến trong cuộc đời ta đều để đóng một vai trò nào đó, dạy ta một bài học nào đó. Khi vai trò ấy kết thúc, họ sẽ bước ra khỏi cuộc đời ta. Mọi sự níu kéo trong thương đau, nuối tiếc sẽ là vô ích. Mọi sự dằn vặt, bào chữa, đổ lỗi sẽ là không cần thiết. Bởi nếu muốn ở lại, người ta đã không chọn ra đi. Những giọt nước mắt, những nỗi sâu muộn, hay những cơn đau tâm hồn sớm muộn cũng kết thúc. Chẳng ai buồn mãi được một đời. Có lẽ vì thế mà, chỉ năm phút ngắn ngủi sau khi dừng cuộc nói chuyện với Robert, tôi gọi cho anh ở Houston và nói với anh rằng, tôi đã tha thứ cho anh và bỏ qua tất cả. Tôi không kỳ vọng điều này sẽ diễn ra, thực tình là vậy. Khi ai đó ra đi và để lại một vết thương không cách nào liền sẹo được trong tâm hồn, ta sẽ tự bảo vệ mình bằng cách không tha thứ. Nhưng cho đến buổi chiều ấy, tôi nhận ra rằng duyên phận của tôi và anh đến đây là hết. Và rằng anh đã hoàn thành vai trò mà cuộc sống gửi anh đến để hoàn thành trong cuộc đời tôi. Anh đã yêu tôi chân thành, không điều kiện trong những ngày tháng ấy; đã cùng tôi lang thang khắp nơi trong những hành trình rong ruổi sa mạc, núi đá, rừng cây; đã biến năm năm rưỡi yêu nhau của chúng tôi thành những chuỗi ngày không thể nào quên. Bao nhiêu kỷ niệm đẹp đẽ mà chúng tôi đã có sẽ mãi mãi đẹp đẽ như thế trong ký ức của tôi những tháng năm về sau này. Dù tôi biết anh cũng chẳng cần được tôi tha thứ, nhưng rốt cuộc sự tha thứ ấy chẳng phải là vì anh. Tôi tha thứ không phải vì anh xứng đáng nhận được điều ấy, mà bởi vì tôi đã giảng hòa với nỗi đau của chính mình, và lúc này đây, tôi sẵn sàng để chúng ra đi.

Nên chiều ấy, tôi đã viết cho anh một lá thư dài mà nhiều năm tháng sau tôi vẫn còn có thể nhớ đến từng câu, từng chữ.

“Cho người em đã từng yêu,

Cảm ơn anh vì đã bỏ em. Nếu điều ấy không xảy ra sớm hơn, có lẽ một thời gian dài nữa em mới nhận ra mình cô độc thế nào trong chuyện tình của chúng ta. Em đã tự nhúng mình trong cái vũng lầy đầy ngọt ngào mà em gọi là tình-yêu-của-cuộc-đời, không

biết rằng bấy lâu nay chỉ còn mình em cố gắng lèo lái con thuyền ngược lên dòng thác, còn anh thì đã buông tay từ lâu.

Cảm ơn anh vì đã ra đi ngay trước khi chúng ta bắt đầu một chương mới của cuộc đời. Nếu anh không bỏ em lại một mình, em sẽ không bao giờ biết được mình mạnh mẽ thế nào khi đứng trước đường ray tàu điện ngầm, mê đi trong cái khoái lạc rằng em sẽ chết dưới ấy chỉ bằng một bước chân và một lần nhảy xuống. Không, em không nhảy, em không tự giết mình, và em mạnh mẽ ngoi lên từ vực thăm thẳm tối, không có anh.

Cảm ơn anh vì đã dạy cho em bài học mà suốt hai mươi lăm năm đầu cuộc đời em chưa bao giờ ngộ ra: rằng nếu em không biết yêu chính bản thân mình, thì ngay cả người em yêu thương nhất cũng không thể yêu em. 'Hy sinh' thoát nghe là một từ đầy cao cả. Nhưng sự thật là chẳng ai lại có thể yêu một người không biết yêu chính bản thân mình, lo cho chính mình và sống cuộc đời của chính mình. Giờ đây, em sống một cuộc sống không thể tốt hơn được nữa. Em yêu bản thân mình hơn gấp bội, nuông chiều cảm xúc của mình, làm những gì mình thích và đón đợi mọi điều cuộc sống mang lại cho em, không hối hận.

Cảm ơn anh vì đã bỏ em. Đến khi còn lại một mình, em mới nhận ra mẹ và những người bạn yêu thương em đến nhường nào. Họ không bỏ em. Họ luôn ở bên em, dù em đi đâu và làm gì đi nữa.

Cảm ơn anh, chúng ta chỉ lãng phí gần năm năm rưỡi cuộc đời với nhau. Em tự hỏi sẽ ra sao nếu chúng ta mất thêm mười, hay hai mươi năm nữa, khi một sáng kia thức dậy trên giường chúng ta chỉ còn nhìn nhau như người-xa-lạ-vợ-chồng-có-những-đứa-con. Khi ấy, bi kịch của chúng ta sẽ còn nặng nề hơn gấp bội.

Những lời nói lạnh lùng và đầy xót xa của anh đã cứa vào vết thương em đau nhói tận xương tủy. Nhưng em cảm ơn anh vì tất cả. Ở tận cùng nỗi đau, em vẫn chỉ nhớ về những tháng ngày đẹp đẽ nhất chúng ta đã có với nhau. Em sống bằng những kỷ niệm ngọt ngào ấy, và những kỷ niệm xấu chuối nên cuộc đời em. Sẽ tốt hơn cả nếu chúng ta nghĩ về nhau mà không cần phải sầu muộn, anh nhỉ?

Và vì anh đã để lại một nỗi đau không cách nào liền sẹo được trong tâm hồn em, nên em cảm ơn anh bởi một ngày kia một người đàn ông khác đến với em và xoa dịu trái tim tan nát đó bằng cách dịu dàng nhất có thể. Khi ấy em mới nhận ra, mình xứng đáng có được một ai đó biết trân trọng em, chấp nhận con người em như vốn dĩ những gì em có. Em tin rằng người dám đi với em đến cuối cuộc đời vẫn ở đâu đó ngoài kia, và em chỉ đang trên con đường chông chênh để đến với người ấy.

Cảm ơn anh vì tất cả thời gian chúng ta đã dành cho nhau trong đời. Em đã đi với anh đủ xa để không bao giờ coi anh như người xa lạ. Em đã yêu anh đủ nhiều để không bao giờ coi rẻ những gì chúng ta đã có. Giờ đây khi chúng ta rẽ đi theo hai hướng khác nhau của cuộc đời, em sẽ vẫn tử tế với tình yêu này hết mức có thể, bởi với em, những điều tốt đẹp chúng ta đã có đáng giá hơn nhiều cái kết cục buồn ấy.

Tình yêu em dành cho anh, có lẽ suốt cuộc đời này không thể có thứ tình cảm sâu đậm như thế cho một người khác. Nhưng tất cả những tình cảm còn lưu lại trong tim, em sẽ dành cho chính mình. Em yêu anh nhiều đến nhường nào, thì em sẽ yêu bản thân mình, yêu cuộc sống của mình và yêu sự tự do của mình nhường ấy. Bởi với bất cứ ai, em chỉ có thể yêu được một lần, đầu tiên và duy nhất.

Em thực sự cầu mong cho anh sống vui, sống tốt, và cầu chúc anh tìm thấy ai đó yêu anh hơn em đã yêu. Bởi em sẽ là người hạnh phúc hơn cả khi biết anh hạnh phúc với cuộc sống của mình.”

Tôi nghĩ ở ngoài kia, giữa hàng tỉ con người trên hành tinh này, nỗi đau là thứ rất thật mà bất cứ ai trong chúng ta cũng đã từng một lần mang theo bên người. Hơn ai hết, chúng ta biết rằng rồi cũng đến một ngày nỗi đau ấy sẽ nhẹ nhàng ra đi như cơn gió luôn qua ô cửa sổ một sớm tinh sương. Nhưng cũng hơn ai hết, chúng ta chỉ không biết sớm tinh sương ấy sẽ đến khi nào. Giống như bạn bị bỏ lại nơi sân ga một đêm vắng lặng, khi chuyến tàu đáng lẽ phải lên đã chuyển bánh đi mất trên đường ray cuộc đời, mà bạn không hề có ý niệm về chuyến tàu kế tiếp sẽ đến lúc nào. Bạn loay hoay giữa khoảng thời gian vô định ấy, hoàn toàn bất lực chờ một tiếng còi tàu. Sau rốt tôi hiểu ra rằng chuyến tàu kế tiếp đến nhanh hay chậm

thực ra phụ thuộc vào chính mình, vào việc mình sẽ làm gì trước khi nó đến, và vào việc mình có giữ được niềm hy vọng rằng nó sẽ đến hay không.

Bạn biết đấy, chuyến tàu ấy sẽ luôn đến, chỉ là bạn có đủ kiên nhẫn để chờ nó không thôi.

Tôi chưa bao giờ và sẽ không tin vào câu nói “Time is a healer” (thời gian là liều thuốc chữa lành). Tôi không đếm được bao nhiêu lần được nghe ai đó nói “Thời gian sẽ chữa lành tất cả,” mỗi khi phải vượt qua một giai đoạn khó khăn trong đời.

Không, thời gian không chữa lành điều gì cả.

Không phải thời gian, mà chính những người thân đã không để cho tôi chết chìm trong cái hồ do tôi tự đào. Trong nhiều tháng liền, những đứa bạn thân nhất cứ nghe tôi lải nhải đi lải nhải lại mãi một câu chuyện mà chúng không bao giờ bảo tôi chán ngắt. Mẹ vẫn để cho tôi đi dù biết trái tim tôi tan nát. (Sau này tôi biết bà lo đến nỗi còn đi xem thầy bói xem tôi có nguyên vẹn trở về không). Chị tôi vẫn nhắc điện thoại và nghe tôi nói hàng giờ liền, dù khi ấy chị bận rộn loay hoay với kế sinh nhai mỗi ngày. Robert đã bỏ qua việc ông chúa ghét chiếc điện thoại để gọi cho tôi vài tuần một lần, chỉ để chắc chắn rằng tôi vẫn ổn. Đức đã dạy tôi phải sống để vui trước tiên, sống cho mình trước tiên nếu muốn nghĩ đến việc sống vì ai đó.

Trên hành trình của mình, tôi gặp rất nhiều người. Vài người yêu tôi. Tôi yêu vài người.

Tôi luôn cảm ơn tất cả những thời gian đã trôi qua trong đời. Tôi tôn trọng và cảm ơn quá khứ. Bởi mỗi viên gạch quá khứ đều xây nên con đường tôi đang đi hôm nay. Tôi cũng cảm ơn tất cả những người đã đến và đi, hoặc chọn ở lại với cuộc đời tôi, dù họ đến để xé toạc tim tôi ra hay khiến cho cuộc đời tôi tốt đẹp hơn. Và tôi bắt đầu hiểu ra rằng, tôi đã không bao giờ nhảy xuống đường ray mỗi khi tiến đến cái vạch chết chóc là bởi sâu tận trong đáy lòng tôi vẫn còn yêu tha thiết bản thân và cuộc sống của mình. Tôi còn quá trẻ để chết, quá trẻ để sống cuộc sống tôi muốn, thực hiện điều tôi ước mơ và tìm thấy người thực sự dành cho tôi.

Tôi không vứt đi hay thay đổi bất cứ thứ gì thuộc về tình yêu của tôi và anh. Mọi thứ vẫn ở nguyên chỗ của nó, chỉ có duy nhất một thứ thay đổi, là chính tình yêu này. Bởi tôi biết dù có làm gì đi nữa, tôi cũng không thể phủ nhận rằng con người và tình yêu ấy đã từng có thật trong đời mình. Và giờ đây, tôi có thể bình thản đối mặt với mọi sự sắp đặt mà số phận đã làm trong những ngày tháng ấy.

Tôi tin cuộc đời là công bằng. Và thời gian không làm điều gì cả. Thời gian cũng không thể làm điều gì cả, nếu tự bản thân tôi không muốn chữa lành vết thương của chính mình.

Và tôi yêu cách mình đã chọn làm mọi thứ trong đời theo trái tim của mình. Dù trái tim tôi thì thường ngu ngốc và yếu đuối hơn lý trí của mình nhiều. Tôi không thể vứt bỏ tâm hồn để sống thật bình lặng và hạnh phúc như những con người trong “tận cùng thế giới” của Haruki Murakami⁽¹⁾. Tôi chấp nhận tổn thương để biết yêu mình hơn, chấp nhận từ bỏ để biết cách tiến về phía trước, và chấp nhận rằng mình cô đơn để biết giá trị của những hạnh phúc tôi sẽ có sau này.

Nên tôi yêu những gì mình đã, đang và sẽ làm, yêu cuộc sống của mình, và yêu chính bản thân mình nữa. Và tôi yêu cả tuổi trẻ này quá đổi.

Mục lục

"Những hành trình lớn cần những trái tim dũng cảm"	2
Phần 1 BỜ ĐÔNG, NHỮNG NGÀY XUÂN ĐẦU TIÊN	5
Chương 1	5
Chương 2	7
Chương 3	14
Chương 4	19
Chương 5	26
Chương 6	32
Chương 7	36
Chương 8	43
Chương 9	47
Phần 2 VÙNG TRUNG TÂY VÀ TRUNG NAM, NHỮNG NGÀY HÈ THIÊU ĐỐT	53
Chương 10	53
Chương 11	63
Chương 12	69
Chương 13	75
Chương 14	79
Chương 15	85
Phần 3 BỜ TÂY, ROAD TRIP VÀ NHỮNG NGÀY THU SƯƠNG MÙ	89
Chương 16	89
Chương 17	100
Chương 18	110
Chương 19	115
Chương 20	120
Chương 21	132
Chương 22	135
Chương 23	139
Chương 24	145